

Giáo Sĩ Việt Nam

Bán nguyệt san – Số 229 – Chúa nhật 17.08.2014

Giáo sĩ: ĐƯỢC CHỌN GIỮA LOÀI NGƯỜI VÀ CHO LOÀI NGƯỜI (x. Dt, 5.1)

www.conggiaovietnam.net

giasivietnam@gmail.com

MỤC LỤC

Sắc Lệnh về Các Giáo Hội Công Giáo Đông Phương Orientalium Ecclesiarum	Vatican 2
BÀI GIÁO LÝ : ĐỨC MARIA HỒN XÁC LÊN TRỜI	Lm. PX. Nguyễn Hùng Oánh
NHÂN TÍNH VÀ THIÊN TÍNH CỦA MẸ MARIA	Bác sĩ Nguyễn Tiến Cảnh, MD.
NGƯỜI PHỤ NỮ CANAAN	Lm FX. Vũ Phan Long, ofm.
AN PHONG – NGỌN GIÓ LÀNH	Lm. Vĩnh Sang, DCCT
CHỨC VỤ TƯ TẾ, VƯƠNG ĐẾ VÀ NGÔN SỬ CỦA NGƯỜI GIÁO DÂN LÀ GÌ?.....	
.....	Lm. PX. Ngô Tôn Huân
CHÚA Ở ĐÂU?	Lm. Tuấn Việt, O.Carm
VẬN MỆNH, BÚT TÍCH VÀ LỜI CHỨNG CỦA NGƯỜI MÔN ĐỆ ĐỨC GIÊ-SU YÊU MẾN - GA 21,20-25.	Lm. Jos. Lê Minh Thông, OP.
CUỘC CHIẾN THIÊN LIỆNG THEO THÁNH KINH, TRONG HỘI THÁNH & NƠI CÁC THÁNH - ONWARD CATHOLIC SOLDIER	Lm. Minh Anh chuyển ngữ
MỘT SỐ VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN TÌNH CẢM VÀ TÍNH DỤC CỦA LINH MỤC - Thường Huấn Linh Mục Trẻ Huế (Ngày 3/6/2014)	Lm. Micae Phaolo Trần Minh Huy, pss.
TỬ BIỆT	Bác Sĩ Nguyễn Ý-Đức, MD.
VỪA	Chuyện Phiếm của Gã Siêu

Sắc Lệnh về Các Giáo Hội Công Giáo Đông Phương Orientalium Ecclesiarum

Thánh Công Đồng Chung Vaticanô II

Khóa V Ngày 21 tháng 11 Năm 1964

Phaolô Giám Mục

Tôi Tớ Các Tôi Tớ Thiên Chúa

Hiệp Nhất Với Các Nghị Phụ Của Thánh Công Đồng

Để Muôn Đời Ghi Nhớ

Sắc Lệnh
về Các Giáo Hội
Công Giáo Đông Phương
Orientalium Ecclesiarum

Bản dịch Việt Ngữ của Giáo Hoàng Học Viện Piô X
Prepared for Internet by Vietnamese Missionaries in Asia

Sắc Lệnh
về Các Giáo Hội
Công Giáo Đông Phương

Lời mở đầu

1. Giáo Hội Công Giáo ^{1*} rất mực tôn trọng những quy chế, nghi lễ phụng vụ, truyền thống Giáo Hội và quy luật của đời sống Kitô giáo nơi các Giáo Hội Công Giáo Đông Phương. Thật vậy, truyền thống từ các Tông Đồ qua các Giáo Phụ ^{1.} ^{2*} vẫn được sáng tỏ nơi các Giáo Hội vẫn nổi danh nhờ sự cổ kính đáng mộ mến ấy. Chính Truyền Thống này tạo nên một phần Mạc Khải của Thiên Chúa và một phần gia sản nguyên tuyền của toàn thể Giáo Hội. Vì thế trong niềm ưu ái đối với các Giáo Hội Đông Phương là những chứng tá sống động của Truyền Thống trên, Thánh Công Đồng này ước mong các Giáo Hội ấy được thịnh vượng và biết chu toàn phận vụ đã được trao phó với tinh thần tông đồ hăng say mới mẻ. Vậy, ngoài những quyết định liên quan tới toàn thể Giáo Hội, Thánh Công Đồng thiết định những chương chính yếu sau đây, còn những điểm khác dành lại cho các Hội Nghị Đông Phương ^{3*} và Tòa Thánh định liệu ^{4*}.

Các Giáo Hội Riêng Biệt Hay Các Lễ Chế

2. Sự khác biệt của các Lễ Chế không phương hại đến sự hiệp nhất. Hội Thánh Công Giáo là Nhiệm Thể Chúa Kitô gồm các tín hữu là những người liên kết chặt chẽ với nhau trong Chúa Thánh Thần nhờ cùng một đức tin, nhờ những bí tích và một quyền cai trị như nhau. Nhờ việc đoàn tụ thành những cộng đoàn khác nhau liên kết bằng phẩm trật ^{5*}, họ tạo nên những Giáo Hội riêng biệt hay những lễ chế ^{6*}. Các Giáo Hội này thông hiệp với nhau một cách lạ lùng đến nỗi những sắc thái khác biệt trong Giáo Hội không phương hại mà còn làm sáng tỏ thêm sự hiệp nhất. Thật ra, Giáo Hội Công Giáo muốn bảo toàn các truyền thống của từng Giáo Hội riêng biệt hay các lễ chế. Đồng thời Giáo Hội cũng muốn thích nghi nếp sống của mình với các nhu cầu khác nhau thuộc thời gian và nơi chốn ⁷.

3. Các lễ chế đều có cùng một phẩm giá. Các Giáo Hội riêng biệt này, Đông cũng như Tây, tuy có phần khác nhau trong lễ chế như người ta thường nói, như phụng vụ, giáo luật và di sản tinh thần, nhưng tất cả đều được đặt dưới quyền cai quản mục vụ của Giáo Hoàng Roma, Đấng kế vị Thánh Phêrô theo ý Thiên Chúa trong quyền tối cao trên toàn thể Giáo Hội. ^{7*} Do đó, xét theo phẩm giá, các Giáo Hội đều ngang hàng với nhau, đến nỗi trên bình diện lễ chế không một Giáo Hội nào trội vượt trên các Giáo Hội khác. Tất cả đều hưởng cùng những quyền lợi và có những bổn phận như nhau, cả đến việc có liên quan tới công cuộc rao giảng Phúc Âm cho toàn thể giới (x. Mc 16,15) dưới sự hướng dẫn của Giáo Hoàng Roma ^{8*}.

4. Các lễ chế phải được học hỏi kỹ lưỡng. Vì thế, mọi nơi trên hoàn cầu đều phải lo duy trì và phát triển các Giáo Hội riêng biệt và do đó, nên thành lập những xứ đạo và hàng giáo phẩm riêng ở nơi mà lợi ích thiêng liêng của các tín hữu đòi hỏi. Còn hàng giáo phẩm của các Giáo Hội riêng biệt khác nhau, tuy có thẩm quyền ^{9*} trên cùng một địa hạt, cũng phải lo cổ võ sự hiệp nhất trong hành động nhờ các cuộc trao đổi ý kiến với nhau trong các phiên họp định

kỳ, đồng thời phải góp sức hỗ trợ các công việc chung để mở mang đạo Chúa cách dễ dàng hơn và bảo vệ kỷ luật trong hàng giáo sĩ cách hữu hiệu hơn ^{3, 10*}. Mọi giáo sĩ và tất cả những ai tiến tới các chức thánh phải học hỏi cẩn thận về các lễ chế, nhất là về các tiêu chuẩn thực hành trong các vấn đề tương quan giữa các lễ chế. ^{11*} Ngay các giáo hữu cũng phải được dạy dỗ về các lễ chế và các tiêu chuẩn ấy trong giờ giáo lý. Sau cùng, tất cả và mỗi người công giáo, cả những người chịu phép rửa trong bất cứ Giáo Hội hay cộng đoàn không công giáo nào, khi trở về ^{12*} hiệp thông hoàn toàn với Giáo Hội Công Giáo, vẫn phải duy trì và tôn trọng lễ chế riêng dù ở bất cứ nơi nào và phải tùy sức tuân giữ ^{4, 13*}. Tuy nhiên, quyền khiếu nại lên Tòa Thánh trong những trường hợp đặc biệt, thuộc cá nhân, cộng đoàn, hoặc giáo miền vẫn được bảo đảm. Như vị trọng tài tối cao cho các tương quan giữa các Giáo Hội riêng biệt, Tòa Thánh, hoặc đích thân hoặc qua các đảng thẩm quyền khác sẽ giải quyết thỏa đáng các nhu cầu trong tinh thần hiệp nhất, bằng cách ban những quy luật, sắc lệnh hay những phúc chiếu ^{14*} thích hợp.

Việc Bảo Vệ Di Sản Tinh Thần Nơi Các Giáo Hội Đông Phương

5. Công lao của các Giáo Hội Đông Phương. Lịch sử, các truyền thống, và rất nhiều thể chế trong Giáo Hội đều chứng minh rõ ràng rằng các Giáo Hội Đông Phương có công biết bao đối với toàn thể Giáo Hội ⁵. Vì vậy Thánh Công Đồng không những hết lòng yêu mến và ca ngợi đúng mức gia sản tinh thần của các Giáo Hội này, mà còn xác quyết đó là sản nghiệp của toàn thể Giáo Hội Chúa Kitô. Do đó, Thánh Công Đồng long trọng tuyên bố rằng các Giáo Hội Đông Phương cũng như Tây Phương đều có quyền lợi và bổn phận tuân theo những quy luật riêng của mình ^{15*} vì những quy luật này có giá trị nhờ ở đặc tính cổ kính đáng quý trọng, phù hợp với các tập tục của tín hữu hơn và xem ra có thể mưu ích cho các linh hồn cách hữu hiệu hơn.

6. Không được thay đổi cách độc đoán. Mọi giáo hữu Đông Phương nên ý thức và xác tín rằng mình có thể và phải luôn luôn tuân giữ các nghi thức phụng vụ hợp pháp và quy luật của mình, và không được thay đổi điều gì nếu không vì lý do tiến bộ riêng thuộc phạm vi tổ chức. Vậy chính các giáo hữu Đông Phương phải hết sức trung thành tuân giữ các điều ấy. Họ phải lo học hiểu các điều đó ngày càng sâu rộng hơn và đạt đến mức độ hoàn hảo hơn trong thực hành. Nếu vì lý do thời gian hay nhân sự làm cho họ xao lãng một cách bất cẩn, họ phải cố gắng trở về với truyền thống của tổ tiên. Riêng những ai hoặc vì phận sự hay do nhiệm vụ tông đồ có liên lạc thường xuyên với các Giáo Hội Đông Phương hay với tín hữu thuộc các Giáo Hội này, cần phải được đào luyện chu đáo để am hiểu và tôn trọng các nghi thức, quy luật, giáo thuyết ^{16*} cũng như lịch sử và tâm tính người Đông Phương tùy theo tầm quan trọng của công việc họ đảm nhận ⁶. Các dòng tu và các tu hội theo lễ chế Latinh hoạt động tại các miền thuộc Giáo Hội Đông Phương hay giữa các tín hữu Đông Phương nên cố gắng thành lập các chi nhánh hay cả những tỉnh dòng theo lễ chế Đông Phương, nếu có thể, để việc tông đồ được hữu hiệu hơn ⁷.

Các Thượng Phụ Đông Phương

7. Thể chế Thượng Phụ. Thể chế Thượng Phụ ^{17*} đã được thịnh hành từ lâu trong Giáo Hội và đã được các Công Đồng Chung tiên khởi nhìn nhận ⁸.

Thực ra, danh hiệu Thượng Phụ Đông Phương dùng để chỉ vị Giám Mục có thẩm quyền trên tất cả các Giám Mục kể các các vị Tổng Giáo Chủ ^{18*}, trên hàng giáo sĩ và giáo dân trong địa hạt hay thuộc lễ chế mình chiếu theo luật định, nhưng vẫn tôn trọng quyền tối cao của Giáo Hoàng Roma ⁹.

Vị Giáo Chủ ^{19*} thuộc một lễ chế nào đó được chỉ định làm giáo chủ cho bất cứ nơi nào ngoài địa hạt thượng phụ, thì vẫn lệ thuộc vào quyền của Thượng Phụ giáo chủ lễ chế ấy theo luật định.

8. Các Thượng Phụ trong Giáo Hội Đông Phương, dù tiến chức trước hay sau, tất cả đều bình đẳng trên cương vị Thượng Phụ Giáo Chủ, nhưng giữa các ngài vẫn có ngôi thứ danh dự, được minh định cách hợp pháp [10](#).

9. Danh dự đặc biệt của các Thượng Phụ Đông Phương. Theo truyền thống rất cổ kính của Giáo Hội, các Thượng Phụ Đông Phương phải được hưởng một danh dự đặc biệt vì các ngài cai quản địa hạt mình như những người cha và thủ lãnh.

Vì thế Thánh Công Đồng quyết định phục hồi các quyền lợi và đặc ân [20*](#) của các ngài chiếu theo truyền thống cổ kính của từng Giáo Hội và sắc lệnh của các Công Đồng Chung [11](#).

Thực ra, chính các quyền lợi và đặc ân này đã có từ thời Đông Phương và Tây Phương còn hiệp nhất [21*](#), mặc dầu ngày nay còn phải thích nghi ít nhiều với hoàn cảnh.

Các Thượng Phụ hợp với Hội Đồng riêng lập thành tòa thượng thẩm để minh xét mọi vấn đề trong địa hạt, kể cả quyền thiết lập các địa sở mới [22*](#) và bổ nhiệm các Giám Mục cùng một lễ chế trong địa hạt thượng phụ, dĩ nhiên vẫn bảo toàn quyền đặc hữu của Giáo Hoàng Roma: can thiệp vào từng trường hợp [23*](#).

10. Thiết lập những tòa thượng phụ mới. Theo luật định, tất cả những khoản nói về các Thượng Phụ cũng có giá trị đối với các Tổng Giám Mục Niên Trưởng [24*](#) là những vị đứng đầu một Giáo Hội riêng biệt hay một lễ chế nào đó [12](#).

Vì thể chế Thượng Phụ là hình thức cai trị cổ truyền nơi các Giáo Hội Đông Phương, nên Thánh Công Đồng Chung hết sức mong ước thiết lập thêm những tòa Thượng Phụ Giáo Chủ, khi cần. Việc thiết lập này được dành cho Công Đồng Chung hay Giáo Hoàng Roma [13](#).

Quy Luật Về Các Bí Tích

12. Tái lập qui luật cũ về các Bí Tích. Thánh Công Đồng chấp nhận và phê chuẩn quy luật cổ kính về các bí tích thịnh hành nơi các Giáo Hội Đông Phương, cả cách thức cử hành và ban các bí tích ấy nữa. Thánh Công Đồng cũng mong ước phục hồi cách thức này khi cần.

13. Ban Bí Tích Thêm Sức. Quy luật về thừa tác viên "Thêm Sức" đã thịnh hành từ ngàn xưa nơi các giáo hữu Đông Phương sẽ được phục hồi hoàn toàn [25*](#). Do đó, các linh mục có thể ban bí tích này, miễn là dùng Dầu Thánh do Thượng Phụ hay Giám Mục làm phép [14](#).

14. Tất cả các linh mục Đông Phương có thể ban bí tích này thành sự cùng một trật với phép Rửa Tội, [26*](#) hoặc riêng rẽ, cho mọi tín hữu thuộc bất cứ lễ chế nào, kể cả lễ chế Latinh, và để cho hợp pháp, phải giữ mọi điều theo luật định, chung cũng như riêng [15](#). Các linh mục theo lễ chế Latinh [27*](#) có quyền ban bí tích này, cũng có thể ban cho tín hữu thuộc các Giáo Hội Đông Phương miễn là không phương hại đến lễ chế. Dĩ nhiên để cho hợp pháp, phải tuân giữ các điều luật, chung cũng như riêng [16](#).

15. Luật giữ ngày Chúa nhật và các lễ trọng. Vào Chúa nhật và các ngày Lễ Trọng, các giáo hữu buộc phải tham dự vào Phụng Vụ Thánh [28*](#) hay các giờ ca tụng Thiên Chúa theo tập tục và thói quen của từng lễ chế [17](#). Để giáo dân có thể chu toàn bổn phận này cách dễ dàng, giờ thuận tiện cho việc giữ luật đó được ấn định là từ chiều hôm trước cho đến hết Chúa nhật hay ngày lễ trọng [18](#). Thánh Công Đồng Chung tha thiết khuyên nhủ các tín hữu nên rước lễ trong những ngày đó, cũng như khuyên năng rước lễ hơn, và cả việc rước lễ hằng ngày [19](#).

16. Quyền tài phán trên các lễ chế khác nhau. Trong cuộc sống trà trộn hằng ngày của tín hữu thuộc các Giáo Hội Đông Phương khác nhau trong cùng một miền hay địa hạt đông phương, các linh mục thuộc bất cứ lễ chế nào, một khi được Đấng Bản Quyền mình ban quyền giải tội theo luật và không hạn hẹp, đều có thể giải tội cho mọi tín hữu trong toàn địa hạt ngài, cả các tín hữu và những nơi thuộc các lễ chế khác nằm trong địa hạt này, miễn là Đấng Bản Quyền địa phương của các lễ chế khác không ngăn cấm rõ ràng ở nơi đó [20](#).

17. Bí Tích Truyền Chức. Để phục hồi quy luật cổ kính về Bí Tích Truyền Chức trong các Giáo Hội Đông Phương, Thánh Công Đồng mong muốn tái lập chức phó tế vĩnh viễn [29*](#) nơi mà thể chế này đã bị mai một [21](#). Còn đối với chức Phụ Phó Tế và các Chức Nhỏ cũng như những

quyền lợi và bổn phận liên hệ, sẽ do quyền lập pháp của từng Giáo Hội riêng biệt tùy nghi định đoạt [22](#).

18. Hình thức Giáo luật của việc cử hành hôn phối khác lễ chế. Để tránh những hôn nhân bất thành sự khi người Công Giáo Đông Phương kết hôn với người không Công Giáo Đông Phương đã được rửa tội, và để duy trì tính cách bền vững, thánh thiện của hôn nhân cũng như sự hòa thuận trong gia đình, Thánh Công Đồng phán quyết rằng, để cho hợp pháp, buộc cử hành lễ nghi cho những đôi hôn phối này theo hình thức giáo luật. [30*](#) Còn để thành sự, chỉ cần sự hiện diện của thừa tác viên có chức thánh là đủ, dĩ nhiên phải tuân giữ các điểm khác theo luật định [23](#).

Việc Phụng Thờ Thiên Chúa

19. Các ngày lễ. Từ nay về sau, duy có Công Đồng Chung hay Tòa Thánh mới có quyền thiết lập, thay đổi hay bãi bỏ các ngày lễ chung cho các Giáo Hội Đông Phương. Còn các ngày lễ riêng của các Giáo Hội địa phương, thì ngoài Tòa Thánh ra, Hội Đồng Thượng Phụ hay Tổng Giáo Chủ cũng có quyền trên, tuy nhiên, nên lưu tâm hoàn cảnh của toàn miền và của các Giáo Hội riêng biệt khác [24](#).

20. Cử hành lễ Phục Sinh. Trong khi chờ đợi mọi Kitô hữu thỏa thuận mừng lễ Phục Sinh vào cùng một ngày [31*](#), Thánh Công Đồng đã ủy thác cho các Thượng Phụ hay các Đấng Bản Quyền Tối Cao địa phương việc ấn định một Chúa nhật để mừng lễ này, sau khi tham khảo ý kiến các người liên hệ và được họ chấp thuận hầu thể hiện sự hiệp nhất giữa các Kitô hữu sống trong một miền hay một lãnh thổ [25](#).

21. Thời gian thánh. Về luật thời gian thánh, các tín hữu sống ngoài địa hạt hay miền thuộc lễ chế riêng có thể hoàn toàn thích nghi theo qui luật đang thịnh hành nơi họ sống. Riêng những gia đình theo nhiều lễ chế khác nhau cũng được phép giữ luật này theo một lễ chế mà thôi [26](#). [32*](#)

22. Kinh nhật tụng. Các giáo sĩ và tu sĩ Đông Phương cứ theo tập tục và truyền thống riêng của qui luật mình mà cử hành các giờ Kinh Nhật Tụng, đã được rất mực tôn kính trong các Giáo Hội Đông Phương từ ngàn xưa [27](#). Chính các giáo hữu cũng nên noi gương cha ông tham dự các giờ Kinh Nhật Tụng với lòng sốt sắng và tùy khả năng.

23. Ngôn ngữ trong phụng vụ. Quyền ấn định việc dùng ngôn ngữ trong phụng vụ thánh được dành cho các Thượng Phụ và Hội Đồng của ngài, hay Đấng Bản Quyền tối cao của mỗi Giáo Hội và Hội Đồng Giáo Chủ. Các vị này cũng có quyền phê chuẩn các bản dịch sang tiếng bản xứ sau khi phúc trình lên Tòa Thánh [28](#).

Liên Lạc Với Anh Em Thuộc Các Giáo Hội Ly Khai [33*](#)

24. Cổ võ sự hiệp nhất giữa các anh em Đông Phương ly khai. Các Giáo Hội Đông Phương hiệp thông với Tòa Thánh Rôma có trọng trách đặc biệt phải xúc tiến việc hiệp nhất các Kitô hữu, nhất là các Kitô hữu Đông Phương, dựa theo các nguyên tắc được Thánh Công Đồng này ban tới trong sắc lệnh "Về Hiệp Nhất", nhất là họ phải cầu nguyện và làm gương sáng trong đời sống, trung thành với những truyền thống tôn giáo Đông Phương [34*](#) thời xưa, tìm hiểu lẫn nhau sâu xa hơn, cộng tác và quý trọng con người [35*](#) cùng sự vật [36*](#) trong tình huynh đệ [29](#).

25. Các anh em ly khai Đông Phương, khi trở về hiệp nhất với Công Giáo nhờ tác động của ơn Chúa Thánh Thần, sẽ không bị đòi phải làm gì hơn là tuyên xưng Đức Tin công giáo [37*](#) một cách đơn giản. Hơn nữa, vì chức vụ linh mục đã thành sự nơi họ vẫn được bảo tồn, nên các giáo sĩ Đông Phương, khi trở về hiệp nhất với Công Giáo, vẫn còn quyền thi hành chức vụ riêng theo những qui luật do Đấng có thẩm quyền thiết lập [30](#). [38*](#)

26. Nguyên tắc về "việc thông dự vào sự thánh". Luật Chúa cấm thông dự vào sự thánh [39*](#) có phương hại đến vấn đề hiệp nhất của Giáo Hội, hoặc đưa đến sai lầm thật sự hay nguy cơ lạc hướng về đức tin, sinh ra gương mù gương xấu và tạo nên thái độ lãnh đạm [31](#). Việc

thực hành mục vụ chứng tỏ rằng: đối với những vấn đề liên quan đến anh em Đông Phương, người ta có thể và phải xét tới hoàn cảnh cá biệt của từng người, trong đó có những hoàn cảnh không phương hại đến sự hiệp nhất của Giáo Hội cũng không có những hiểm nguy phải tránh, nhưng chỉ thấy sự cần thiết của ơn cứu rỗi và lợi ích thiêng liêng của các linh hồn thúc bách. Chính vì thế mà Giáo Hội Công Giáo, vì mọi hoàn cảnh thời gian, nơi chốn và nhân sự thường đã và đang còn theo một phương thức hành động mềm dẻo hơn, đang khi đem lại những phương thế cứu rỗi và biểu dương tình bác ái nơi các Kitô hữu cho hết mọi người qua việc tham dự vào các bí tích cũng như các cuộc cử hành phụng tự khác và dùng các đồ vật thánh [40*](#). Sau khi đã cân nhắc những điều đó, Thánh Công Đồng đã thiết định nguyên lý hành động sau đây "để chúng tôi khỏi trở thành chướng ngại vật, vì quan niệm quá nghiêm khắc, cho những ai lãnh nhận ơn cứu rỗi" [32](#) và để xúc tiến ngày một hữu hiệu sự hiệp nhất với các Giáo Hội Đông Phương ly khai với chúng ta.

27. Áp dụng mục vụ về việc "thông dự vào sự thánh". Chiếu theo các nguyên tắc vừa được nhắc trên đây, có thể ban các bí tích Cáo Giải, Thánh Thể và Xức Dầu Bệnh Nhân cho những tín hữu Đông Phương vì ý ngay lành [41*](#) đã ly khai với Giáo Hội Công Giáo, nếu tự ý họ xin và đã chuẩn bị tâm hồn một cách thích đáng. Hơn nữa người Công Giáo cũng được quyền xin chịu những bí tích này nơi các thừa tác viên ngoài công giáo thuộc các Giáo Hội có những bí tích ấy thành sự, mỗi khi cần thiết hay ích lợi thiêng liêng đòi hỏi, trong trường hợp ngăn trở thể lý cũng như luân lý, [42*](#) không thể tìm tới linh mục công giáo được [33](#).

28. Ngoài ra, cũng theo các nguyên tắc này, khi có lý do chính đáng người Công Giáo và anh em ly khai Đông Phương có thể cùng nhau thông dự vào những cuộc cử hành phụng tự, dùng chung những đồ vật thánh và nơ thánh [34](#), [43*](#)

29. Việc ấn định cách thức thông dự vào sự thánh với anh em thuộc Giáo Hội ly khai Đông Phương sẽ uyển chuyển tùy theo sự khôn ngoan của các vị Giáo Chủ Bản Quyền địa phương, để sau khi hội ý với nhau, và nếu cần, sau khi đã tham khảo ý kiến của các vị Giáo Chủ của những Giáo Hội ly khai, các vị Giáo Chủ Bản Quyền địa phương ấy có thể điều hòa việc liên lạc giữa các Kitô hữu bằng những nguyên tắc và tiêu chuẩn thuận lợi và hữu hiệu hơn [44*](#).

Kết Luận

30. Thánh Công Đồng rất hoan hỉ về sự cộng tác tích cực và hữu hiệu giữa các Giáo Hội Công Giáo Đông Phương và Tây Phương, đồng thời tuyên bố rằng: mọi chủ trương có tính cách pháp định này được nêu ra vì những hoàn cảnh hiện tại, cho tới ngày Giáo Hội Công Giáo và Giáo Hội ly khai Đông Phương đạt tới tình trạng hiệp thông hoàn toàn [45*](#).

Trong khi chờ đợi, thành khẩn xin các Kitô hữu, Đông Phương cũng như Tây Phương, dâng lên Thiên Chúa những lời nguyện sốt sắng, kiên trì và hàng ngày, ngõ hầu nhờ sự trợ giúp của Mẹ Cực Thánh Thiên Chúa, mọi người được hiệp nhất. [46*](#) Cũng xin mọi người cầu nguyện cùng Chúa Thánh Thần, Đấng An Ủi, tuôn tràn ơn trợ lực và an ủi cho bao nhiêu Kitô hữu của bất cứ Giáo Hội nào đang phải đau khổ và chịu bách hại mà vẫn can đảm tuyên xưng danh Chúa Kitô [47*](#).

Mọi người chúng ta hãy yêu thương nhau trong tình bác ái huynh đệ và hãy tôn trọng lẫn nhau [35](#).

Tất cả và từng điều đã được ban bố trong Sắc Lệnh này đều được các Nghị Phụ Thánh Công Đồng chấp thuận. Và dùng quyền Tông Đồ Chúa Kitô trao ban, hiệp cùng các Nghị Phụ khả kính, trong Chúa Thánh Thần, Chúng Tôi phê chuẩn, chế định và quyết nghị, và những gì đã được Thánh Công Đồng quyết nghị, Chúng Tôi truyền công bố cho Danh Chúa cả sáng.

Roma, tại Đền Thánh Phêrô, ngày 21 tháng 11 năm 1964.

Tôi, Phaolô Giám Mục Giáo Hội Công Giáo.

Tiếp theo là chữ ký của các Nghị Phụ.

Chú Thích:

1* Giáo Hội Công Giáo là Giáo Hội phổ quát. Các Giáo Hội Công Giáo Đông Phương đều thuộc về Giáo Hội này. Các Giáo Hội đó ngang hàng với Giáo Hội Latinh, không kém hơn, cũng không phải là phụ thêm vào Giáo Hội theo nghi lễ Latinh.

1 Xem Lêô XIII, Tông thư *Orientalium dignitas*, 30-11-1894, trong *Leonis XIII Acta XIV*, trg 201-202.

2* Các Giáo Phụ là các "văn sĩ" công giáo thời thượng cổ Kitô giáo, từ thế kỷ thứ nhất đến thế kỷ thứ tám.

3* Hội nghị là một ủy ban thương gồm vài Giám Mục. Các vị này cộng tác với vị thủ lãnh điều khiển một Giáo Hội riêng biệt.

4* Sắc lệnh chỉ đề cập đến một vài điểm của các Giáo Hội Đông Phương; những vấn đề khác được ủy thác cho Hội Nghị và Tòa Thánh.

5* Hàng giáo phẩm gồm tất cả những ai có quyền thánh và điều khiển Giáo Hội.

6* "Lễ Chế": ở đây hiểu theo nghĩa rộng (xem phần nhập đề). "Giáo Hội riêng biệt ở đây đồng hóa với Lễ Chế. Giáo Hội riêng biệt là Cộng Đoàn tín hữu có cùng một nghi lễ phụng vụ, một quy luật và cùng dưới một quyền cai trị. Đừng lẫn lộn "Giáo Hội riêng biệt" với Giáo Hội địa phương. Nhiều Giáo Hội địa phương có thể cùng thuộc về một Giáo Hội riêng biệt.

2 Xem T. Lêô IX, Thư *In terra pax*, năm 1053: "Ut enim". - Innocentiô III, CĐ Lateranô IV, năm 1215, ch IV: "Licet Graecos"; Thư *Inter Quattuor*, 2-8-1206: "Postulasti postmodum". - Innocentiô IV, Thư *Cum de cetero*, 27-8-1274; thư *Sub catholicae*, 6-3-1254, phần mở đầu. - Nicolaô III, Huấn thị *Istud est memoriale*, 9-10-1278. - Lêô X, Tông thư *Acceptimus nuper*, 18-5-1521. - Phaolô III, Tông thư *Dudum*, 23-12-1534. - Piô IV, Tông hiến *Romanus pontifex*, 16-2-1564, ch 5. - Clementê VIII, Tông hiến *Magnus Dominus*, 23-12-1595, ch 10. - Phaolô V, Tông hiến *Solei circumspecta*, 10-12-1615, ch 3. - Benedictô XIV, Tđ *Demandatam*, 24-12-1743, ch 3; Tđ *Allatae sunt*, 26-6-1745, ch 3, 6-9, 32. - Piô VI, Tđ *Catholicae communionis*, 24-5-1787. - Piô IX, Thư *In suprema*, 6-1-1848, ch 3; Tông thư *Ecclesiam Christi*, 26-11-1853; Tông hiến *Romani Pontificis*, 6-1-1862. - Lêô XIII, Tông thư *Praeclara*, 20-6-1894, số 7; Tông thư *Orientalium dignitas*, 30-11-1894, phần mở đầu.v...

7* Sự hiệp nhất tất cả các Giáo Hội riêng biệt với nhau, đông phương cũng như tây phương, được bảo đảm nhờ cùng một quyền cai trị tối cao của Đức Giáo Hoàng, vị có quyền hành trên mọi Giáo Hội riêng biệt.

8* Công Đồng tuyên bố rằng: tất cả mọi Giáo Hội riêng biệt có tư cách như nhau, hưởng cùng một quyền lợi và có những bổn phận như nhau. Như thế Công Đồng bác bỏ luận đề trước kia được nhiều người ủng hộ rằng Giáo Hội theo Lễ Chế Latinh cao trọng hơn các Giáo Hội đông phương. Các Giáo Hội đông phương có quyền rao giảng Phúc Âm bất cứ nơi nào, như Giáo Hội Latinh. trước kia quyền này chỉ được hạn hẹp trong một vài nơi.

9* Thẩm quyền là một khả năng thực hành quyền thiêng liêng và cai trị các tín hữu.

3 Xem Piô XII, Tự sắc *Cleri sanctiati*, 2-6-1957, kh 4.

10* Công Đồng ao ước các Giáo Hội riêng biệt trên cùng một lãnh thổ thông cảm và cộng tác chặt chẽ với nhau trong các công việc chung càng nhiều càng hay.

11* Việc cộng tác giữa các Giáo Hội riêng biệt giả thiết có sự hiểu biết và quý trọng nhau. Như thế Công Đồng muốn giáo sĩ cũng như giáo dân có sự hiểu biết đó.

12* Công Đồng tránh dùng tiếng "trở lại" để khỏi va chạm người Đông phương không công giáo. Dù ở đây chỉ đề cập đến cá nhân đã chịu Phép Thánh Tẩy để trở về với Giáo Hội Công Giáo, tuy nhiên Công Đồng không loại trừ ý tưởng và lòng ao ước một sự liên kết tập thể giữa người Đông Phương không công giáo và Giáo Hội Công Giáo.

4 N.v.t. kh 8: "Không có phép Tòa Thánh thì theo lối thực hành của những thế kỷ trước". Cũng vậy, đối với những người ngoài Kitô giáo đã được rửa tội, kh. 11 có câu "Họ có thể chọn

lựa lễ chế nào mà họ thích hơn". Bản văn trên đây minh chứng một cách rõ rệt việc theo một lễ chế cho hết mọi người ở bất cứ nơi nào.

13* Công Đồng muốn mỗi người công giáo đông phương duy trì Lễ Chế và ở lại trong Giáo Hội riêng biệt của mình. Cũng như khi các người đông phương không công giáo trở về với Giáo Hội Công Giáo, Công Đồng khuyên họ nên liên kết với Giáo Hội Công Giáo Đông Phương có cùng một Lễ Chế mà họ đã ở khi còn thuộc về cộng đoàn hay Giáo Hội ly khai. Quy luật này nhằm giúp cho Giáo Hội riêng biệt khỏi phải mai một.

14* Phúc chiếu là một bản trả lời chính thức bằng chữ viết của Tòa Thánh cho câu hỏi của một Giám Mục, một tín hữu hay một cộng đoàn.

5 Xem Lêô XIII, Tông thư *Orientalium dignitas*, 30-11-1894; Tông thư *Praeclara gratulationis*, 20-6-1894; và các văn kiện khác đã trích dẫn ở ghi chú 2.

15* Công Đồng nhấn mạnh: Tất cả các Giáo Hội riêng biệt, Đông Phương cũng như Tây Phương, đều có quyền tự trị theo những quy luật riêng. Vậy Giáo Hội Latinh không phải là mẫu mực cho các Giáo Hội Đông Phương. Các Giáo Hội này không phải là một biệt lệ. Trái lại sự khác nhau về kỷ luật là một định luật chung.

16* Giáo Thuyết riêng biệt cho Giáo Hội Đông Phương ở đây chỉ các phương pháp và những cách thức hiểu biết, đào sâu và diễn tả những việc về Chúa như ở Đông Phương thường dùng ngay từ thời thượng cổ.

6 Xem Benedictô XV, Tựa sắc *Orientalis Catholici*, 15-10-1917. - Piô XI, Tđ *Rerum Orientalium*, 8-9-1928, v.v...

7 Lối thực hành của Giáo Hội thời các Đức Giáo Hoàng Piô XI, Gioan XXIII minh chứng cách phong phú phong trào này.

17* Ít ra từ thế kỷ thứ 4, các Giáo Hội riêng biệt chính yếu có một vị thượng phụ đứng đầu. Vị này có quyền trên tất cả các giáo phận và các Giám Mục liên hệ của Giáo Hội riêng biệt đó; ví dụ như Alexandria, Antiokia, Jerusalem, sau đó Constantinopla, là những tòa thượng phụ. Giám Mục Roma là Thượng Phụ Tây Phương. Hiện nay có 6 Thượng Phụ Công Giáo Đông Phương.

8 Xem CĐ Nicea I, đ th 6. CD(Constantinopla I, đ th 2 và 3. CD(Calcedonia, đ th 28 và 9. CĐ Constantinopla IV, đ th 17 và 21. - CĐ Lateranô IV, đ th 5 và 30. CĐ Florence, Sắc lệnh *Pro Graecis*, v.v...

18* Tổng Giáo Chủ là một Tổng Giám Mục có quyền trên vài Giám Mục quản trị giáo phận trong một Giáo Hội riêng biệt.

9 Xem CĐ Nicea I, đ th 6. - CĐ Constantinopla I, đ th 3. - CD- Constantinopla IV, đ th 17. - Piô XII, Tựa sắc *Cleri sanctiati*, kh 216, 2, 11.

19* Giáo chủ có quyền trên một khu giáo phận ví dụ trên một giáo phận.

10 Trong các Công Đồng Chung Nicea I, đ th 6. - Constantinopla I, đ th 3. - Constantinopla IV, đ th 21. - Lateranô IV, đ th 5. - Firenze, Sắc lệnh *Pro graecis*, 6-7-1439, 9. - Xem Piô XII, Tựa sắc *Cleri sanctiati*, 2-6-1957, đ th 219, v.v...

20* Các Giáo Hội Đông Phương tự do lựa chọn Thượng Phụ và Giám Mục của mình, tự do thiết lập những giáo phận mới. Họ tự tổ chức lấy phụng vụ, luật pháp và qui luật liên hệ đến hàng giáo sĩ và tín hữu của họ.

11 Xem ghi chú 8.

21* Sự liên kết ấy kéo dài cho đến thế kỷ 11.

22* Địa sở là danh từ chỉ giáo phận ở Đông Phương.

23* Các Thượng Phụ Đông Phương không thể thiết lập giáo phận mới hay bổ nhiệm Giám Mục ngoài lãnh thổ mình, ví dụ ở Pháp hay Bắc Mỹ v.v... Quyền này dành riêng cho Đức Giáo Hoàng.

24* Tổng Giám Mục Niên Trưởng chính ở đây là vị lãnh đạo của một Giáo Hội riêng biệt không phải một Giáo Hội thuộc một thượng phụ hay một giáo khu.

12 Xem CD Ephesô, đ th 8. - Clementê VII, Decret Romanum Pontificem, 23-2-1956. - Piô VII, Tông thư In Universalis Ecclesiae, 22-2-1807. - Piô XII, Tựa sắc Cleri sanctiati, 2-6-1957, đ th 324-339. - CD Carthago năm 419, đ th 17.

13 CD Carthago, năm 419, đ th 17 và 57. - CD Cacedonia, năm 451, đ th 12. - T. Innocentiô I, Thư Et onus et honor, quăng năm 415: "Nam quid sciscitaris". - T. Nicolaô I, thư Ad consulta vestra, 13-11-866: "A quo autem". - Innocentiô III, thư Rex regum, 25-2-1204. - Lêô XII, Tông hiến Petrus Apostolorum Princeps, 15-8-1824. - Lêô XII, Tông thư Christi Domini, năm 1895. - Piô XII, Tựa sắc Cleri sanctiati, 2-6-1957, kh 159.

25* Ở Đông Phương, bí tích Thêm Sức thường do một linh mục ban. Mọi linh mục Đông Phương đều có quyền ban bí tích này. Tại một vài nơi, quyền này bị hủy bỏ. Công Đồng hồi quyền này cho tất cả. Theo tiết mục tiếp sau, bất cứ linh mục đông phương nào có quyền ban bí tích Thêm Sức cho tín hữu công giáo, dù tín hữu này thuộc một Lễ Chế khác, như Lễ Chế Latinh chẳng hạn.

14 Xem Innocentiô IV, thư Sub Catholicae, 6-3-1254, 3 số 4. - CD Lyon II, năm 1274 (Cuộc tuyên xưng đức tin của Michael Palaeologô do Đức Gregoriô X ghi nhận). - Eugeniô IV, trong CD Firenze, Hiến chế Exultate Deo, 22-11-1439, 11. - Celmentê VIII, huấn dụ Sanctissimus, 31-8-1595. - Benedictô XIV, hiến chế Esti Pastoralis, 26-5-1742, 11, số I, III, số 1. - v.v. - CD Laodic, năm 347-381, đ th 48. - CD Sisen. Armenorum, năm 1312. - CD Linanen. Maronitarum, năm 1736, phần II, ch III, số 2 và những CD riêng khác.

26* Trong các Giáo Hội Đông Phương, bí tích Thêm Sức thường được cử hành sau khi ban phép Thánh Tẩy.

15 Xem Huấn thị của Bộ Thánh Vụ (gọi Giám Mục Scepusion) năm 1783. - Thánh bộ Truyền giáo (trước là Thánh Bộ Truyền Bá Đức Tin) (pro Coptis), 15-3-1790 số XIII; Sắc lệnh ngày 6-10-1863, C, a. - Thánh Bộ Giáo Vụ Đông Phương, 1-5-1948. - Bộ Thánh Vụ, phúc thư ngày 22-4-1896 và thư ngày 19-5-1896.

27* Ở đây chỉ các linh mục theo Lễ Chế Latinh có quyền ban bí tích Thêm Sức trong giáo phận của mình hay đã lãnh nhận đặc quyền này vì lợi ích cho các tín hữu Đông Phương.

16 Giáo luật kh 782, 4. - Thánh Bộ Giáo Vụ Đông Phương, sắc lệnh De sacramento Confirmationis administrando etiam fidelibus orientalibus a prebyteris latini ritus, qui hos indulto gaudent pro fidelibus ritus sui, 1-5-1948.

28* Phụng Vụ Thánh là việc cử hành Thánh Thể. Những giờ ca tụng Thiên Chúa chỉ kinh nhật tụng hát trong Cung Thánh, hoặc liên hệ đến lễ Misa hoặc không. Khi các giờ ca tụng Thiên Chúa hát trong nhà thờ, các tín hữu cũng được mời tham dự.

17 Xem CD Laodiceô năm 347-381, đ th 29. - T. Nicephorô CP ch 14. - CD Duinen. Armenorum năm 719, đ th 31. - T. Theodorô Studita, bài giảng 21. - T. Nicolaô I, Thư Ad consulta vestra, 13-11-866: "In quorum Apostolorum"; "Nosse cupitis"; "Quod interrogatis"; "Praeterea consulitis"; "Si die dominico"; và các CD riêng.

18 Đây là một điểm mới có, ít là từ ngày có luật buộc phải tham dự vào phụng vụ thánh. Hơn nữa, ngày đó tương ứng với ngày phụng vụ nơi các giáo hữu Đông Phương.

19 Xem Canones Apostolorum 8 và 9. - CD Antiokia năm 341, đ th 2. - Timotheô Alexandria, Interrogat. 3. - Innocentiô III, Hiến chế Quia divinae, 4-1-1215; và nhiều CD riêng Đông Phương mới đây.

20 Vì lợi ích cho các linh hồn, khoản luật nhằm dự liệu những tình trạng bị lệ thuộc vào nhiều thẩm quyền (của những người cùng cư ngụ) trên cùng một lãnh địa. tuy nhiên, tính cách "địa hạt" của thẩm quyền vẫn được bảo toàn.

29* Phó Tế vĩnh viễn là một giáo sĩ được thụ phong để sống bậc phó tế suốt đời mà không nhận chức linh mục. Tại Đông Phương việc chính yếu của phó tế là cử hành các nghi lễ phụng vụ. Ở Tây Phương, phó tế còn hoạt động mục vụ nhất là từ Công Đồng Vaticanô II.

21 Xem CĐ Niceô I, đ th 18. - CĐ Neocesareô năm 314-325, đ th 12. - CĐ Sardaigne năm 343, đ th 8. - T. Lêô Cả, Thư Omnium quidem, 13-1-444. - CĐ Calcedonia, đ th 6. - CĐ Constantinopla IV, đ th 23, 26; v.v...

22 Nhiều Giáo Hội Đông Phương xem chức Phó Tế như một chức nhỏ, nhưng trong Tự sắc Cleri sanctitati, Đức Piô XII đã ban bố những bó buộc thuộc các chức lớn cho chức này. Khoản luật trên đề nghị nên trở về với luật cổ truyền Đông Phương riêng với chức Phó Tế. Đây là một khoản "phá thông lệ" trong tự sắc "Cleri sanctitati".

30* Hình thức giáo luật đòi buộc hôn lễ phải được cử hành trước mặt Cha Xứ có thẩm quyền, thường là cha xứ của người vợ. Chi tiết này không còn cần thiết cho việc thành sự bí tích hôn phối của người Đông Phương.

23 Xem Piô XII, Tự sắc Crebiae allatae, 22-2-1949, kh 32, 2, số 5: (quyền chuẩn chước về mô thức của các Thượng Phụ); - Piô XII, Tự sắc Cleri sanctitati, 2-6-1957, kh 267 (quyền của Thượng Phụ để chữa lành tận căn khuyết điểm mô thức). - Bộ Thánh Vụ và Thánh Bộ Giáo Phụ Đông Phương năm 1957 đã chấp thuận quyền chuẩn chước về mô thức và thi hành việc chữa hẳn khuyết điểm mô thức (cứ 5 năm): "Ngoài tòa Thượng Phụ Giáo Chủ ra, các Tổng Giáo Chủ và các Bản quyền địa phương khác... không phải phục vụ quyền bề trên nào dưới Tòa Thánh".

24 Xem T. Lêô Cả, Thư Quod saepissime, 15-4-454: "Petitionem autem". - T. Nicephorô CP, ch 13. - CĐ Thượng Phụ Sergiô, 18-9-1596, đ th 17. - Piô VI, Tông thư Assueto paterne, 8-4-1775. v.v...

31* Các Giáo Hội Đông Phương khác nhau không luôn luôn theo cùng một niên lịch. Có khi trong cùng một thành phố, các Giáo Hội theo Lễ Chế khác nhau, cử hành lễ Phục Sinh không cùng một ngày. Công Đồng mong muốn các Giáo Hội đó nên đồng ý với nhau để cử hành lễ Phục Sinh cùng một ngày.

25 Xem CĐ Vaticanô II, Hiến chế về Phụng Vụ Thánh, ngày 4-12-1963.

26 Xem Clementê VIII, Huấn dụ Sanctissimus, 31-8-1595, 6: "Si ipsi graeci". - Bộ Thánh Vụ, 7-6-1673, ad 1 và 3; 13-3-1727, ad 1. - Thánh Bộ Truyền Giáo, Sắc lệnh 18-8-1913, mục 33; Sắc lệnh 14-8-1914, mục 27; Sắc lệnh 27-3-1916, mục 14. - Thánh Bộ Giáo Vụ Đông Phương, Sắc lệnh 1-3-1929, mục 36; Sắc lệnh 4-5-1930, mục 41.

32* Nếu trong một gia đình, vợ và chồng thuộc hai Giáo Hội khác nhau, cả gia đình có thể theo quy luật (ngày lễ, chay tịnh, kiêng thịt...) của cùng một Giáo Hội riêng biệt cũng được.

27 Xem CĐ Laodiceô, 347-381, đ th 18. - CĐ Mar Issaci Chaldaeorum, năm 410, đ th 15. - CĐ Nerses Glaien, Armenorum, năm 1166. - Innocentiô IV, thư Sub Catholicae, 6-3-1254, 8. - Benedictô XIV, Tông hiến Etsi Pastoralis, 26-5-1742, 7, số 5. - Huấn thị Eo quavis tempore, 4-5-1745, 42 và tiếp theo. - Các CĐ riêng mới đây: CĐ Armenô (1911), CĐ Coptô (1898), CĐ Maronitô (1736), CĐ Rumenô (1872), CĐ Rutenô (1891), CĐ Syrô (1888).

28 Theo truyền thống đông phương.

33* Mục đích của chương cuối cùng này là đưa ra vài huấn lệnh cho người Công Giáo Đông Phương để giúp cho Giáo Hội ly khai và Giáo Hội Công Giáo xích lại gần nhau hơn.

34* Người Công Giáo Đông Phương phải chứng tỏ cho anh em ly khai thấy rằng sự hiệp nhất với Giáo Hội Công Giáo có thể thực hiện mà không làm mất những cá tính đặc biệt của mỗi Giáo Hội riêng biệt.

35* Tiếng Latinh (animous) chỉ thái độ hay tâm trạng của các tín hữu thuộc một Giáo Hội riêng biệt.

36* Tiếng này bao hàm những đồ vật thánh, nhất là những ảnh thánh.

29 Theo nội dung của Tông hiến về sự hiệp nhất của các Giáo Hội Công Giáo Đông Phương.

37* Xưa kia Giáo Hội đòi buộc phải tuyên thệ bỏ ly giáo và vạ tuyệt thông được tháo gỡ bằng một lời xá giải đúng nghi thức. Cả hai việc này được Công Đồng hủy bỏ.

30 Bó buộc của Công Đồng đối với anh em ly khai Đông Phương và đối với tất cả các thứ, bậc trong phẩm trật thuộc về luật Chúa và luật Giáo Hội.

38* Vì thế, một linh mục đông phương ly khai sau khi trở về với Giáo Hội Công Giáo có thể thi hành nhiệm vụ linh mục trong Giáo Hội Công Giáo. Cũng thế thầy phó tế sẽ có thể thi hành nhiệm vụ phó tế vì họ đã được thụ phong thành sự trong Giáo Hội ly khai.

39* Tiếng chuyên môn này chỉ sự tham dự của một người Công Giáo vào một nghi thức tôn giáo hay những phận vụ tôn giáo của một Giáo Hội không công giáo; ví dụ người Công Giáo tham dự vào Thánh Lễ do Giáo Hội ly khai cử hành, hay tham dự vào giờ ca tụng Thiên Chúa trong một Giáo Hội ly khai Đông Phương.

31 Giáo lý này cũng có giá trị trong các Giáo Hội ly khai.

40* Danh từ dùng ở đây có nghĩa rất tổng quát, bao hàm tất cả những gì có liên quan tới việc phụng tự tôn giáo.

32 Thánh Basiliô Cả, Epist. canonica ad Amphilochium, PG 32, 669 B.

41* Người tín hữu Đông Phương ly khai xin nhận các bí tích vì ý nhay lành khi thành tâm tưởng rằng mình đang thuộc về Chúa Kitô và có thể được cứu rỗi trong Giáo Hội của mình.

42* Có sự ngăn trở thể lý, khi nào trong miền phụ cận không có Linh Mục Công Giáo. Có ngăn trở luân lý khi Linh Mục Công Giáo ở xa hay đau yếu. Những trường hợp như thế thường xảy ra hoặc ở Đông Phương hoặc đối với những tín hữu sống trong tình trạng di cư. Công Đồng quan tâm đến phần rỗi của từng Kitô hữu. Bởi thế, dù chỉ vì lợi ích thiêng liêng, cũng đã đủ lý do để xin một linh mục thuộc Giáo Hội ly khai ban bí tích.

33 Những yếu tố sau đây được coi là nền tảng của sự uyển chuyển trên:

- 1) Tính cách thành sự của các Bí Tích.
- 2) Ý ngay lành và thái độ tâm hồn (chuẩn bị).
- 3) Sự cần thiết của ơn cứu rỗi đời đời.
- 4) Không có linh mục riêng của lễ chế mình.
- 5) Không có nguy hại đáng trách và rõ ràng kéo theo sự lầm lạc.

34 Đây chỉ nói về việc hiệp thông sự thánh ngoài bí tích. Thánh Công Đồng chấp nhận sự uyển chuyển trên, dĩ nhiên vẫn phải giữ những gì buộc giữ.

43* Một lý do chính đáng không những là sự cần thiết mà còn là một lợi ích thật sự. Dĩ nhiên phải giả thiết trường hợp không thể thỏa mãn các nhu cầu đó trong Giáo Hội Công Giáo.

44* Trong việc "hiệp thông sự thánh" luôn luôn có một sự liều lĩnh nào đó: chính vì thế Công Đồng nhấn mạnh giới hữu quyền trong Giáo Hội phải lưu tâm hầu tránh những lạm dụng và nguy hiểm thật sự. Khi Công Đồng đề cập đến sự thông cảm giữa các Giám Mục Công Giáo và ly khai, Công Đồng giả thiết không những có sự chung sống ôn hòa giữa đôi bên, mà còn ám chỉ một sự xích lại gần nhau của hai Giáo Hội.

45* Trong trường hợp các Giáo Hội ly khai hiệp nhất với Giáo Hội Công Giáo một số quy luật của Sắc Lệnh này sẽ không còn lý do tồn tại; nhiều quy luật khác cần phải sửa đổi hay thích nghi với hoàn cảnh mới.

46* Lời mời gọi của Công Đồng gửi đến tất cả mọi tín hữu. Như vậy cũng gửi đến các tín hữu thuộc các Giáo Hội ly khai. Do đó Công Đồng lại biểu lộ lòng ao ước hiệp nhất giữa các Giáo Hội trong sự viên mãn của Giáo Hội Công Giáo.

47* Công Đồng ám chỉ đến các cuộc đàn áp đang đè nặng trên các tín hữu Đông Phương ở một vài nơi, hoặc do các chế độ độc tài, hoặc đôi khi do người Hồi Giáo.

35 Xem Rm 12,10.

VỀ MỤC LỤC

1. Đức Maria có chết không ?

Công Đồng Vatican II không bàn tới Đức Mẹ có chết hay không vì muốn để cho các nhà thần học nghiên cứu, bàn cãi nhiều nữa, mặc dầu đã có chiều hướng công nhận.

Từ xa xưa, các giáo phụ, các nhà thần học, và ngay cả lãnh vực Phụng vụ nữa, đều công nhận. Còn nơi, ngày, hoàn cảnh Đức Mẹ chết không được rõ ràng, thêm vào đó các sách ngụ thư thù dệt, bịa đặt này kia nên không thể biết chính xác.

Origène (in Jean 2, 12 fragm 31). Thánh Ephrem (Hymne 115,2) . Sévérien de Gabala (De mundi creatione or 6,10), Thánh Hiêronimo ,Thánh Augustino (in Jen tr 8,9) đều nói về cái chết của Đức Maria .

Thánh Ephan cố gắng làm sáng tỏ chuỗi ngày cuối cùng của Đức Maria thế nào nhưng Ngài phải thú nhận “không biết” .

Một câu hỏi không có giải đáp rằng Đức Maria qua đời cách tự nhiên hoặc phải chịu chết đau khổ vì theo Thánh Luca “ **Mỗi gương mặt thấu tâm linh nơi chính mình Bà** “, còn sách Khải Huyền “ **Bà được hai cánh đại bàng chở vào sa mạc , nơi dành cho Bà** “ (Kh 12,14)

Đức Giáo hoàng Hadrien I đã gửi cho hoàng đế Charlemagne (784-794) quyền Sách Các Phép Grêgorio có lời nguyện về Đức Maria qua đời chứng tỏ quyền Giáo huấn thông thường cũng đã chấp nhận sự kiện Đức Maria qua đời (Veneranda nobis, Domine, hujus est dei festivitas, in qua Sancta Dei Genitrix mortem sublit temporalem, nec tamen mortis nexibus deprimi potuit, quae Filium tuum Dominum nostrum de se genuit incarnatum...Lạy Chúa trong ngày lễ mừng này chúng con kính rất thánh Mẹ Thiên Chúa nhận cái chết trần gian nhưng cái chết không chôn vùi thân xác trong lòng đất vì Ngài đã sinh Con Chúa, Chúa chúng tôi làm người)

Nhưng cũng có người cho rằng Đức Maria không phải chết .

Tác giả vô danh của một bài giảng lấy tên là Timôtê , linh mục Giêrusalem (thuộc thế kỷ 6-7) đưa ra ý kiến rằng :” **Đức Trinh Nữ được bất tử**” (nghĩa là không chết) **vì Đáng ngự trong lòng Ngài đã mang Ngài về trời**” (orat , in Symeonem)

Cái chết ở trong một phạm vi hình phạt , hình phạt vì tội lỗi mà Đức Maria được miễn khỏi tội nguyên tổ và không vương mắc một tội riêng nên Ngài không phải chết . Tuy nhiên , xác phải chết là một định luật tự nhiên và phổ quát , lại nữa, để giống như Chúa Kytô đã chịu chết nên xác Đức Maria chết nghĩa là Đức Maria lãnh nhận cái chết là một điều dễ hiểu .

2. Đức Maria hồn xác về trời

a. Lịch sử tin điều

Không có một câu Kinh thánh nào trực tiếp nói tới hồn xác Đức Maria được Thiên Chúa đưa về trời . Tuy nhiên có đôi câu Kinh thánh có thể gợi ý để người ta suy nghĩ :

Mattheu 27,52-53 :

“Mồ mả mờ toang ra , xác của nhiều vị thánh xưa kia sống lại . Họ ra khỏi mồ . Sau khi Chúa sống lại , họ vào thành thánh , hiện ra cho nhiều người”

Như vậy, đã có thân xác sống lại hưởng vinh quang trên trời nhờ cái chết của Chúa Kitô trước khi Ngài quang lâm trong ngày tận thế . Một khi đã có như vậy ,, tại sao xác của Mẹ Chúa không hưởng được hạnh phúc đó ? Thắc mắc này đã được đặt ra trước thế kỷ 7 . Những truyền hoang đường trong Phúc âm ngụy thư sáng tác ở Ai cập, ở Syri không có giá trị lịch sử nhưng ít ra cũng cho ta biết được lòng tôn sùng Đức Mẹ của giáo dân thời ấy : vấn đề xác Đức Mẹ lên trời đã được đặt ra .

Đầu thế kỷ VIII , hoàng đế Mauritio ra sắc lệnh truyền phải mừng lễ **“Dormitio Beatae Mariae”** (Đức Mẹ an nghỉ) trong toàn quốc của ông . Giáo hội Đông phương thường mừng lễ này ngày 15 tháng Tám ; có nơi tin tưởng xác Đức Mẹ đã được đưa về trời ,, có nơi không .

Bên Tây phương, Lời nguyện trong quyển Sách Các Phép Grêgorio nói :” ***Nec tamen mortis nexibus deprimi potuit*** : ***nhưng cái chết không chôn vùi xác trong lòng đất*** “ đã làm hứng khởi cho niềm tin sự phục sinh xác của Đức Mẹ Maria ..

Từ đó, niềm tin **“ Đức Trinh Nữ Maria thăng thiên cả xác ”** được xem như một phẩm tính cốt yếu của chức Mẹ Thiên Chúa , dĩ nhiên được lan ra nhiều nơi . Tuy nhiên, một số nhà tư tưởng đang chống lại ảnh hưởng của Phúc âm ngụy thư, buộc lòng phải dè dặt với vấn đề này .

Paschase Rabert năm 856 khuyên tín hữu dè dặt về niềm tin “ xác Đức Mẹ thăng thiên” . Ông còn nguy tạo một bức thư gán cho thánh Hiêromino viết trong đó tỏ ra hồ nghi và dè dặt về “ Đức Maria thăng thiên cả hồn cả xác ” . Bức thư có ảnh hưởng lớn , ngay cả sách Phụng vụ Giờ kinh cũng trích dẫn đến nỗi tới thế kỷ 16 mới khám phá ra được sự nguy tạo , . Tuy nhiên, đối với số đông giáo dân , tâm tình mộ mến Đức Mẹ đi đôi với niềm tin “ xác Đức Mẹ thăng thiên” cứ tăng lên cao .

Khoảng thế kỷ 12, Đức Giám mục Herbert de Losinge tại Norwich (qua đời 1118) đã phát biểu rõ ràng lập trường dứt khoát dựa trên niềm tin chung :”

“Impossibile erat eam carnem diuturna morte posse corrumpi ex qua Verbum caro factum est... Plena, fratres, et secunda fide tenete quod... Anima et corpore immortalis facta... et dextris resideat Dei... : Không thể xảy ra cái chuyện xác thịt của Đấng cho Ngôi Hai làm người lại tan nát do cái chết lâu dài được ... Anh em thân mến, anh em hãy vững tin đầy đủ rằng ...Đấng đã hưởng hồn xác bất tử đang ngự bên hữu Thiên Chúa.

Cũng thời đó xuất hiện một luận đề thần học mà người ta tưởng là của thánh Augustino , tác giả vô danh đã lý luận **“ Nếu Chúa Giêsu đã muốn gìn giữ sự đồng trinh toàn vẹn của Mẹ mình thì sao lại không giữ Mẹ mình khỏi thói nát , một sự mục nát của mồ mả và sâu bọ là sự tội nhục cho bản tính loài người”**

Qua thế kỷ 12 , có Guibert , tu viện trưởng tại Nogent và nhất là đức Alexandre III đã góp một phần lớn trong sự khai triển thần học về niềm tin này .

Sang thế kỷ 13, một số nhà thần học tỏ ra dè dặt kể cả thánh Toma Aquino , mặc dầu các ngài vẫn công nhận **“ xác Đức Maria thăng thiên”** là *pia opinio* (dự luận hiếu kính tốt” trừ thánh Alberto. Có thể nói thánh Alberto đã có công nhất trong việc Giáo hội công nhận chân lý Đức Mẹ hồn xác lên trời , Ngài viết :” : ***“His rationibus et auctoritatibus, et multis aliis,***

manifestum est quod beatissima Dei Mater in corpore est assumpta et hoc omnibus modis credimus esse verum : Do bởi những lý lẽ và thế giá này và nhiều thứ khác nữa chứng tỏ rằng Mẹ Thiên Chúa rất diễm phúc được đưa về trời cả xác là điều mà chúng tôi tin tưởng là thật.

Thế kỷ 14, chân lý này được phổ biến rộng rãi hơn và một xác quyết có vẻ quyết liệt hơn đến nỗi Baldus de Ubalda (chết năm 1400) coi việc từ chối Đức Mẹ hồn xác lên trời như là “ opinio proxima haeresi “ (tư tưởng gần như dị giáo)

Năm 1947, trường Đại học Sorbone tại Paris đã lên án Jean Morelle vì ông này dạy rằng từ chối chân lý Đức Mẹ hồn xác lên trời không mắc tội nặng.

Suarez (1548-1617) nhà thần học trứ danh đã viết về Đức Mẹ hồn xác về trời , tư tưởng của ông được Đức Pío XII lấy lại một phần trong Thông điệp tuyên bố tín điều . Ông viết :” Giáo thuyết này (Đức Mẹ hồn xác lên trời) chưa thuộc về Đức Tin vì chưa được Giáo hội định tín , hơn nữa nó cũng không có chứng cứ Kinh Thánh hoặc Truyền thống đầy đủ nào để xây dựng thành một tín điều vô ngộ . Nhưng thời chúng ta giáo thuyết đó đã được thừa nhận đến nỗi không một tín hữu Công giáo nào dám nghi ngờ nếu không do sự ngộ ngáo ... Muốn điều này được định tín , chỉ cần có một chân lý siêu nhiên nào trong Kinh Thánh hoặc trong Tông truyền chứa nó cách ẩn tàng rồi được tin tưởng chung của Giáo hội thêm lực cho , vì rằng nhờ sự trung gian của Giáo hội , Chúa Thánh Thần luôn luôn giải thích , truyền thông và soi sáng Kinh Thánh , sau cùng phải được Giáo hội xác quyết nhờ ơn vô ngộ của Chúa Thánh Thần phụ giúp , một xác quyết như thế đối với ta là một mạc khải “

Thế kỷ 17, Giáo thuyết Đức Mẹ hồn xác lên trời được trình bày cách tinh vi hơn, thoát khỏi những thứ ngây thơ .

Công đồng Vatican I , 1870 nghị phụ thỉnh cầu Công đồng định tín giáo thuyết Đức Mẹ hồn xác lên trời , các ngài viết :” ***“Si enim a labe peccati fuit immunis, ista ejus ab ejus peccati paena, ideoque a corruptione carnis immunis esse debuit : vì nếu được miễn trừ khỏi đờ bẩn tội lỗi thì cũng được khỏi hình phạt của tội lỗi và vì thế thân xác Ngài cũng được miễn trừ khỏi hư nát”*** .

Từ đó, nhiều vị Giám mục, giáo sỹ . giáo dân cứ đều đều năm này qua năm khác gửi thư thỉnh nguyện Tòa Thánh tuyên tín Đức Mẹ hồn xác lên trời .

Năm 1946 , Tòa Thánh gửi thư cho toàn thể Giám mục trên khắp thế giới hỏi ý kiến như sau :

“ Với sự khôn ngoan và sáng suốt của quý Hiền huynh khả kính , quý Hiền huynh có thể nghĩ rằng điều :” Đức Trinh Nữ diễm phúc lên trời cả phần xác “ là điều đáng đề xướng lên và định tín như một điều buộc tin không ?

“Có phải quý Hiền huynh, giáo sỹ và giáo dân của quý Hiền huynh ao ước một sự định tín như thế không ? “

Trong số 1191 lá thư gửi về Tòa Thánh Roma có 1169 tán thành định tín , còn 27 tỏ ý không đồng ý về nguyên tắc và xem việc định tín bây giờ không nên.

Ngày 01-11-1950 , Đức Pío XII định tín Đức Mẹ lên trời cả hồn cả xác nhưng không giải quyết vấn đề Đức Maria có phải chịu chết về thân xác trước khi được đưa về trời không .

“... auctoritate Domini nostri Jesu Christi, beatorum apostolorum Petri et Pauli ac nostra pronuntiamus, declaramus et definimus divinitus revelatum dogma esse : immaculatam Deiparam semper Virginem Mariam, exolata terrestris vitae cursu, fuisse corpore et animma ad caelestem gloriam assumptam : Do quyền Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng ta, quyền hai Thánh Tông đồ Phêrô và Phaolô và quyền riêng của chúng tôi, chúng tôi tuyên giảng, công bố và định tín tín điều thuộc mạc khải thần linh là : Đức Trinh Nữ Maria, Mẹ Thiên Chúa, vô nhiễm nguyên tội, sau khi làm toàn vẹn cuộc sống ở trần gian đã được đưa về trời cả hồn cả xác”.

Công đồng Vatican II đã ghi lại định tín Đức Mẹ Mông triệu của Đức Pio XII : Immaculata Virgo, expleto terrestris vitae cursu corpore et anima ad celestem gloriam assumpta est.

Câu định tín Đức Maria mông triệu thật đơn sơ và rõ ràng . Ở đây, người ta muốn yên lặng không bàn tới vấn đề còn đang tranh luận về cái chết của Đức Maria . Ngay tiếng “ assumpta” cũng chẳng ám chỉ một hình ảnh gì về không gian cả : nó có nghĩa là “mang theo với mình “ và Kinh Thánh đã dùng từ ngữ đó . với ý nghĩa được kết hiệp với Thiên Chúa (Sáng thế ký 5,24 ; Thánh vịnh 49, 16 ; 73, 24 : Người mang tôi vào ánh vinh quang)

Những chữ cuối cùng ở đây cũng nói lên tước hiệu của Đức Maria là “**Nữ vương vũ trụ**” mà Đức Pio XII đã công khai tuyên bố năm 1964 (Universorum Regina a Domino exalta , ut plenius conformaretur Filio suo Domino dominantum (cf Kh 16,19) ac peccati mortique victori) . Tước hiệu Regina uersorum (Nữ vương vũ trụ) phải được hiểu theo nghĩa thần học như là một sự thông phần vào tước hiệu Vương quyền của Chúa Giêsu Kitô (Jesus Christus Rex) , một sự thông phần mà mọi Kitô hữu cũng được mời gọi tham dự ; nhưng Đức Maria vì đã được đồng hình đồng dạng trọn hảo với Đức Kitô nên Mẹ xứng đáng được tôn vinh bằng tước hiệu này ở cao độ trọn vẹn .

b. Suy luận

Chúng ta nêu ra vài suy nghĩ để thấy sự hợp lý khi tìm hiểu Đức Maria lên trời cả xác hồn .

1/ Đức Maria liên kết chặt chẽ với Đức Kitô

Một dây liên kết bằng tình mẫu tử do huyết nhục với dây liên kết tình mẫu tử do lòng tin của Đức Mẹ dành cho Chúa Kitô ., một tình yêu mẫu tử giữa Đức Maria theo tình mẹ Con ở trần gian cũng bền chặt lắm rồi , nơi Đức Mẹ và Chúa Kitô tình mẹ/con mang tính cao cả và thiêng liêng , một tình mẫu tử tuyệt vời.

Có thể nói tình yêu mẫu tử đó là chặt chẽ cùng với công nghiệp của Chúa Kitô là mô thể để Đức Mẹ được những đặc ân : Mẹ Thiên Chúa, Đồng trinh trọn đời , Vô nhiễm nguyên tội v,v ...

2/. Thẻ xác của Đức Maria trong quá trình nhập thể cứu chuộc của Chúa Kitô ..

Không có thể xác không thể hiện hữu trên mặt đất này , không có thể xác, không thể nói đến màu nhiệm nhập thể . Vậy, thẻ xác Đức Maria làm cho có sự hiện hữu của Đức Maria và mới có nhập thể của Ngôi Hai trong cung lòng Đức Maria . Thẻ xác của Đức Maria đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc Ngôi Hai làm người , vì thế Thiên Chúa đã dành cho Đức Maria đặc ân trọn đời đồng trinh. Và chính thẻ xác Đức Maria là nơi thực hiện tình yêu mẫu tử cao cả và thiêng liêng giữa Đức Maria và Con của ngài là Đức Kitô .

Căn cứ vào những đặc ân Thiên Chúa dành cho Đức Maria nhờ công nghiệp của Chúa Kytô , Con Đức Maria và tình yêu mẫu tử cao cả và thiêng liêng nói trên , ta đặt vấn đề : thân xác Đức Maria có nên để tan nát trong mồ đến ngày tận thế sẽ sống lại như mọi người không. Theo thánh Phaolô bởi tội Adam tội và sự chết đã nhập vào thế gian , chết là báo ứng của tội (Rm 5, 13 ; 6, 3 ; 1 Cor 15, 26) . Cuộc chiến thắng của Chúa Kytô sẽ hoàn toàn chỉ khi sự chết bị tiêu diệt (1cor 15, 26 ; 15, 53-56) **vì lúc đó đồ mục nát , cái thân chết sẽ mặc lấy trường sinh bất tử**). Đối với loài người sự chiến thắng của Chúa Kytô chỉ xảy ra trong ngày tận thế , nhưng đối với Chúa Kytô , nhân tính của Ngài đã đạt tới chiến thắng .Đối với loài người, sự chiến thắng này chỉ xảy ra trong ngày tận thế, nhưng đối với Chúa Kitô, nhân tính của Ngài đã đạt chiến thắng hoàn toàn từ trong ngày phục sinh.

Vậy có nên quan niệm rằng Đức Mẹ với tư cách là Mẹ Thiên Chúa , Mẹ đồng trinh trọn đời , không mắc tội nguyên tổ , và không phạm một tội riêng nào phải chịu cảnh chiến thắng bất toàn, tức là thân xác Mẹ bị tiêu tan trong lòng đất để chờ ngày tận thế xác Mẹ mới được hưởng chiến thắng hoàn toàn của Con mình không?

Ngoài ra, những đặc ân miễn trừ khỏi tội nguyên tổ . khỏi tội riêng cũng phải đưa tới kết quả được miễn trừ khỏi hư nát trong mồ (vì thân xác hư nát trong mồ là hình phạt của tội) nên Thiên Chúa đưa hồn xác Đức Mẹ về trời là điều hợp lý .

Lm Fx Nguyễn hùng Oánh .

NHỮNG QUY LUẬT TỔNG QUÁT VÀ NIÊN LỊCH

Số 58 : Để phục vụ lợi ích cho giáo dân trong các Chúa nhật Thường niên được phép mừng lại vào ngày Chúa nhật các lễ đã mừng trong tuần miễn là lễ đó ở bậc cao hơn lễ Chúa nhật Thường niên ,

LỄ Đức Maria hồn xác lên trời là lễ trọng bậc nhất, Chúa nhật Thường niên là lễ bậc hai, Linh mục có thể bỏ lễ Chúa nhật và cử hành lại Lễ Đức Mẹ hồn xác lên trời nếu có giáo dân tham dự .

VỀ MỤC LỤC

NHÂN TÍNH VÀ THIÊN TÍNH CỦA MẸ MARIA

(Kh 11:19a; 12:1-6a, 10a; Tv 45; 1Cr 15:20-26; Lc 1:39-56)

Bác sĩ Nguyễn Tiến Cảnh, MD

Nhân lễ **Đức Mẹ Đồng Trinh Hồn Xác Lên Trời** mà Giáo Hội thường mừng vào ngày 15 tháng 8 hàng năm, người viết xin được chia sẻ ít suy niệm về ý nghĩa mục vụ và lịch sử của ngày lễ quan trọng này. Đức Mẹ là Mẹ Thiên Chúa là dấu chỉ an ủi và hy vọng của chúng ta. Nhìn lên Mẹ thấy muôn thiên thần ca hát vui mừng, cuộc sống loài người như nở hoa để vươn tới một viễn tượng hạnh phúc vĩnh cửu. Chết không phải là hết mà là bước vào một cuộc sống

mới không bao giờ chết. Chúng ta là nghĩa tử của đức Giesu và Mẹ Maria, chúng ta cũng được thông phần nhờ những ân huệ Chúa ban qua đức Maria.



ĐỨC MẸ KHÔNG VƯƠNG TỘI TỔ TÔNG

Người Công Giáo chúng ta tin Đức Mẹ Lên Trời, đồng thời cũng tin và hiểu Đức Maria sinh ra không vương tội tổ tông. Chúng ta tin rằng mẹ Maria không mắc tội là do ân huệ đặc biệt Chúa ban, do đó Mẹ cũng không bị ràng buộc bởi những hậu quả của tội. Chúng ta tin rằng vì sự vâng lời và lòng trung thành của Đức Trinh Nữ Maria nên lúc cuối đời, Mẹ đã được Thiên Chúa đem cả hồn lẫn xác lên thiên đàng hưởng phúc vinh quang.

LỊCH SỬ XÁC ĐỨC MẸ LÊN TRỜI

Ở Giáo Hội sơ khai, trong nhiều thế kỷ, không thấy các giáo phụ nhắc tới việc Đức Mẹ hồn xác lên trời. Irenaeus, Jerome, Augustine, Ambrose và nhiều giáo phụ khác cũng không đã động gì về vấn đề này cả. Trong bài viết vào năm 377 AD, giáo phụ Epiphanius quả quyết là chẳng ai biết Mẹ Maria chết ngày nào.

Thế rồi, vào đầu thế kỷ V, lễ Đức Mẹ Lên Trời được mừng ở Syria. Thế kỷ V và VI, các nguy thư cho thấy Giáo Hội đã bỏ ý nghĩ là xác Mẹ Thiên Chúa còn nằm trong mồ. Ở thế kỷ VI thì lễ được mừng ở Jerusalem và có lẽ ở cả Alexandria.

Các bản cáo chính thức tham khảo Lễ Mẹ Lên Trời đều của những tác giả sống từ thế kỷ VI đến thế kỷ VIII. Trong những bài giảng của các thánh Andrew đảo Crete, thánh Gioan Damascene, thánh Modestus thành Jerusalem và nhiều thánh khác đều có nhắc đến lễ này. Ở Tây phương thì thánh Gregory thành Tours là người đầu tiên nói đến lễ này. Ngài sống ở thế kỷ VI, còn thánh Gioan Damascene ở thế kỷ VIII.

Vào thế kỷ IX, lễ Mẹ lên Trời được mừng ở Ý Pha Nho. Từ thế kỷ X đến XII thì không thấy bàn cãi gì nữa về việc mừng lễ này ở Giáo Hội Tây Phương. Thế kỷ XII thì lễ được mừng tại chính Roma và Pháp.

Từ thế kỷ XIII đến nay thì hiển nhiên không còn bàn cãi gì nữa; trên khắp Giáo Hội hoàn vũ người ta tin là Mẹ đã lên trời cả Hồn và Xác. Năm 1950 Đức Pio XII ra luật bất khả ngộ bằng tông thư Munificentissimus Deus: *"Mẹ Maria, đã có trọn vẹn cuộc sống trần thế, đã được lên Trời vinh hiển cả hồn lẫn xác."*

ĐỨC MẸ LÊN TRỜI HAY ĐỨC MẸ NGỦ?

Có một thời người ta tin rằng Mẹ Maria không chết mà chỉ ngủ giấc ngủ ngàn thu. Vậy thì Đức Mẹ lên trời hay Đức Mẹ ngủ? Giáo Hội Công Giáo mừng lễ Mẹ Lên Trời vào ngày 15 tháng 8; Chính Thống Giáo Đông Phương và Công Giáo Đông Phương mừng lễ Đức Mẹ Thiên Chúa Ngủ cũng đầu đó cùng ngày. Chính Thống Giáo tin rằng Đức Mẹ chết tự nhiên và linh hồn được Chúa Kito nhận lúc Mẹ chết; xác Mẹ đã sống lại sau ba ngày và được đem về Trời hưởng phúc phục sinh hoàn toàn. Mộ mẹ thấy trống vào ngày thứ ba. Ngày nay mọi người có thể viếng mộ Mẹ Trinh Nữ Chính Thống Giáo ở Jerusalem, gần ngôi thánh đường chung của mọi quốc gia và vườn Gethsemane.

DẤU CHỈ NƯỚC TRỜI

“*Người phụ nữ mặc áo mặt trời*” được mô tả trong sách Khải Huyền (Kh 11:19a; 12:1-6a, 10) là dấu chỉ nước trời, cho thấy bà “*có thai... đang kêu la đau đớn vì sắp sinh con*” (12:2). Vì như Chúa Kito phục sinh đã về trời luôn luôn mang những vết thương cứu chuộc do sự chết, thì Mẹ Người cũng đời đời mang “*đau khổ*” và “*quần quai để sinh con*” (12:2). Chúng ta có thể nói rằng Mẹ Maria, như là một ‘Eva mới’ sẽ tiếp tục sinh ra con người mới xuyên suốt thế hệ này qua thế hệ khác, “*được tạo thành giống hình ảnh Thiên Chúa để sống thật sự công chính và thánh thiện*” (Ep 4:24). Đó là hình ảnh thời cánh chung của Giáo Hội, hiện diện và sống động nơi Đức Mẹ Maria đồng trinh.

NẾU CHÚA KITO KHÔNG SỐNG LẠI....

Thánh Phaolô trong thư gửi tín hữu Corinthians đoạn 15 (1Cr 15:20-26) đã đề cập đến vấn đề là họ không tin xác loài người sống lại (c.12) vì lẽ họ không thể tưởng tượng được làm sao xác người đã chết mà có thể sống lại và hiện hữu (c.35). Thánh Phaolô đã quả quyết cả việc thể xác sống lại lẫn chuyện tương lai của nó. Câu trả lời của ngài đi theo 3 tiến trình: Ngài nhắc lại những “*giảng huấn loạn tin*” căn bản về việc Chúa Giêsu phục sinh (15:1-11), chứng minh việc từ chối xác loài người sống lại là mâu thuẫn và không đúng lý luận (c.12-34), và cách thức kẻ chết sống lại dưới khía cạnh thần học (c.35-58).

Không công nhận xác loài người sống lại (15:12) là lý luận mâu thuẫn, bất nhất. Lý luận căn bản đã được nhắc lại 2 lần, là nếu xác loài người không sống lại thì chính Chúa Giêsu cũng không sống lại. Do đó hậu quả mà các tín hữu Corinthians lãnh chịu sẽ rất trầm trọng: Cả hai việc ‘*Tội lỗi được tha thứ và ơn cứu chuộc*’ trở thành mây khói. ***Niềm tin của họ chẳng cứu được họ, nếu Chúa Kito không sống lại.***

Việc chúa Kito toàn thắng sự chết do tội Adong đã đi vào lịch sử nhân loại, nay rực sáng nơi Đức Maria trên thiên đàng. Chính chúa Kito, một Adong “*mới*”, là người đã chinh phục sự chết, tự hiến mình hy sinh trên thập giá ở núi Calvary vì vâng lời Chúa Cha. Bằng cách đó, Người đã cứu chúng ta khỏi nô lệ tội lỗi và ác quỷ. Nhờ Mẹ Maria khải hoàn toàn thắng, Giáo Hội tôn vinh Mẹ là Mẹ Thiên Chúa, vì Mẹ được Thiên Chúa Cha chọn làm mẹ thực sự của con độc sanh của Thiên Chúa, khiến Mẹ trở thành đồng công cứu chuộc nhân loại.

QUYỀN NĂNG THIÊN CHÚA VƯỢT SỨC CON NGƯỜI

Bài phúc Âm hôm nay theo Luca (Lc 1: 39-56) kể lại câu chuyện rất đặc biệt của 2 người phụ nữ chia sẻ với nhau về niềm tin, hy vọng và hạnh phúc khi họ chuẩn bị làm mẹ. Đây là cơ hội để hai người chúc mừng nhau, một người đã luống tuổi và hiếm muộn là Elizabeth và một người là vị hôn thê, một trinh nữ trẻ đẹp tên Maria. Câu chuyện nói về quyền năng của Thiên Chúa vượt sức con người. Thiên Chúa có thể tạo ra sự sống, bằng cách cho phép *những bà già hiếm muộn sinh con* (Lc 1:36-37; Kn 21:1-3) và làm cho *kẻ chết sống lại* (Lc 7:14-16; Ga 1:43-44). Hành động Mẹ Maria vội vã lên đường đi về miền núi đồi xứ Giudea là một biểu tượng Nước Trời sắp đến.

Mẹ Maria là khuôn mẫu cho mỗi người chúng ta, việc Mẹ về trời nhắc nhở *chúng ta, anh và tôi đều có quyền hy vọng*. Điều xảy ra cho người con gái đồng trinh thành Nazareth vào cuối đời nơi dương thế cũng có thể xảy ra cho mỗi người chúng ta nếu chúng ta có lòng tin, trung thành và biết vâng lời như Mẹ Maria.

Nơi thiên đàng, mẹ Maria hướng dẫn cho chúng ta cách gặp Chúa, biết cách sống và biết đường tìm về thiên quốc. Mẹ chỉ cho những con của mẹ đã chịu phép thánh tẩy trong chúa Kito và tất cả những ai lòng thành. Mẹ mở rộng những cách thức đó cho các trẻ thơ bé nhỏ và người nghèo khó, những kẻ biết mở rộng lòng mình đón nhận tình Chúa thương xót. Nữ Vương Thế Giới biểu dương cho từng cá nhân, từng quốc gia, sức mạnh của tình yêu Thiên Chúa, dẹp tan những kẻ kiêu căng, hạ bệ những kẻ quyền thế, nâng cao những kẻ khiêm nhường, cho no đầy những ai đói nghèo và làm tay trắng những kẻ giàu sang (Lc. 1: 51-53).

BA GIAI ĐOẠN CỦA MẸ MARIA

Chúng ta mừng ba giai đoạn lớn của cuộc đời mẹ Maria, giống như cuộc đời của tất cả chúng ta. Khi Đức Pio IX tuyên bố tín điều Đức Mẹ **Vô Nhiễm Nguyên Tội** năm 1854 với sắc chỉ “Ineffabilis Deus”, ngài dẫn chứng rõ ràng bằng câu chuyện Phúc Âm thánh Luca nói về thiên thần Gabriel truyền tin cho Mẹ Maria (Lc 1:26-38). Sứ thần chào Mẹ: *“Kính mừng Maria đầy ơn phúc”*. Câu này phải được hiểu là Mẹ Maria luôn luôn tinh tuyền, không bao giờ nhiễm tội lỗi. Thiên Chúa đã hiện diện và hoạt động trong Mẹ ngay từ những giây phút khởi đầu sự sống.Ơn sủng của Chúa thì to lớn hơn cả tội lỗi, quyền lực đó bao trùm vượt qua cả tội lỗi và sự chết. Nhờ vô nhiễm nguyên tội, Mẹ Maria được kêu gọi lãnh sứ mệnh đặc biệt.

Giai đoạn hai là **nhập thể**. Qua việc Mẹ Maria sinh ra chúa Giesu mà còn đồng trinh thì chúng ta phải hiểu là quyền năng Thiên Chúa cũng đã hoạt động trong cuộc sống của chúng ta. Câu trả lời của chúng ta cho giai đoạn này là phải khiêm tốn, công nhận, biết ơn, cởi mở và đón chào. Qua việc nhập thể, mẹ Maria sinh ra Ngôi Lời bằng xương bằng thịt thực sự.

Giai đoạn ba là cuộc hành trình sau cùng của Mẹ Maria đi về Vương quốc Thiên Chúa một cách trọn vẹn với tín điều **Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời** do Đức Pio XII ban năm 1950. Như vậy từ khởi đầu cũng như lúc kết thúc cuộc sống của Mẹ, Thiên Chúa đã hoàn thành nơi Mẹ tất cả những lời hứa mà Người đã hứa với chúng ta. Do đó chúng ta cũng sẽ được đưa lên thiên đàng như Mẹ vậy. Trong Mẹ Maria, chúng ta có hình ảnh **nhân tính và thiên tính**. Thiên Chúa thực sự thoải mái trong chúng ta và chúng ta cũng khoan khoái trong Thiên Chúa. Mẹ Maria lên trời ở một chỗ danh dự đặc biệt đã có sẵn trong ý của Thiên Chúa từ muôn thuở....

LỜI KẾT: MẸ MARIA THEO BƯỚC CHÂN CỦA CHÚNG TA

Để kết thúc, xin được nêu lên ít lời của Biển Đức XVI suy tư về Lễ Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời trong buổi triều yết chung hàng tuần tại Castel Gandolfo ngày 16-8-2006.

“Nhờ chiêm ngưỡng sự vinh quang của Mẹ Maria trên thiên quốc, chúng ta hiểu được trần thế không phải là quê hương thực của chúng ta, và nếu chúng ta luôn luôn chăm chú để mắt nhìn vào những cửa vịnh cửu thì một ngày kia chúng ta sẽ được chia sẻ cùng một vinh quang ấy, và trần thế sẽ trở nên tươi đẹp hơn. Vì vậy chúng ta sẽ không mất bình thân và an bình giữa hàng ngàn khó khăn mỗi ngày. Những tia óng ánh của Mẹ được mang về trời sẽ chiếu rọi rực rỡ hơn khi bóng tối sâu buồn của đau khổ và bạo động như lu mờ ở chân trời.

“Chúng ta có thể chắc chắn về điều đó: Từ trên trời cao Mẹ Maria theo dõi những bước chân đi của chúng ta với niềm ưu tư nhẹ nhàng, đánh tan những băn khoăn sâu muộn trong những lúc đen tối và buồn nản, bảo đảm cho chúng ta yên tâm qua bàn tay dịu hiền của mẹ. Biết được như vậy, chúng ta hãy tiếp tục đi trên đường quyết tâm của người Kito hữu bất cứ khi

nào Chúa quan phòng dẫn đưa chúng ta. Chúng ta hãy tiến bước trong cuộc sống của chúng ta dưới sự dìu dắt của Mẹ Maria.”

Fleming Island, Florida

August 15, 2014

Fxavvy@aol.com

NTC

Mời nghe nhạc Mẹ Về Trời: Ấn và giữ nút Ctrl trên bàn phím và click link ở dưới:

http://www.youtube.com/watch?feature=player_detailpage&v=83ShcuFOqwxw

VỀ MỤC LỤC

NGƯỜI PHỤ NỮ CANAAN (Mátthêu 15,21-28 – CN XX TN - A)

Đối với cộng đoàn đã tách khỏi Israel, giai thoại người phụ nữ Canaan này cho thấy các tín hữu có thể tìm được một cuộc sống mới và một vùng dân thân mới giữa các Dân ngoại.

Lm FX Vũ Phan Long, ofm

Nguồn: <http://kinhthanhvn.org/viewItem.jhtml?itemId=8993>

1.- Ngữ cảnh

Trong các bản văn trước, ta thấy, sau khi Đức Giêsu bị dân Nadarét loại trừ và Gioan Tẩy Giả bị chém đầu, Đức Giêsu đã hoàn toàn tập trung vào việc giáo huấn các môn đệ; Người có chữa bệnh, nhưng không còn ngỏ lời với đám đông nữa. Tuy nhiên, các tranh luận với người Phariseu vẫn còn, ngày càng gay gắt hơn. Đức Giêsu trách họ là đã thêm quá nhiều quy tắc vào Luật Môsê khiến cho Luật này trong thực tế không còn giá trị nữa; cùng lắm chỉ một số chuyên viên rất rành các truyền thống tiền nhân mới giữ được mà thôi. Đức Giêsu phản ứng bằng cách đưa Luật Môsê trở lại với sự đơn giản ban đầu, để toàn dân có thể tuân giữ.

Trong bản văn đi trước sát đoạn văn của chúng ta, Đức Giêsu còn đi xa hơn. Trong một dịp tranh luận với người Phariseu về món ăn trong sạch và không trong sạch, dường như Người gợi ý là người ta có thể ăn mọi thức mà chính Luật Môsê cấm! Thế mà điều này đã từng là một trong những lý do gây chia rẽ Do Thái và Dân ngoại. Vậy Đức Giêsu dường như đang quay về với một thái độ mềm dẻo hơn đối với Dân ngoại. Chính trong khung cảnh này mà ta đọc được truyện “Người phụ nữ Canaan”. Tác giả Mt trình bày cho thấy Đức Giêsu đã làm một phép lạ theo lời thỉnh cầu của một phụ nữ ngoại giáo. Đứng trước sự cứng lòng tin của dân Người và

sự chống đối ngày càng gia tăng của giới lãnh đạo tôn giáo, phải chăng Đức Giêsu đã quyết định bỏ mặc Israel mà quay sang hẳn với người ngoại?

2.- Bối cảnh

Bản văn được bố trí thành những đoạn đối thoại với Đức Giêsu, như những bậc đi lên tới một cao điểm:

* Mở: Hoàn cảnh (15,21);

1) Đoạn một: Đức Giêsu và người phụ nữ: Đức Giêsu làm ngơ = từ chối (15,22-23a);

2) Đoạn hai: Đức Giêsu và các môn đệ: Đức Giêsu trả lời = từ chối (15,23b-24);

3) Đoạn ba: Đức Giêsu và người phụ nữ: Đức Giêsu trả lời = từ chối (15,25-26);

4) Đoạn bốn: Đức Giêsu và người phụ nữ: Đức Giêsu khen ngợi = đồng ý (15,27-28).

3.- Vài điểm chú giải

- *Đức Giêsu lui về miền Tia và Xidôn* (21): Ghi chú về nơi chốn này có tính cách thần học. Tác giả Mt cho thấy Đức Giêsu tiếp xúc với Dân ngoại cư ngụ trong vùng này. Cụm từ “Tia và Xidôn” thường được dùng để gọi vùng Dân ngoại cư ngụ ở về phía biên giới tây bắc Paléttina; nơi này cũng còn được gọi là Phêniki. Dân Phênikia tự gọi mình là “dân Canaan”, và Cựu Ước cũng như Tân Ước đã lấy lại tên gọi đó.

- *ở vùng ấy đi ra* (22): Giải thích như BJ (1998) rằng “ân huệ cuối cùng được Đức Giêsu ban cho người phụ nữ ngoại giáo này rất có thể sẽ là trong đất Israel”, hay như Bd CGKPV (2004): “Mátthêu hình như muốn ngụ ý rằng, sở dĩ người đàn bà ngoại giáo biết tuyên xưng Chúa Giêsu là Con vua Đavít là vì bà đã đi ra khỏi miền dân ngoại và chỉ trong đất Ít-ra-en bà mới được Chúa thi ân” dường như có phần ép nghĩa. Nhưng c. 21 lại cho hiểu rằng chính Đức Giêsu mới đi ra khỏi đất Israel để đi vào vùng Dân ngoại. Trong thực tế, các biên giới địa lý, chính trị và dân tộc giữa Galilê, Xyri và Phêniki cũng chẳng rõ ràng gì. Đàng khác động từ “đi ra” (*exelthousa*) và giới từ *apo* cũng rất có thể chỉ liên hệ đến xuất xứ ngoại giáo của bà ấy mà thôi. Vì thế, giáo sư Guillemette đề nghị dịch là “... thì này có một người đàn bà Canaan của vùng ấy...”. Dịch như thế, thì hài hòa với câu trước (c. 21). TOB (1994) dịch là “này đây một người đàn bà Canaan đến từ đó...”.

- *Con vua Đavít* (23): Vì danh tiếng Đức Giêsu đã lan tới các vùng này, người ta biết các tên của Người. Do đó, không chắc là khi gọi Người như thế, người phụ nữ đã tin Người là Đấng Mêsia. Rất có thể bà gọi Người như thế là chỉ bắt chước người Do Thái. Tuy nhiên, lời kêu của bà cũng vẫn là một lời trách gửi đến cho dân Do Thái vì họ đã không biết nhận ra Đức Giêsu là Đấng Mêsia.

- *Thầy chỉ được sai đến với những con chiên lạc của nhà Ít-ra-en mà thôi* (24): “Chỉ được sai đến” là một thái bị động thay tên Thiên Chúa (= Thiên Chúa chỉ sai Thầy đến với ...). Đức

Giêsu nhắc lại một bài sai rất phù hợp với các sấm ngôn nói rằng sẽ đến một ngày Đức Chúa (YHWH) đuổi các mục tử giả hiệu ra khỏi Israel và trao nhiệm vụ chăn dắt cho Đấng Mêsia (x. Ed 34,23). Nay Người loan báo rằng giờ đó đã đến. Người có vai trò tái lập Israel thành một đoàn chiên duy nhất, trung thành với YHWH. Khi dân Israel đã được quy tụ lại rồi, khi họ đã lại đi theo vị mục tử chân thật của Thiên Chúa rồi, chỉ khi ấy các dân trên thế giới mới có thể được quy tụ lại quanh Thiên Chúa chân thật. Nhưng giai đoạn hai này của chương trình cứu độ không trực tiếp liên hệ đến sứ mạng của Người là Mêsia. Về chú giải, “những con chiên lạc nhà Israel” (*ta probata ... oikou Israël*) cũng có thể là một thuộc-cách giải nghĩa (epexegetical genitive), và có nghĩa là “những con chiên lạc là nhà Israel”.

- *Chó con* (26): Từ Hy Lạp *kynarion* (“chó con”) là dạng giảm nhẹ của từ *kyôn* (“chó”). Người Do Thái thường gọi Dân ngoại là “chó” (Híp-ri *keleb*). Phải chăng Đức Giêsu dùng từ ở dạng giảm nhẹ để giảm bớt tính khinh bỉ trong từ “chó”? Không chắc, bởi vì: 1) Trong Hy Lạp *koinê* (bình dân), không chắc là dạng giảm nhẹ ấy có giá trị là một sự giảm thiểu; 2) Ngôn ngữ A-ram không có dạng từ tương ứng với “chó con”. Do đó, hẳn là Đức Giêsu đã dùng từ A-ram truyền thống là *kalōbā'* (chó) để gọi Dân ngoại.

4.- Ý nghĩa của bản văn

Phải chăng Đức Giêsu đã quyết định bỏ mặc Israel mà quay sang hẳn với người ngoại? Bản văn Mt đọc hôm nay trả lời với chúng ta rằng đây không phải là ý định của Đức Giêsu. Quả thế, Đức Giêsu đã chỉ chấp nhận làm phép lạ sau khi đã từ chối lâu dài, y như thể Người đã chấp nhận cực chẳng đã. Chúng ta tìm hiểu bản văn.

Người phụ nữ đã thưa với Đức Giêsu: “Lạy Ngài là Con vua Đavít, xin rủ lòng thương tôi” (c. 22). Khi nói “Xin rủ lòng thương tôi”, bà đã dùng ngôn ngữ Kinh Thánh lấy từ các *Thánh vịnh* (Tv 6,3; 9,14; 26,7; 30,10; 40,56; 85,3; 122,3; v.v.). Đây là ngôn ngữ quen thuộc với Hội Thánh. “Ngài/Chúa, *kyrie*”, là danh hiệu các môn đệ và những người cầu xin thường dùng để thưa với Đức Giêsu. Khi gọi Người là “Con vua Đavít”, cho dù đức tin của bà chưa rõ ràng, bà cho thấy bà đang quay về với Đấng Mêsia của Israel, Đấng đã chữa lành nhiều người đau ốm trong dân. Như vậy, bà biết rằng Đức Giêsu được gửi đến với con cái Israel; độc giả thấy được đức tin của bà ở chỗ là, dù biết như thế, bà vẫn kêu cầu Người.

Các môn đệ tìm cách đuổi bà ấy đi. Các ông đóng một vai trò tiêu cực, giống như ở 14,15; 19,13. Các ông giải thích xấu tiếng kêu la của người phụ nữ; các ông không nghe ra được nỗi cùng quẫn của bà, mà chỉ thấy là bà đang đi theo nhóm và làm phiền bằng tiếng kêu la. Lời đáp của Đức Giêsu nằm trong ngữ cảnh này: “Thầy chỉ được sai đến với những con chiên lạc của nhà Ít-ra-en mà thôi” (c. 24); Người tuyên bố như vậy trước mặt các môn đệ và trong hoàn cảnh dân Do Thái khép lòng lại trong thái độ cứng tin. Điều này, chính Người đã một lần nói lên khi sai phái Nhóm Mười Hai (x. 10,6). Như thế Người hỗ trợ cho việc dứt khoát từ chối người phụ nữ và còn cho thấy điều này thuộc về lịch sử cứu độ. Nếu vậy, sau này khi Đức Giêsu truyền dạy các môn đệ đi đến với muôn dân (28,18-20), điều này có nghĩa là có một sự thay đổi căn bản trong chương trình của Thiên Chúa. “Các con chiên lạc của nhà Israel” không phải chỉ là

“các con chiên đen” tại Israel, nhưng có thể hiểu là toàn thể dân Thiên Chúa mà Đức Giêsu được gửi tới. Câu trả lời của Đức Giêsu cho thấy Người không dành cho người phụ nữ một chút quan tâm nào nữa. Thế nhưng bà vẫn quay về Đức Giêsu và bái lạy Người (x. 8,2; 9,18). Một lần nữa, bà gọi Người là “Ngài/Chúa, *kyrie*”, và một lần nữa, bày nài xin Người với những lời lấy từ các *Thánh vịnh* (Tv 43,27; 69,6; 78,9; 108,28). Một lần nữa, Đức Giêsu từ chối bằng lời lẽ rất mạnh: “Không nên lấy bánh dành cho con cái mà ném cho lũ chó con” (c. 26). Người muốn nói rằng Tin Mừng chỉ được nhắm phân phát cho “con cái”, tức là dân tộc Do Thái, những người thừa kế lời Thiên Chúa hứa. Không chắc người phụ nữ hiểu được ý này, khi bà trả lời: “Thưa Ngài, đúng thế, nhưng mà lũ chó con cũng được ăn những mảnh vụn trên bàn chủ rơi xuống” (c. 27). Có lẽ phải nói rằng bà tự gọi mình là “chó” không phải là một sự khiêm nhường, nhưng là để bẻ lại Đức Giêsu: Trong gia đình, nhưng con chó cũng được hưởng những mảnh vụn từ bàn chủ rơi xuống. Dù bị từ chối nhiều lần, người phụ nữ vẫn không nản chí, bà vẫn tiếp tục cầu xin. Thế là Đức Giêsu chấp nhận lời bà thỉnh cầu.

Đức Giêsu mô tả sự tin tưởng vô điều kiện của người phụ nữ, được diễn tả bằng những lời xin được lặp lại liên tục, là “lòng/đức tin” (x. 8,10.13; 9,22.29). Đức tin có nghĩa là người ta không có bất cứ điều gì ngoại trừ sự tin tưởng đặt nơi Đức Giêsu. Câu truyện kết thúc giống như truyện viên sĩ quan ở Caphácnaum. Lời thỉnh cầu không ngại ngùng của bà đã được chấp nhận. Con gái bà được khỏi (c. 28).

Việc Đức Giêsu chấp nhận lời thỉnh cầu của bà trở thành một lời gián tiếp kết án sự công chính và sự an toàn mà dân Do Thái nghĩ là họ đang có, dựa trên truyền thống và tư cách thừa kế lời Thiên Chúa hứa cho tổ phụ Abraham: họ không còn biết đón nhận ơn Thiên Chúa tuyển chọn trong đức tin nữa. Còn bà Canaan, bà đã đạt được điều bà muốn có, là bởi vì bà ở trước nhan Thiên Chúa trong tư thế chờ đợi khiêm tốn như những người được nói đến trong các Mối Phúc. Bà đã tỏ ra như là một người hành khát dưới chân Đức Giêsu, cứ không ngừng cầu xin, cứ hy vọng ngược lại mọi hy vọng, giống như Abraham, như bà góa trong dụ ngôn Lc (Lc 18,1-8), như những người biết dùng sức mạnh mà vào Nước Trời (Mt 11,12). Lời bà cầu xin chính là hình thái cụ thể và sống động của niềm tin bà. Đức Giêsu thấy “lòng tin của bà mạnh thật” (c. 28), bởi vì lòng tin của bà là trọn vẹn, nó cho thấy một con tim không chia sẻ đang chờ đợi được no lòng thỏa dạ từ sự hào phóng của Thiên Chúa, từ ý muốn của Chủ. Đồng thời, chính đức tin này càng cho thấy là sự mù quáng và định kiến của dân Do Thái đối với Đức Giêsu thật thâm trọng, vì họ đã từ khước nhìn nhận Người là Đấng Mêssia, trong khi “con chó” ngoại giáo này đã biết nhận ra Người là “Con vua Đavít” (c. 22). Sự tin tưởng vô điều kiện đặt nơi Đức Chúa và Con vua Đavít cũng hàm chứa kinh nghiệm cụ thể về sự chữa lành.

+ Kết luận

Truyện người phụ nữ Canaan hàm chứa hai khẳng định bề ngoài mâu thuẫn nhau: sự tuyển chọn Israel làm dân riêng của Thiên Chúa và Thiên Chúa hoàn toàn tự do trong việc thực hiện chương trình cứu độ. Ta vẫn có thể đọc truyện bà Canaan để ghi nhận sứ điệp cứu độ và hy vọng, nhưng cũng phải luôn đề phòng xu hướng duy tín hoặc cuồng tín. Nếu bà ấy cuối cùng

đã được Đức Giêsu lắng nghe, tác giả vẫn không có ý nói rằng bất cứ ai có đức tin y như đức tin của bà thì luôn luôn đạt được thành công như thế. Các mẫu nhiệm của Thiên Chúa không phải bao giờ cũng trở nên minh bạch khi con người thỉnh cầu Ngài.

5.- Gợi ý suy niệm

1. Bản văn hôm nay cho hiểu rằng tư cách của chúng ta là người đã được rửa tội không phải là một quyền để chúng ta có thể phê phán hoặc khinh bỉ người khác. Tư cách này thật ra là một ơn Thiên Chúa ban cho chúng ta. Riêng Ngài, Thiên Chúa không hề bị ràng buộc vào bất cứ cấu trúc tôn giáo nào hay bất cứ tư cách nào của con người cả. Ngài vẫn đang thấy có “lòng tin mạnh thật” nơi những người mà chúng ta coi thường. Ngài vẫn có thể làm dậy lên một dân mới cho Ngài.

2. Bà Canaan này đã vượt qua được mọi trở ngại, bằng sự kiên trì, bằng khả năng thuyết phục riêng của phái nữ: nhẹ nhàng, bình thản, nhưng cương quyết. Bà đã vượt qua được các trở ngại bằng trí thông minh đầy khiêm tốn, chứ không phải bằng sự ngạo mạn khiêu khích, hoặc bằng thái độ quy lụy, hạ mình, cầu cạnh. Để làm được như thế, trước tiên bà phải rất thương yêu đứa con của bà. Bà thương yêu đứa con nhỏ yếu đuối, không có thể tự làm gì để cứu mình. Bà trở thành đại diện cho nó; bà cũng trở thành đại diện cho những người không thể tự mình diễn tả ra vấn đề của họ. Bà là phát ngôn viên của những người cô thế cô thân, những người yếu đuối. Bà hiểu vụ việc của bà, bà xác tín bà có lý, bà chắc chắn là bà có quyền xin được cứu giúp. Không phải bà chỉ muốn bày tỏ nguyện vọng của mình, còn đáp ứng thế nào thì tùy Đức Giêsu; bà đã có cách xin khiến Đức Giêsu không thể từ chối được.

3. Không biết là bà có linh cảm được rằng Đức Giêsu thế nào cũng chấp nhận lời bà thỉnh cầu chẳng. Không biết là bà có đã nghe biết nhiều về Đức Giêsu chưa. Không biết là bà có hiểu biết phần nào nhân cách của Người chẳng. Nhưng cách bà xin cho thấy là bà biết là bà có thể cậy dựa vào Đức Giêsu. Dù sao người phụ nữ cũng có linh cảm sắc bén hơn về con người, có cảm thức rất chính xác về từng con người họ gặp gỡ. Chắc chắn bà này đã được hỗ trợ bằng sự linh cảm rất nữ tính này. Khi biết rằng bà xin không phải cho bà, khi biết rằng con người mà bà đến gặp để thỉnh cầu là con người có lòng nhân ái, thì bà chẳng có gì để sợ mất. Bà đã xin, xin mãi. Ta có thể nhớ đến dụ ngôn Đức Giêsu kể về bà góa nhất định xin ông quan toà bắt nhân cứu xét cho vụ việc của mình ở chương 18 của *Tin Mừng Luca*. Dường như sự kiên trì là một đức tính chủ yếu của phái nữ.

4. Dường như tôi dễ buông xuôi trước một khó khăn dù bé nhỏ. Dường như tôi không có xác tín mãnh liệt về ơn gọi của tôi để sống cho đến mức độ cuối cùng. Dường như tôi không có cảm thức rằng số phận của người khác liên hệ đến cách tôi sống ơn gọi của tôi. Quả thật, tôi lùi bước tức khắc khi vừa bị từ chối. Có mấy khi tôi kiên trì cầu xin Chúa cho một người đã cậy nhờ tôi cầu nguyện cho đâu. Dường như tôi chẳng dám lên tiếng cho những người cô thế cô thân, vì tôi sợ liên lụy đến tôi, tôi sợ mất quyền lợi, mất chỗ đứng, mất sự tín nhiệm... Có khi chỉ nguyên nghĩ rằng tôi chẳng đạt được kết quả gì đâu, là tôi đã cảm thấy tê liệt, chân tôi không sao nhúc nhích được nữa rồi. Người phụ nữ Canaan này, một người tôi ngoại, cho thấy rằng

kiên trì là một nhân đức, bởi vì nó lay chuyển được lòng của Thiên Chúa! Bà ý thức rằng bày tỏ nguyện vọng tốt lành, nhất là để trợ giúp kẻ khác, thì không phải là chuyện xấu để phải cả nể, để phải giữ kẽ, để phải nổi tự ái lên.

5. Hội Thánh sống giữa Dân ngoại có nhiệm vụ công bố sứ điệp của Đức Giêsu cho họ: Đức Giêsu không giam hãm Thiên Chúa bên trong biên cương của Israel, nhưng đã để chính mình được đánh động bởi lòng tin của người phụ nữ ngoại giáo. Đối với cộng đoàn đã tách khỏi Israel, giai thoại này cho thấy các tín hữu có thể tìm được một cuộc sống mới và một vùng dân thân mới giữa các Dân ngoại.

VỀ MỤC LỤC

AN PHONG – NGỌN GIÓ LÀNH



Khi đặt thanh gươm hiệp sĩ của mình dưới bàn thờ "Đức Bà chuộc kẻ làm tội", Thánh An Phong đã quyết định con đường dân thân của mình theo một khúc quanh mới, thuộc về Chúa hoàn toàn để thuộc về người nghèo, người bị bỏ rơi hơn cả.

Từ giả pháp đình, An Phong cũng từ giả giấc mơ đấu tranh giành lấy công bằng cho người nghèo bằng con đường luật pháp. Bỏ thanh gươm, An Phong từ chối can thiệp vào xã hội bằng quyền lực. Nhận lấy chiếc áo Giáo

Sĩ, An Phong chọn con đường Tin Mừng.

Chẳng phải khi trở thành Linh Mục hoặc khi thiết lập DCCT vào năm 1732 thì An Phong mới có cảm thức về người nghèo, về sự áp bức và về sự công bằng, nhưng ngay khi còn đang đeo đuổi con đường luật học, An Phong đã đưa ra những quyết tâm thuộc về người nghèo, thuộc về công lý và công bằng. Quyết tâm không cái trắng ra đen, chọn lựa người nghèo mà bệnh vực, đó là những quyết tâm của luật sư An Phong nơi pháp đình của vương quốc Napoli.

"Hỡi thế gian, ta đã biết mi", trên đường rời bỏ pháp đình, An Phong kinh nghiệm được sự giới hạn của con người. Luật pháp có công minh cách mấy cũng không đủ sức thắng sự dữ. Cái mĩa mai là luật pháp được biên soạn và ban hành bởi những kẻ cầm quyền thì làm sao lại có thể đứng về phía người nghèo, người bị áp bức được? An Phong chọn Tin Mừng là "bộ luật" được biên soạn và ban hành bởi người nghèo cùng cực. An Phong nhận ra Thiên Chúa hóa thân nơi người nghèo, nên "bộ luật" này là bộ luật của người nghèo, người đau khổ, người hèn mọn. "Điều gì các ngươi làm cho người bé mọn nhất đó là làm cho chính Ta" (Mt 25).

Chọn người nghèo, người bị bỏ rơi hơn cả, An Phong dân thân thuộc trọn vẹn về người nghèo, đồng thân đồng phận với người nghèo, hòa mình sống kiếp nghèo. Bỏ giới thượng lưu, An Phong bỏ phong cách quý tộc, chọn lấy nếp sống giản dị, lối cư xử đơn sơ, mộc mạc. Cầm



anh em mình ăn nói hoa mỹ, cấm anh em mình đem kiến thức lòe bịp thiên hạ, An Phong chia sẻ với anh em cách ăn nói bình dị, chữ nghĩa bình dị, “hãy nói sao cho người bình dân hiểu”.

(Ảnh chụp Đền kính Thánh An Phong tại đường Merulana ở Roma, ngay bên cạnh là Nhà Dòng Mẹ).

Bỏ pháp đình, An Phong không hề bỏ kiến thức luật học, nhưng chọn Tin Mừng, An Phong phả hồn Tin Mừng vào luật học, viết ra bộ Thần Học Luân Lý. An Phong sử dụng kiến thức luật học của mình để đứng về phía người nghèo, người bị áp bức. Thời ấy, luật đạo luật đời gần như một, lăm mối liên kết chằng chịt đạo đời rồi ren mật thiết. Không chấp nhận quan niệm mục vụ khắt khe cầm buộc, An Phong lên tiếng nói cho người nghèo, người bị bỏ rơi, những hối nhân đáng thương hại, tiếng nói mạnh mẽ không chỉ ngoài xã hội nhưng còn ngay giữa lòng Nhà Thờ. An Phong trả lại trách nhiệm cho lương tâm, cho tình thương, cho sự tha thứ.

An Phong trần trở và kiên trì cho đến trọn đời, kinh nghiệm nổi cô đơn trên con đường phục vụ người nghèo, người bị bỏ rơi, An Phong đã cam kết đi đến cùng cho dù chỉ còn một mình. Nổi cô đơn ấy đã đeo bám An Phong cho đến hết cuộc đời, và An Phong cũng trung tín với lời cam kết cho đến hết hơi thở cuối cùng.

Có rất nhiều luồng gió thổi đến làm rung chuyển thời cuộc, biến hóa nhân sinh, thay cũ đổi mới. An Phong vẫn làm gió, nhưng khi chọn Tin Mừng, ngọn gió của An Phong là gió lành, ngọn gió lành không phá hủy, không tiêu diệt, không tàn phá, nhưng xây dựng, làm mát lòng người, làm phát sinh sự sống và làm cho sự sống thêm dồi dào.

Con cái An Phong có là ngọn gió lành không ?

Lm. VĨNH SANG, DCCT, Lễ Thánh An Phong 2014

VỀ MỤC LỤC

CHỨC VỤ TƯ TẾ, VƯƠNG ĐẾ VÀ NGÔN SỨ CỦA NGƯỜI GIÁO DÂN LÀ GÌ ?

Qua Phép rửa, người tín hữu giáo dân được tham dự vào địa vị vương đế, chức vụ tư tế và ngôn sứ của Chúa Kitô.

Đây là một đặc ân cao quý và cũng là trách nhiệm của những ai đã gia nhập Giáo Hội của Chúa Kitô qua Phép Rửa. Các giáo phụ (Church Fathers) xa xưa đã dạy rằng người tín hữu giáo dân là Đức Kitô thứ hai (Alter Christus) nhờ Phép rửa cho phép họ được tham dự vào các chức vụ kia của Chúa Kitô.

Danh xưng Đức Kitô thứ hai sau này cũng được dùng để chỉ các tư tế phẩm trật (ordained Ministers) như linh mục và giám mục, là những người thực sự thay mặt và nhân danh Chúa Kitô (in persona Christi) khi cử hành các bí tích quan trọng như Thêm sức, Thánh Thể, Hòa giải Xức dầu và Truyền Chức Thánh (dành riêng cho giám mục) Các Bí tích Rửa tội và Hôn phối thì phó tế có thể làm , kể cả giáo dân trong trường hợp khẩn cấp, nguy tử. Hai người

phối ngẫu có thể kết hôn thành sự với sự chứng kiến của hai nhân chứng trong trường hợp nguy tử, không tìm được linh mục hay phó tế chứng hôn.(x giáo luật số, 1116 &1)

Danh từ giáo dân(lay persons) được dùng để chỉ những người không có chức thánh (giáo sĩ =clerics) hoặc tu sĩ có lời khấn Dòng (religious life). Họ chính là thành phần dân Chúa đông đảo nhất trong Giáo Hội và tham dự vào chức vụ Ngôn sứ, Tư tế và Vương đế của Chúa Kitô theo cách thức riêng của họ.

Thánh Công Đồng Vaticanô II , trong Hiến Chế Tin Lý Lumen Gentium, đã phân biệt chức linh mục thông thường của giáo dân.(the common priesthood of the laity) khác với chức vụ linh mục biệt tác của hàng giáo sĩ thừa tác (extraordinary ministerial Priesthood of the clerics) như sau:

Hàng giáo sĩ thừa tác thì hành chức năng tư tế khi cử hành các bí tích , cách riêng bí tích Thánh Thể và Hòa giải nhân danh Chúa Kitô (Personna Christi). Nghĩa là chính Chúa Kitô cử hành các bí tích qua tay các thừa tác viên con người là Phó tế, linh mục và giám mục.Vì thế, bí tích luôn thành sự (valid) khi thừa tác viên nhân danh Chúa và cử hành đúng nghi thức (rites) mà Giáo hội đã qui định.

Thí dụ, rửa tội phải có nước và đọc công thức Chúa Ba Ngôi. Nếu thiếu một trong hai yếu tố này thì bí tích không thành sự, dù cho thừa tác viên là linh mục hay giám mục.Cũng vậy, khi cử hành bí tích Thánh Thể trong khuôn khổ Thánh Lễ Tạ Ơn, nếu thừa tác viên không dùng đúng chất thể là bánh không men và rượu nho đúng theo qui định của Giáo Hội, hoặc không đọc đúng kinh Nguyện Tạ Ơn và lời truyền phép (consecration) theo chữ đỏ (rubric) thì bí tích sẽ không thành sự . Ngược lại, nếu không có chức linh mục hữu hiệu hay thành sự, thì cho dù có đọc và làm đúng theo lễ qui vẫn không có bí tích được , và người cử hành sẽ bị vạ tuyệt thông tiền kết , vì không có chức linh mục mà dám cử hành Thánh Lễ hay giải tội cho ai.(x giáo luật số 1378 triệ 1 và 2).

Tiếp đến, hàng giáo sĩ thừa tác thì hành chức năng ngôn sứ của Chúa Kitô qua việc rao giảng Tin Mừng Cứu Độ và giáo lý của Giáo hội cho giáo dân ở khắp nơi để giúp họ biết sống đức tin ,đức cậy và đức mến cách đích thực để được cứu rỗi theo lòng mong muốn của Thiên Chúa, **“Đáng cứu chuộc chúng ta, Đáng muốn cho mọi người được cứu độ và nhận biết chân lý.”** (1 Tm 2 :4)

Mặt khác, hàng giáo sĩ và tu sĩ cũng được mong đợi sống phù hợp với lời mình rao giảng và dạy dỗ để làm chứng cho Chúa Kitô, **“Đáng đến để phục vụ và hiến mạng sống mình làm giá chuộc cho muôn người.”** (Mt 20 28)

Đây là sứ mệnh mở mang Vương Quốc của Chúa Kitô, Vương Quốc của yêu thương, tha thứ, công bình và thánh thiện trong lòng người ở khắp mọi nơi trên thế giới

Trên đây là cách thức hàng giáo sĩ tham dự vào chức năng tư tế, ngôn sứ và vương đế của Chúa Kitô, với tư cách là tư tế thừa tác (ministerial sacerdoce)

Người giáo dân, nhờ bí tích Rửa tội, cũng tham dự vào các chức năng trên nhưng theo cách thức riêng của họ như sau:

Liên quan đến chức năng ngôn sứ, người giáo dân không rao giảng lời Chúa trong nhà thờ, nhà nguyện như các linh mục, giám mục, mà rao giảng bằng chính đời sống của mình trước mặt người đời chưa nhận biết Chúa để giúp họ nhận biết và tin yêu Chúa nhờ gương sống đức tin của mình.

Nghĩa là, trong khi những người không có niềm tin, hay có mà không dám sống niềm tin ấy, nên họ ăn gian nói dối, cờ bạc, gian dâm, thay vợ đổi chồng, buôn bán gian lận, thù ghét người khác, phá thai, ly dị... thì người có niềm tin Chúa phải sống ngược lại với cách sống của những người vô đạo hay chối đạo kia để **“ họ thấy những việc tốt đẹp anh em làm, mà tôn vinh Cha của anh em, Đấng ngự trên Trời.”** (Mt 5 :16), như Chúa Giê su đã dạy các môn đệ xưa.

Đây chính là trách nhiệm “ phúc âm hóa môi trường sống” của người tín hữu giáo dân, góp phần hữu hiệu với hàng giáo phẩm và giáo sĩ trong sứ mệnh “phúc âm hóa thế giới” để mở mang Nước Chúa trên trần thế. Chính nhờ gương sống chứng nhân của mình mà người giáo dân sẽ thuyết phục được nhiều người khác nhận biết và tin yêu Chúa. Vì thế, Công Đồng Vaticanô II đã dạy rằng:

“ ...Giáo dân được đặc biệt kêu mời làm cho Giáo Hội hiện diện và hoạt động trong những nơi và hoàn cảnh mà nếu không có họ, Giáo Hội sẽ không trở thành muối của thế gian.” (LG, số 33)

Nói khác đi, khi sống giữa những người khác tín ngưỡng hay vô tín ngưỡng, người tín hữu công giáo làm chứng cho Chúa Kitô và rao giảng Tin Mừng của Chúa bằng chính đời sống công bình, bác ái, vị tha, trong sạch để đối nghịch với lối sống vô luân, gian tham, xảo trá, gian manh, vô nhân đạo của người đời. Nghĩa là. Khi không hòa theo cách sống của họ và có can đảm sống theo đường lối của Chúa từ trong gia đình ra đến ngoài cộng đồng xã hội để không thay chồng đổi vợ, không ly dị, phá thai, không thù oán ai, không buôn bán gian lận, không lui tới những nơi tội lỗi như sòng bài và nhà đêm, thì người giáo dân đã chu toàn chức vụ ngôn sứ của mình là rao giảng Tin Mừng của Chúa Kitô cách hùng hồn bằng chính đời sống của mình cho những người sống vô luân vô đạo ở khắp nơi trên thế giới tục hóa ngày nay.

Và đây mới chính là cách thi hành chức vụ ngôn sứ của người giáo dân trong Giáo Hội để góp phần mở mang Nước Chúa bằng lời nói và việc làm của mình trước mặt người đời chưa nhận biết Chúa.

Nói khác đi, nếu người tín hữu Chúa Kitô- giáo sĩ, tu sĩ và giáo dân- mà cũng ham mê tiền của, chạy theo những lời cuốn về danh lợi với người đời thì sẽ trở thành phản chứng (anti-witness) thay vì là nhân chứng (witness) cho Chúa Kitô

“ Đáng vốn giàu sang phú quý, nhưng đã tự ý trở nên nghèo khó vì anh em, để lấy cái nghèo của mình mà làm cho anh em được trở nên giàu có.” (2 Cor 8: 9)

Mặt khác, khi người tín hữu Chúa Kitô - giáo sĩ, tu sĩ và giáo dân- sống công bình bác ái, trong sạch và vị tha, yêu thương, tha thứ từ trong gia đình ra đến cộng đồng xã hội thì cũng mang Vương Quốc của Chúa là Vương Quốc yêu thương, công bình, an vui và thánh thiện đến với những ai đang sống trong hận thù, bất công, bóc lột người khác, vô luân vô đạo và đứng dưng trước sự nghèo đói của biết bao anh chị em đồng loại sống quanh mình.

Sau hết, người tín hữu giáo dân thi hành chức năng tự tế của mình bằng cách dâng đời sống cá nhân hay gia đình với mọi vui buồn, sướng, khổ, thành công hay thất bại để hiệp thông với sự đau khổ của Chúa Kitô một lần dâng lên Chúa Cha trên thập giá, để đền tội thay cho nhân loại, và còn tiếp tục dâng trên bàn thờ ở khắp nơi trong Giáo Hội ngày nay.

Tóm lại, người tín hữu giáo dân thi hành các chức năng tự tế, ngôn sứ và vương đế của mình theo cách thức đã trình bày trên đây, để hiệp thông cùng với hàng giáo sĩ thừa tác tế lễ, rao giảng Tin Mừng Cứu Độ của Chúa Kitô để mở mang Vương Quốc yêu thương, công bình và thánh thiện của Người đến với mọi tâm hồn con người ở khắp mọi nơi, để đánh tan bóng đen tội lỗi của văn hóa sự chết, của chủ nghĩa tục hóa (vulgarism) tôn thờ tiền bạc và mọi thú

vui vô luân vô đạo, đang ngày một bành trướng ở khắp nơi trên thế giới trống vắng niềm tin này.

Lm Phanxicô Xaviê Ngô Tôn Huấn.

VỀ MỤC LỤC

CHÚA Ở ĐÂU?

Vào một Chúa Nhật nọ, người ta thấy một người lạ mặt ngồi lại sau Thánh Lễ lâu giờ. Họ không nhớ đã gặp người này trước đây. Anh ta ngồi đó, nhìn chăm chăm vào một khung cửa kiếng màu. Một lúc sau, ông quản phụ trách việc đèn đóm cửa giả nhà thờ đến xin lỗi anh ta để đóng cửa vì đã hết giờ. Lúc rời nhà thờ, người lạ mặt hỏi:

“Chúa ở đâu?”

Ông quản bắt ngờ trước câu hỏi này.

“Ý anh là sao?”

“Ý tôi là: Chúa ở đâu?” Người lạ mặt lặp lại câu hỏi.

“Chúa ở khắp mọi nơi. Cách riêng, anh đang đứng trong nhà thờ nơi có Nhà Tạm. Và chúng ta tin rằng Chúa hiện diện nơi đây.” Ông quản trả lời thế nhưng người lạ mặt không có ý hỏi về sự hiện diện của Chúa trong Nhà Tạm. Anh ta đang vật lộn với những vấn đề khác.

“Nhưng tại sao anh lại hỏi như thế?” ông quản hỏi anh.

Tên của người lạ mặt là Yumi. Sau khi xong trung học, mười lăm năm về trước, anh không đi Lễ thường xuyên nữa. Thời gian trôi qua, kiến thức đức tin của anh cũng mai một dần, không được cập nhật. Khi cuộc khủng bố ngày 11 tháng 9 năm 2001 xảy ra tại New York, anh tức giận với Chúa và chấm dứt việc đến nhà thờ hoàn toàn. Anh đổ lỗi cho Chúa về cái chết của em họ mình khi Tòa Tháp Đôi sập xuống. Sự tức giận của anh lớn dần lên trong lòng, không chỉ đối với Chúa mà còn đối với con người nữa.

Nghe ông quản hỏi tại sao anh lại hỏi câu hỏi ấy, anh trả lời: “Hãy nói cho tôi biết tại sao tội ác xảy ra trên thế giới này. Tại sao ngay cả những người tin vào Chúa cũng làm những sự ác với tha nhân?”

“Đúng vậy, anh bạn à. Một số tín hữu đã làm hại người khác,” ông quản đáp.

“Nhưng tại sao họ tin Chúa mà vẫn làm như thế?” Yumi tiếp tục đặt vấn đề.

Lúc ấy vợ của ông quản xuất hiện ở cửa. Bà ấy đã đứng ở ngoài này giờ để chờ chồng cùng về nhà. Ông quản nói với Yumi:

“Tôi xin lỗi phải đi bây giờ. Có lẽ chúng ta sẽ gặp lại và chia sẻ nhiều hơn.”

“Tôi cũng hi vọng là vậy, nhưng không sao. Chúc anh chị buổi tối tốt lành.”

“Cảm ơn anh. Chúc anh cũng thế nhé. À, đây là tờ hiệp thông trong giáo xứ. Anh có thể đem về dùng.”

“Xin cảm ơn!”

+++

Buổi tối hôm ấy, Yumi nghe thêm tin tức về chiến cuộc ở Trung Đông. Thêm nhiều người chết và bị thương. Anh lắc đầu buồn bã và tức giận, nhưng trên hết anh cảm thấy khó hiểu và bất lực. “Đủ rồi,” anh hét lên khi xem tin tức, “tại sao các người đối xử với nhau tệ hại như thế?”

Anh tắt ti-vi đi như thể không chịu nổi nữa. Lúc ấy anh chợt thấy tờ hiệp thông của giáo xứ trên bàn. Vì lý do nào đó, anh cầm lên và đọc lướt qua trang đầu tiên. Mắt anh bắt gặp một câu hỏi in đậm: **“Tại sao Chúa không ở trong cơn gió bão hay trận động đất hay lửa mà lại ở trong cơn gió nhẹ hiu hiu?”** Phía dưới câu hỏi là một bài đọc trích từ sách Các Vua quyển thứ nhất, chương 19, kể về chuyện ngôn sứ Ê-li-a đang chạy trốn khỏi cuộc lùng giết của hoàng hậu I-de-ven. Ông tìm thấy một cái hang và núp ở đó. Một thiên sứ đến bảo ông hãy ra ngoài đứng trên núi trước nhan Đức Chúa vì Người sắp đi qua đây. Ê-li-a nghe tiếng gió bão ầm ầm xẽ núi non, đập vỡ đá, rồi đến một trận động đất, rồi đến lửa, nhưng Chúa không ở trong chúng. Cuối cùng xuất hiện một làn gió nhẹ hiu hiu. Thiên Chúa hiện diện trong đó. Chi tiết này làm cho Yumi dừng lại suy nghĩ. Anh nhớ đã nghe bài đọc này nhiều lần trước đây khi anh trẻ hơn, nhưng anh chưa bao giờ để ý đến chi tiết này. Dường như anh mới khám phá ra điều gì mới lạ.

Điện thoại di động trong túi áo khoác của anh đổ chuông. Một số điện thoại lạ đang gọi anh. Nhưng anh quyết định trả lời. Giọng nói từ đầu dây bên kia có vẻ rất tức giận:

“Nghe đây, từ giờ trở đi, đừng để tao thấy mặt mày nữa, hoặc là tao sẽ đập cho một trận. Tao thù với Chúa đấy. Hiểu chưa?”

Yumi cảm thấy sốc bởi giọng nói lạ kia. Anh trả lời: “Xin lỗi, ông là ai? Tôi nghĩ ông đang nói chuyện lầm người.”

Giọng nói bên kia ngừng lại. Yumi nghe ông ta “ồ” một tiếng rồi cúp máy mà không xin lỗi gì.

Lúc này Yumi chợt hiểu bài Kinh Thánh trong tờ hiệp thông của giáo xứ anh mới đọc. Câu trả lời cho câu hỏi in chữ đậm rất đơn giản: Chúa không ở trong gió bão hay động đất hay lửa **vì Người không phải là một vị Chúa bạo lực**. Chúa có thể làm tất cả mọi sự vì Người là Đấng Toàn Năng, nhưng Người luôn luôn chọn con đường dịu hiền và an lành bởi vì Người là Thiên Chúa của Tình Yêu (1Gioan 4:8). Cú điện thoại từ một người lầm số có thái độ hung hãn, thậm chí còn dùng cả danh Chúa cho hành động bạo lực của mình, đã giúp Yumi hiểu rõ hơn về các hành xử bạo lực của con người. Nguồn gốc của loại hành xử này nằm ở sự hiểu sai hiểu lầm về Thiên Chúa. Khi người ta không hiểu rõ sự thật rằng **Chúa tuyệt đối chống lại bạo lực**, họ sẽ không từ khước sự dữ của bạo lực. Trường hợp tồi tệ nhất là tin rằng Chúa đồng ý với bạo lực vì trong trường hợp ấy người ta sẽ dùng danh Chúa mà gây hại cho tha nhân. Điều xấu nhất là cho rằng Chúa sẽ thưởng công cho các hành động bạo lực.

Với khám phá này, Yumi bật Ti-vi lên lại để xem tin tức thế giới. Thêm một cảnh tượng các ngôi nhà đang bị cháy rụi đi do mấy kẻ cuồng tín gây ra. Những gì đang xảy ra cho thấy rõ sự thật rằng họ đã hiểu sai về Chúa.

Lúc này là 11 giờ 15 phút đêm. Điện thoại di động của anh lại đổ chuông. Một số lạ nữa! Anh lưỡng lự không muốn trả lời. Một vài phút sau, số đó lại gọi anh. Dù ái ngại nhưng anh quyết định bắt máy.

“Chào Yumi, Minsa đây. Còn thức không?”

“Còn. Số mới của cậu à? Có chuyện gì không?”

“Ừa, tớ đổi số. Tớ mới nghe biết thằng bạn Stipud dạo này rất hay uống rượu say.”

“Sao vậy?” Yumi hỏi.

“Nó nói nó muốn tự trừng phạt mình vì đã xúc phạm đến bạn gái trước mặt một đám đông.” Minsa đáp.

Yumi nhận ra ngay rằng khi người ta không thấy Chúa luôn là Đấng bắt bạo lực thì họ sẽ cho phép mình trở nên bạo lực, không chỉ đối với tha nhân mà còn đối với chính bản thân họ nữa. Bất cứ một dạng bạo lực nào cũng đều trái ngược với ý của Thiên Chúa thật. **Đàng sau bạo lực là Satan.** Nó tìm mọi cách để xui khiến con người dính dáng đến bạo lực, từ tư tưởng cho đến hành động, từ già đến trẻ, từ khỏe đến ốm. Nó tận dụng mọi hoàn cảnh để cám dỗ người ta bạo lực với chính mình và với tha nhân.

“Minsa, cậu thấy đấy, trong trường hợp này Stipud đang sống bạo lực đến hai lần, trước hết là với bạn gái và bây giờ với chính bản thân nó. Đơn giản nó chỉ cần chân thành xin lỗi làm hòa với cô ấy và tiếp tục tiến lên trong cuộc sống. Tớ sẽ gọi điện cho nó ngày mai xem có giúp gì được không. Cảm ơn cậu cho tớ biết nhé Minsa!”

“Cảm ơn Yumi!”

Ngày nay, Yumi không còn tức giận Chúa nữa. Ngược lại, anh yêu Người hơn. Thỉnh thoảng anh thầm thì: “Tội nghiệp Chúa quá đi!” Anh đã khám phá ra một phương pháp cho mình và muốn chia sẻ nó với những ai có cùng nỗi trăn trở giống anh trước đây. Phương pháp đó là: thay vì hỏi “Chúa ở đâu?” thì nên trả lời cho đúng một câu hỏi sâu xa hơn **“Chúa là ai?”** Yumi dán lên tường tờ hiệp thông anh nhận từ người ông quản trong nhà thờ hôm bữa, rồi vẽ một mũi tên màu xanh chỉ hướng lên phía trên. Anh làm thế là vì: Ê-li-a nhận ra Thiên Chúa thật trong sự dịu hiền của Người. Nhưng sự thể hiện tốt nhất về Thiên Chúa được thể hiện nơi Thầy Giêsu chịu đóng đinh trên cây thập giá phía trên tờ hiệp thông. Là hình ảnh trung thực nhất của Thiên Chúa, Thầy Giêsu đã chống lại cám dỗ hành xử bạo lực dưới mọi hình thức và bằng mọi giá. Ai là môn đệ Thầy thì cũng phải chống lại cám dỗ này bằng mọi giá và dưới mọi hình thức.

Joseph Viet, O.Carm.

[080A+V814]

English: <http://only3minutes.wordpress.com/english/where-is-god/>



BTT CGVN xin hân hạnh giới thiệu tác phẩm "Ngủ Trên Sóng" của tác giả Cát Thường.

Tác giả Cát Thường chính là bút hiệu của Lm. Giuse Tuấn Việt, O.Carm, một linh mục rất gần gũi với các bạn trẻ, và luôn hướng lòng về với các bạn trẻ. Ngủ trên Sóng không phải chỉ là một kinh nghiệm sống của một đời thường, nhưng là của một tâm hồn có niềm tin mãnh liệt vào Đức Kito, Đấng đã làm nên mọi sự và vẫn còn đang tiếp tục đồng hành với bất cứ ai tin theo Ngài.

Các bạn có thể tìm gặp tập sách nhỏ rất dễ thương này tại các nhà sách công giáo. Nếu bạn thực tâm muốn đi tìm bình an hạnh

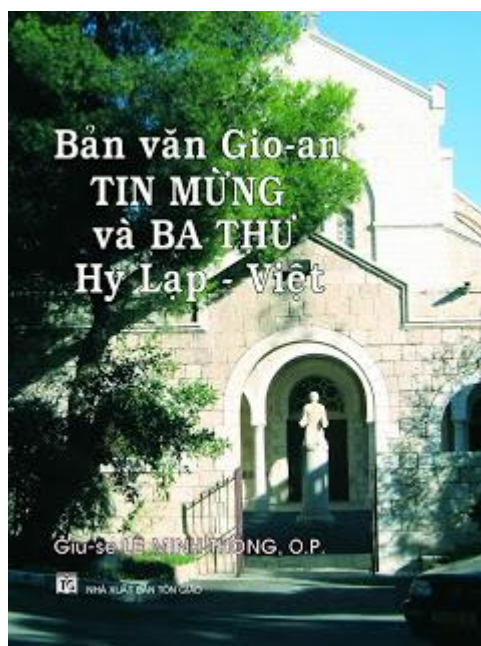
phúc trong cuộc đời luôn đầy biến động này, hãy cùng với Cát Thương chia sẻ "Ngủ Trên Sóng"

Chúc nhau bình an và thật nhiều may mắn.

BBT CGVN

VỀ MỤC LỤC

VẬN MỆNH, BÚT TÍCH VÀ LỜI CHỨNG CỦA NGƯỜI MÔN ĐỆ ĐỨC GIÊ-SU YÊU MẾN - GA 21,20-25.



Bài viết tiếng Pháp và tiếng Anh:

[Jn 21,20-25. Le destin, les écrits et le témoignage du disciple que Jésus aimait.](#)

[Jn 21:20-25. Destiny, writings and testimony of the disciple whom Jesus loved.](#)

Tác giả: [Giu-se LÊ MINH THÔNG, O.P.](#)

Blog: <http://leminhthongtinmunggioan.blogspot.com/>

Email: josleminhthong@gmail.com

Ngày 30 tháng 06 năm 2014.

Nội dung

I. Bản văn Ga 21,20-25

II. Bối cảnh và cấu trúc Ga 21

III. Phân tích

1. Người môn đệ Đức Giê-su yêu mến
2. Ý muốn của Đức Giê-su về môn đệ Người yêu mến
3. Bút tích và lời chứng của người môn đệ Đức Giê-su yêu mến

IV. Kết luận

I. Bản văn Ga 21,20-25

Trích dẫn Ga 21,20-25 dưới đây lấy trong [Bản văn Gio-an, TIN MỪNG và BA THU', Hy Lạp – Việt.](#)

20 Phê-rô quay lại, thấy môn đệ – người Đức Giê-su yêu mến – đi theo sau; ông này là người, trong bữa ăn tối, đã nghiêng mình vào ngực của Người và nói: “Thưa Thầy, ai là kẻ nộp Thầy?” 21 Khi thấy người này, Phê-rô nói với Đức Giê-su: “Thưa Thầy, còn anh này thì sao?” 22 Đức Giê-su nói với ông ấy: “Nếu Thầy muốn anh ấy ở lại cho tới khi Thầy đến, thì việc gì đến anh? Phần anh, anh hãy theo Thầy.” 23 Vậy có lời đồn giữa anh em là người môn đệ ấy không chết. Nhưng Đức Giê-su đã không nói với ông ấy là “Anh ấy không chết”, mà là “Giả như Thầy muốn anh ấy ở lại cho tới khi Thầy đến [, thì việc gì đến anh?]”

24 Chính môn đệ này là người làm chứng về những điều đó và là người đã viết những điều đó, và chúng tôi biết rằng lời chứng của người ấy là xác thực. 25 Còn có nhiều điều khác Đức Giê-su đã làm, nếu viết lại từng điều một, tôi thiết nghĩ cả thế gian cũng không chứa nổi các sách được viết ra.

II. Bối cảnh và cấu trúc Ga 21

Ga 21 được xem là do soạn giả (le rédacteur) sách Tin Mừng Gio-an viết và thêm vào sau. Soạn giả viết kết luận thứ hai (21,24-25) trong khi sách Tin Mừng đã có kết luận thứ nhất ở cuối chương 20 (20,30-31). Ga 21 trình bày tương quan giữa Đức Giê-su với hai khuôn mặt nổi bật của cộng đoàn Gio-an (Johannine community): Si-môn Phê-rô và người môn đệ Đức Giê-su yêu mến. Toàn bộ ch. 21 được cấu trúc thành 4 tiểu đoạn:

(1) 21,1-14. Đức Giê-su Phục Sinh tỏ mình lần thứ ba trên bờ biển hồ Ti-bê-ri-a. Hai nhân vật chính của câu chuyện là Si-môn Phê-rô và môn đệ Đức Giê-su yêu mến. Hai nhân vật này sẽ được bàn đến trong các tiểu đoạn tiếp theo.

2) 21,15-19. Đức Giê-su hỏi Phê-rô ba lần về tình yêu của ông dành cho Đức Giê-su, và ba lần Đức Giê-su giao phó sứ vụ chăn dắt đàn chiên của Người (21,15-17). Sau đó, Đức Giê-su báo trước cách Phê-rô chết để tôn vinh Thiên Chúa (21,18-19), còn bây giờ, nhiệm vụ của Phê-rô là đi theo Đức Giê-su (21,19; x. 21,22).

3) 21,20-23. Ý muốn của Đức Giê-su về vận mệnh của người môn đệ Đức Giê-su yêu mến. Người nói với Phê-rô: “Nếu Thầy muốn anh ấy ở lại cho tới khi Thầy đến, thì việc gì đến anh? Phần anh, anh hãy theo Thầy” (21,22). Lời này được người thuật chuyện lặp lại ở 21,23b để xác định rõ lời Đức Giê-su, bởi vì một số người đã hiểu sai. Cũng như Phê-rô, người môn đệ này cũng là người “đi theo Đức Giê-su” (21,20).

4) 21,24-25. Soạn giả viết kết luận thứ hai của sách Tin Mừng dựa trên bút tích và lời chứng của người môn đệ Đức Giê-su yêu mến.

III. Phân tích

Phần sau sẽ phân tích nhân vật “môn đệ Đức Giê-su yêu mến” trong tiểu đoạn 3 và 4 (21,20-23; 21,24-25) với ba ý: (1) Người môn đệ Đức Giê-su yêu mến. (2) Ý muốn của Đức Giê-su về vận mệnh của người môn đệ này (3) Bút tích và lời chứng của người môn đệ Đức Giê-su yêu mến.

1. Môn đệ Đức Giê-su yêu mến

Động từ “đi theo” (akoloutheô) nối kết vận mệnh của Phê-rô với vận mệnh của người môn đệ Đức Giê-su yêu mến. Ở cuối tiểu đoạn 2 (21,15-19), Đức Giê-su nói với Phê-rô: “Anh hãy theo Thầy” (21,19b). Đến câu mở đầu của tiểu đoạn 3 (21,20-23), người môn đệ Đức Giê-su yêu mến cũng đang trong tư thế “đi theo sau”. Người thuật chuyện kể ở 21,20a: “Phê-rô quay lại, thấy môn đệ – người Đức Giê-su yêu mến – đi theo sau.” Cuối câu 22, Đức Giê-su lại mời gọi Phê-rô: “Phần anh, anh hãy theo Thầy” (21,22b). Qua việc nhấn mạnh ý tưởng “đi theo Đức Giê-su”, nghĩa là “làm môn đệ của Người” bản văn cho độc giả thấy “đi theo Đức Giê-su” là đặc điểm của người môn đệ đích thực, dù đó là người đứng đầu nhóm các môn đệ (Phê-rô) hay là người có tương quan mật thiết với Đức Giê-su (môn đệ Đức Giê-su yêu mến). Nói cách khác các môn đệ qua mọi thời đại được mời gọi “đi theo Đức Giê-su” trong mọi hoàn cảnh, dù trong tình trạng bị bách hại (Phê-rô) hay trong hành trình làm chứng về Đức Giê-su (người môn đệ Đức Giê-su yêu mến).

Người môn đệ Đức Giê-su yêu mến trong đoạn văn 21,20-23 được xác định khi nhắc lại những gì môn đệ này đã làm trong trình thuật nói về Giu-đa, kẻ sẽ nộp Đức Giê-su trong đoạn văn 13,21-31. Ở 21,20, người thuật chuyện nhắc lại hai chi tiết liên quan đến môn đệ Đức Giê-su yêu mến: (1) Chi tiết thứ nhất nói về vị trí đặc biệt của người môn đệ này bên cạnh Đức Giê-su trong bữa tiệc ly: “Ông này là người, trong bữa ăn tối, đã nghiêng mình vào ngực của Người [Đức Giê-su]” (21,20b) // 13,23. (2) Chi tiết thứ hai là lời người môn đệ này nói với Đức Giê-su trong bữa tiệc: “Thưa Thầy, ai là kẻ nộp Thầy?” (21,20c) // 13,24b. Trong trình thuật 13,12-32, người thuật chuyện kể về hai chi tiết này ở 13,23-26: “23 Có một người trong các môn đệ của Người (Đức Giê-su) đang dùng bữa, tựa vào lòng Đức Giê-su, đó là người Đức Giê-su yêu mến. 24 Vậy Si-môn Phê-rô làm hiệu cho ông ấy hỏi xem Thầy nói về ai. 25 Ông này nghiêng mình vào ngực Đức Giê-su nói với Người: ‘Thưa Thầy, ai vậy?’ 26 Đức Giê-su trả lời: ‘Kẻ đó là người mà chính Thầy chấm miếng bánh và trao cho.’ Rồi Người chấm miếng bánh [cầm lấy và] trao cho Giu-đa con ông Si-môn Ít-ca-ri-ốt.”

Hai chi tiết ở 21,20 liên quan đến người môn đệ Đức Giê-su yêu mến cho thấy tầm quan trọng của môn đệ này giữa nhóm các môn đệ và trong cộng đoàn Gio-an. Thật vậy, theo Tin Mừng Gio-an, người môn đệ này có vị trí bên cạnh Đức Giê-su trong bữa tiệc ly (13,23); người môn đệ này đứng dưới chân thập giá Đức Giê-su (19,25); ông là môn đệ đầu tiên “đã thấy và đã tin” (20,8) trước ngôi mộ trống và cũng là môn đệ đầu tiên nhận ra Đức Giê-su Phục Sinh khi Người tỏ mình ở biển hồ Ti-bê-ri-a (21,7). Như thế, phẩm chất về tương quan với Đức Giê-su của môn đệ này hơn Phê-rô, nhưng người môn đệ Đức Giê-su yêu mến không cạnh tranh với Phê-rô. Hai môn đệ có vị trí và vai trò đặc thù riêng trong cộng đoàn các môn đệ.

Trong đoạn văn 21,15-19, Đức Giê-su đã trao cho Phê-rô sứ vụ chăn dắt đàn chiên của Người cách long trọng qua việc Đức Giê-su hỏi và Phê-rô tuyên xưng ba lần tình thương của ông dành cho Đức Giê-su (21,15-17). Đức Giê-su cũng báo trước Phê-rô sẽ chết như thế nào để tôn vinh Thiên Chúa (21,18). Cuối cùng Phê-rô được mời gọi đi theo Đức Giê-su (21,19), nghĩa là sống tư cách người môn đệ. Với sứ vụ mục tử, Phê-rô là người đứng đầu nhóm các môn đệ. Tuy nhiên trong cộng đoàn Gio-an, có những thắc mắc và lời đồn đại về một khuôn mặt bí ẩn, đó là người môn đệ Đức Giê-su yêu mến. Câu Phê-rô hỏi Đức Giê-su: “Thưa Thầy, còn anh này thì sao?” (21,21b) cũng là câu hỏi của cộng đoàn Gio-an và của độc giả. Đặc biệt câu trả lời của Đức Giê-su gây ngạc nhiên và không kém phần bí ẩn: “Nếu Thầy muốn anh ấy ở lại cho tới khi Thầy đến, thì việc gì đến anh? Phần anh, anh hãy theo Thầy” (21,22).

2. Ý muốn của Đức Giê-su về môn đệ Người yêu mến

Ý muốn của Đức Giê-su được chính Người nói ra ở 21,22 và sau đó được người thuật chuyện lặp lại ở 21,23. Lời Đức Giê-su nói với Phê-rô về môn đệ Người yêu mến ở 21,22a: “Nếu Thầy muốn anh ấy ở lại cho tới khi Thầy đến, thì việc gì đến anh?” đã bị hiểu lầm. Có người nghĩ người môn đệ này không chết trước khi Đức Giê-su trở lại. Người thuật chuyện kể ở 21,23a: “Có lời đồn giữa anh em là người môn đệ ấy không chết.” Lời đồn này đã được

người thuật chuyện điều chỉnh lại khi nói rõ ở 21,23b: “Đức Giê-su đã không nói với ông ấy là ‘Anh ấy không chết’, mà là ‘Giả như Thầy muốn anh ấy ở lại cho tới khi Thầy đến [, thì việc gì đến anh?]”

Số phận của Phê-rô được Đức Giê-su nói rõ ở 21,18-19, còn số phận của người môn đệ Đức Giê-su yêu mến không được nói rõ mà lệ thuộc vào ý muốn của Đức Giê-su. Người nói với Phê-rô: “Nếu Thầy muốn anh ấy...” (21,22a). Số phận của người môn đệ này tùy thuộc vào ý muốn của Đức Giê-su chứ không phải ý muốn của cộng đoàn. Mạch văn cho phép hiểu cộng đoàn Gio-an muốn người môn đệ này sống với họ mãi nên mới có lời đồn là môn đệ này không chết. Ước muốn này cũng dễ hiểu vì người môn đệ Đức Giê-su yêu mến là khuôn mặt nổi bật trong cộng đoàn. Lời đồn về người môn đệ này giữa cộng đoàn đã dựa trên cách hiểu không chính xác về lời Đức Giê-su (21,22).

Qua cách thức kể chuyện như trên, độc giả có thể hiểu tình trạng của cộng đoàn Gio-an theo cách giải thích của F. J. Moloney: “Người môn đệ được yêu đã không còn sống nữa, và cộng đoàn không nên ngạc nhiên về cái chết của môn đệ này. Dù điều gì đã xảy ra cho người môn đệ được yêu cũng là làm trọn ý muốn của Đức Giê-su cho môn đệ ấy. Cả hai, Phê-rô (21,18-19) và người môn đệ được yêu (21,22-23) đã chết.” (F. J. MOLONEY, *The Gospel of John*, (SPS 4), Collegeville (MN), The Liturgical Press, 1998, p. 557). Cả hai nhân vật quan trọng này giữ những vai trò khác nhau trong cộng đoàn Gio-an. Phê-rô được Đức Giê-su đặt làm mục tử đàn chiên của Người, còn người môn đệ Đức Giê-su yêu mến, ông đã viết lời chứng xác thực và rất đáng tin cậy của mình về Đức Giê-su cho cộng đoàn.

3. Bút tích và lời chứng của người môn đệ Đức Giê-su yêu mến

Qua những lời Đức Giê-su nói với thân mẫu và với người môn đệ Người yêu mến dưới chân thập giá (19,26-27), môn đệ này được xem là vị sáng lập cộng đoàn Gio-an. Người thuật chuyện kể lời trời của Đức Giê-su ở 19,25-27: “25 Vậy đứng gần thập giá Đức Giê-su, có thân mẫu của Người và chị của thân mẫu Người, Ma-ri-a vợ ông Cơ-lô-pát và Ma-ri-a Mác-đa-la. 26 Khi Đức Giê-su thấy thân mẫu và môn đệ đứng bên cạnh, – môn đệ Người yêu mến –, Người nói với thân mẫu: ‘Thưa bà, đây là con của bà.’ 27 Rồi Người nói với môn đệ: ‘Đây là mẹ của anh.’ Và kể từ giờ đó, người môn đệ đón nhận mẹ về nhà mình.” Đối với cộng đoàn Gio-an, người môn đệ Đức Giê-su yêu mến là nhân vật được kính trọng như là người sáng lập cộng đoàn, thể hiện qua tương quan mật thiết với Đức Giê-su và lời chứng đáng tin cậy của môn đệ này về Đức Giê-su. Người môn đệ này đã đứng dưới chân thập giá và làm chứng về những gì đã xảy ra. Người thuật chuyện long trọng kể lời chứng của môn đệ này ở 19,35: “Người đã xem thấy [môn đệ Đức Giê-su yêu mến], đã làm chứng, và lời chứng của người ấy là xác thực; và người ấy biết rằng mình nói sự thật để cả anh em nữa (độc giả), anh em tin.”

Ở 21,24, soạn giả nói về bút tích và lời chứng của người môn đệ này: “Chính môn đệ này là người làm chứng về những điều đó và là người đã viết những điều đó, và chúng tôi biết rằng lời chứng của người ấy là xác thực” (21,24). Hai lần đại từ “houtos” ở giống trung, số nhiều: “những điều đó” trong các cụm từ “Làm chứng về những điều đó” (21,24a) và “đã viết những điều đó” (21,24b) gợi về cốt lõi nội dung sách Tin Mừng.

Khi soạn giả (le rédacteur) khẳng định: “Chúng tôi biết rằng lời chứng của người ấy (môn đệ Đức Giê-su yêu mến) là xác thực” (21,24b), soạn giả đã nhân danh trường phái Gio-an (trường phái thần học Gio-an, l'école johannique) để xác nhận là người môn đệ Đức Giê-su yêu mến “đã viết những điều đó”, nghĩa là môn đệ này đã để lại bút tích trong sách Tin Mừng. Ngày nay phần lớn các tác giả cho rằng người môn đệ Đức Giê-su yêu mến đã không viết tất cả 20 chương (Ga 1–20) với lời kết luận ở 20,30-31. Tình trạng bản văn Tin Mừng Gio-an như chúng ta có hiện nay cho thấy Tin Mừng được hình thành qua nhiều giai đoạn. Có thể nói rằng nội dung cốt lõi của Tin Mừng Gio-an là bút tích của người môn đệ Đức Giê-su yêu mến (21,24), môn đệ này là người sáng lập cộng đoàn Gio-an và là người đứng đầu trường phái thần học

Gio-an. Sau đó, một hay nhiều thành viên của trường phái này, được gọi là tác giả Tin Mừng, đã hoàn thành bản văn Tin Mừng (Ga 1–20) với kết luận thứ nhất ở 20,30-31. Cuối cùng một hay nhiều soạn giả, thuộc trường phái Gio-an, viết ch. 21 và kết thúc sách Tin Mừng với kết luận thứ hai ở 21,24-25. Soạn giả đã xuất bản và cho lưu hành sách Tin Mừng Gio-an như chúng ta có hiện nay. Tóm lại, có thể nói đến ba giai đoạn chính trong việc hình thành sách Tin Mừng Gio-an: (1) Bút tích của người môn đệ Đức Giê-su yêu mến; (2) Tác giả (l'auteur, l'évangéliste) viết phần chính của sách Tin Mừng và kết luận ở 20,30-31; (3) Soạn giả (le rédacteur) viết ch. 21 và xuất bản Tin Mừng Gio-an như chúng ta đọc hiện nay.

IV. Kết luận

Đoạn văn Ga 21,20-25 nói về số phận bí ẩn của người môn đệ Đức Giê-su yêu mến. Qua câu chuyện, soạn giả cho biết làm thế nào cộng đoàn các môn đệ có thể tồn tại mà không có sự hiện diện thể lý của Đức Giê-su (x. 20,29) và những người lãnh đạo cộng đoàn dần dần ra đi. Bởi vì vào lúc sách Tin Mừng được viết ra, Phê-rô và người môn đệ Đức Giê-su yêu mến đã chết. Thực ra, cộng đoàn vẫn tiếp tục tồn tại và phát triển vì vai trò mục tử của Phê-rô được tiếp nối nơi các đáng kế vị, và người môn đệ Đức Giê-su yêu mến vẫn ở lại cho đến khi Đức Giê-su trở lại nhờ bút tích và lời chứng có uy tín và đáng tin cậy của môn đệ này trong sách Tin Mừng.

Người môn đệ Đức Giê-su yêu mến là một nhân vật có uy thế trong cộng đoàn Gio-an và là hình ảnh về người môn đệ lý tưởng. Độc giả qua mọi thời đại được mời gọi sống theo khuôn mẫu của người môn đệ này: tương quan mật thiết với Đức Giê-su; sống vững mạnh niềm tin và can đảm làm chứng về Đức Giê-su. Độc giả có thể thực hiện lời mời gọi này bằng cách học hỏi và suy gẫm Tin Mừng Gio-an./.

Nguồn: <http://leminhthongtinmunggioan.blogspot.com/2013/05/ga-2120-25-van-menh-but-tich-va-loi.html>

Ghi chú:

Tác giả chịu trách nhiệm nội dung bài viết, vì thế, xin các trang web đăng lại cho hiển thị ngày tháng, nguồn bài viết và đừng chỉnh sửa hay cắt bớt nội dung. Cảm ơn.

Bài viết này đã đăng ngày 19/05/2013 trên blog: <http://leminhthongtinmunggioan.blogspot.com/> với tựa đề tiếng Việt “[Ga 21,20-25. Vận mệnh, bút tích và lời chứng của người môn đệ Đức Giê-su yêu mến](#)” và tiếng Anh: “[Jn 21:20-25. Destiny, writings and testimony of the disciple whom Jesus loved](#).” Nhân dịp viết bài này bằng tiếng Pháp: “[Jn 21,20-25. Le destin, les écrits et le témoignage du disciple que Jésus aimait](#)” bài viết được cập nhật, chỉnh sửa và đề ngày mới.

12 CUỐN SÁCH ĐÃ XUẤT BẢN

[Một số đề tài trong các tập sách](#)

[ĐỊA CHỈ CÁC NHÀ SÁCH](#)

Sách học tiếng Hy Lạp để đọc Tân Ước bằng tiếng gốc:

[1. Ngữ pháp Hy Lạp Tân Ước \(Phần căn bản\)](#)

[2. Cú pháp Hy Lạp Tân Ước](#) (Phần nâng cao)

Bản văn Tân Ước

[1. Bản văn Gio-an, TIN MỪNG và BA THƯ, Hy Lạp – Việt](#)

[2. Tin Mừng Mác-cô, Hy Lạp – Việt](#)

[3. Sách Khải Huyền, Hy Lạp – Việt](#)

Các sách tìm hiểu Tin Mừng Gio-an

[01. Người MÔN ĐỀ ĐỨC GIÊ-SU YÊU MẾN](#)
trong Tin Mừng thứ tư là ai?

[02. TÌNH YÊU và TÌNH BAN trong Ga 15,9-17](#)

[03. KHỦNG HOẢNG và GIẢI PHÁP](#)
cho các môn đệ trong Tin Mừng thứ tư

[04. Phân tích THUẬT CHUYỆN và CẤU TRÚC](#)
áp dụng vào Tin Mừng thứ tư

[05. Đấng PA-RÁC-LÊ – Thần Khí sự thật –](#)
trong Tin Mừng thứ tư

[06. YÊU và GHÉT trong Tin Mừng Gio-an, Phần I](#)

[07. YÊU và GHÉT trong Tin Mừng Gio-an, Phần II](#)

[VỀ MỤC LỤC](#)

CUỘC CHIẾN THIÊNG LIÊNG THEO THÁNH KINH, TRONG HỘI THÁNH & NƠI CÁC THÁNH - ONWARD CATHOLIC SOLDIER

Sẽ được phổ biến liên tiếp nhiều kỳ trên GSVN.

Lời nói đầu: Fr. John Hampsch, C.M.F.

Người dịch: Lm. Minh Anh (Gp. Huế)

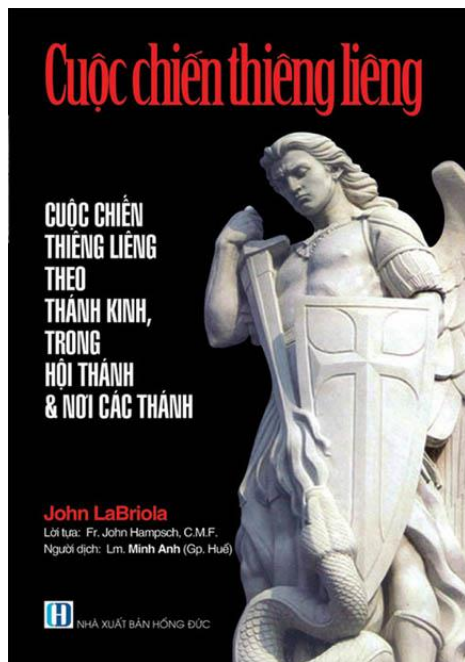
NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

Onward Catholic Soldier

Copyright © 208 by John LaBriola

www.onwardcatholicsoldier.com

onwardcatholicsoldier@gmail.com



Hình bìa là tượng của Thánh Tổng Lãnh Thiên Thần Micae đang canh giữ “Capilla del Cerrito”, hoặc “Chapel of the Little Hill”, “Nhà Nguyện của Ngọn Đồi Nhỏ” trên Đồi Tepeyac, Mexico City, Mỹ Tây Cơ. Nhà nguyện này được xây ngay trên địa điểm Đức Mẹ Guadalupe hiện ra với thánh Juan Diego.

“Đừng sợ những mưu chước, những công kích của ma quỷ, kẻ có thể đến cướp phá và chiếm cứ thành phố linh hồn con. Không, đừng sợ, nhưng hãy như những chiến sĩ đang dàn quân trên mặt trận, vũ trang bằng thanh kiếm đức ái của Thiên Chúa. Thanh kiếm này là ngọn roi quất vào chúng” (Thánh Catarina Siêna).

Mục lục

Đề tặng.....	10
Lời cảm tạ.....	12
Lời nói đầu.....	15
Lời nguyện bảo trợ.....	18
Giới thiệu.....	21

Phần I:

Mưu chước quân thù.....	32
1. Cuộc chiến bắt đầu.....	34
2. Cuộc chiến hoành hành.....	44
3. Cám dỗ.....	53
4. Quấy phá.....	74
5. Did it.....	85
6. Tổn thương & Đau khổ.....	100
7. Thân xác & Linh hồn.....	116
8. Miệng lưỡi, Đôi mắt & Đôi tai.....	127
9. Chỗ bám, Chỗ đứng & Sào huyệt I.....	140
10. Chỗ bám, Chỗ đứng & Sào huyệt II	154
11. Kiêu căng, Nóng giận & Thù hiềm.....	169

Phần II

Huấn luyện tác chiến căn bản

12. Kỷ luật đầu quân.....	186
13. Hãy biết kẻ thù của bạn.....	198
14. Binh giáp của Thiên Chúa.....	212
15. Chống lại Satan.....	227
16. Ăn Bánh Thánh Thể.....	242
17. Cầu nguyện, Chay tịnh & Làm phúc	259
18. Các Bí tích & Á bí tích.....	271
19. Đức Maria, Thiên thần & Các thánh.....	292
20. Ngợi khen, Tôn vinh & Cảm tạ.....	313

Phần III

Huấn luyện tác chiến trường kỳ

21. Những lời nhắc nhở mỗi ngày.....	329
22. Lời hứa, Kiên trì & Bình an.....	348

Phụ lục

Kinh nguyện mỗi ngày

cho cuộc chiến thiêng liêng.....	348
Lời bạt.....	369

LTS. Lm. Minh Anh, TGP Huế có một tài sản rất lớn và quý báu, đồng thời sẵn sàng trao tặng cho bất cứ ai muốn nhận, đó là 13 bản dịch của những tác phẩm uy tín và giá trị. Quý vị có thể chọn lựa tên tác phẩm và xin nhận qua email bằng file, hoặc tham khảo tại đây (tải về máy dễ dàng):

<http://www.conggiaovietnam.net/index.php?m=module2&id=69>

CUỘC CHIẾN THIÊNG LIÊNG THEO THÁNH KINH, TRONG HỘI THÁNH & NƠI CÁC THÁNH - ONWARD CATHOLIC SOLDIER

“Đừng sợ những mưu chước, những công kích của ma quỷ, kẻ có thể đến cướp phá và chiếm cứ thành phố linh hồn con. Không, đừng sợ, nhưng hãy như những chiến sĩ đang dàn quân trên mặt trận, vũ trang bằng thanh kiếm đức ái của Thiên Chúa. Thanh kiếm này là ngọn roi quất vào chúng” (Thánh Catarina Siêna). [...File kèm](#) ➡

Tìm Kiếm và Giữ Lấy Bình An - Searching for and Maintaining Peace

Cần biết rằng, con đường dẫn đến Thiên Chúa, dẫn đến sự trọn lành mà Thiên Chúa đòi hỏi nơi chúng ta thì ngắn hơn, hiệu năng hơn và thật hiển nhiên, dễ dàng hơn khi chúng ta học biết dần dần cách thức giữ lấy bình an thẳm sâu trong tâm hồn ở bất cứ hoàn cảnh nào. Vì lẽ, lúc bấy giờ, tâm hồn đã phó mặc cho sự dẫn dắt của Thánh Thần, và với ân sủng của Người,

Thiên Chúa có thể hành động nhiều hơn những gì mà tâm hồn có thể thực hiện bằng sức riêng của mình. [...File kèm](#) ➡

TỰ DO NỘI TÂM - La Liberté intérieure (Jacques Philippe)

Cuốn sách này nói đến chủ đề nền tảng của đời sống Kitô giáo: tự do nội tâm. Mục đích của nó thật rõ ràng. Mọi Kitô hữu cần khám phá ra rằng, ngay trong những hoàn cảnh bên ngoài bất ư ng nhất, bên trong chúng ta vẫn có một khoảng không tự do mà không ai có thể lấy đi, bởi Thiên Chúa là nguồn mạch và là bảo chứng của tự do đó. Không có khám phá này, chúng ta sẽ luôn luôn bị giới hạn cách nào đó và sẽ không bao giờ nếm hưởng được hạnh phúc đích thực. Nhưng nếu chúng ta học cách để cho khoảng không tự do nội tâm này mở ra, thì dù cho bao điều làm chúng ta đau khổ, vẫn không gì thực sự có thể đàn áp hay nghiền nát chúng ta. [...File kèm](#) ➡

Cẩm Nang Hạnh Phúc Gia Đình Kitô của D. Wahrheit

Cẩm Nang Hạnh Phúc Gia Đình Kitô của **D. Wahrheit** được hiệu đính từ một tập sách rất khó đọc dạng ronéo. Sau một thời gian dài tìm tác giả cũng như người dịch, tôi được Đức Ông Phêrô Nguyễn Văn Tài, Giám Đốc Đài Chân Lý Á Châu, cho biết: các sách có tên tác giả D. Wahrheit là những tác phẩm của Đài Chân Lý Á Châu đã phát thanh, được thính giả ghi lại trong thời gian khó khăn khi chưa có internet (D: Đài; Wahrheit: Chân Lý); và nay, được phép ngài cho phổ biến, tôi chân thành giới thiệu tập sách bổ ích **Cẩm Nang Hạnh Phúc Gia Đình Kitô** này cùng các bạn trẻ, cách riêng những bạn trẻ sắp bước vào đời sống hôn nhân. Lễ Thánh Monica, 27.8.2009. Lm. Minh Anh (Gp. Huế) [...File kèm](#) ➡

Thầy Dạy Khát Khao - Le Maître du désir

Con người muốn sống. Con người được tạo dựng để sống. Không chỉ tự nhiên tìm cách bảo tồn sự sống, nhưng chúng ta còn muốn phát triển nó, làm cho cuộc sống của mình hạnh phúc hơn, tươi đẹp hơn, thanh cao hơn, mạnh mẽ hơn; tắt một lời, sống động hơn. “Vì chưng, gánh nặng nề nhất là tồn tại mà không sống” (Victor Hugo). Sống có ý nghĩa gì nếu không có niềm vui sống? [...File kèm](#) ➡

HOA TRÁI THINH LẶNG - Thoughts in Solitude

Những lời ghi chép trong tập này được viết vào những năm 1953 và 1954 vào thời điểm mà tác giả, nhờ ân sủng của Thiên Chúa và nhờ sự rộng lượng của các Bề Trên, có thể tận dụng những cơ hội đặc biệt dành cho việc tĩnh tâm và suy niệm; từ đó, mới có đề tựa tập sách như trên. Điều này không muốn nói rằng, những lời ghi chép đó mang tính chủ quan hay tự thuật. Chúng không hề được nhắm đến như một tường trình về những cuộc phiêu lưu tinh thần. Đối với tác giả, không có cuộc phiêu lưu nào để viết, và nếu có, nó cũng sẽ không phó mặc cho việc in ấn trong bất kỳ trường hợp nào. Đây chỉ là những suy tư về đời sống chiêm niệm, những hiểu biết bằng trực giác mà dường như có một tầm quan trọng cơ bản vào một lúc nào đó trong quá khứ. [...File kèm](#) ➡

Một Quan Điểm Công Giáo về Tác Phẩm Sống Theo Đúng Mục Đích - “A Catholic Perspective on The Purpose Driven Life”

Là một linh mục Công giáo Rôma, từ hơn 50 năm nay, tôi vẫn thường lướt qua những phim ảnh và những cuốn sách được yêu chuộng như là nguồn tài liệu khả dĩ có thể sử dụng cho việc giảng dạy và viết lách. Sự hiểu kỳ đó đã dẫn tôi đến với quyển sách của Mục sư Rick Warren.

[...File kèm ▶](#)

Sống Theo Đúng Mục Đích - The Purpose-Driven Life

Ngày nay, ta biết quá nhiều thứ, nhưng lại ít biết về chính mình, theo đuổi nhiều thứ nhưng không biết cái gì là chính. Ta quay cuồng và bị lôi kéo, bị xô đẩy giữa biết bao khuynh hướng, trào lưu mà không biết đi về đâu. Biết mình, biết mục đích đời mình và sống đúng mục đích, điều quan trọng bậc nhất trong đời sống này sẽ giúp đời sống ta thay đổi, có ý nghĩa và triển nở đến vô tận. (TGM Giuse Ngô Quang Kiệt, giới thiệu) [...File kèm ▶](#)

BÀI CA CỦA BÌNH MINH - THE SONG OF THE DAWN

Người ta có thể ngạc nhiên khi những ý tưởng sâu sắc lại được tìm thấy trong những tác phẩm thi ca của các nhà thơ hơn là của các triết gia; bởi lẽ, nhà thơ vận dụng hết mọi nỗi niềm và khai thác tối đa khả năng tưởng tượng. Như đá lửa, trong chúng ta, có những hạt giống của ánh sáng. Qua lý trí, triết gia khơi dậy chúng, đang khi nhà thơ làm cho chúng chiếu toả rạng ngời hơn nhờ đặc ân tưởng tượng. Descartes, Cogitationes Privatae [...File kèm ▶](#)

ĐI TRÊN NƯỚC - WALKING ON WATER

Cầu nguyện, yêu thương, đời sống tinh thần, đời sống đạo đức sắp giải thoát bạn khỏi những ảo giác. Một khi đời sống đức tin triển nở, thật tuyệt vời, tuyệt vời! Nhưng khi nó trệch hướng, thì đó là bệnh hoạn, một dịch tễ phải tránh. Khi ảo giác rơi rụng, con tim không còn bị tắc nghẽn, tình yêu sẽ nở hoa. Đó cũng là lúc hạnh phúc chợt đến và bắt đầu có sự đổi thay. Và rồi, chỉ khi đó, bạn mới biết Thiên Chúa là ai... [...File kèm ▶](#)

TAKING FLIGHT - BAY LÊN ĐI!

Đã một thời, Tony de Mello, một linh mục dòng Tên dạy hàng thiêng liêng không ngừng đánh động tâm hồn bao người khắp năm châu; bởi lẽ, ngài quá yêu đời, yêu cuộc sống - một cuộc sống thực tế, sôi nổi và tràn đầy niềm vui. Những chuyện kể đầy mê hoặc, đầy nhiệt huyết, đậm nét hài hước và những hiểu biết sâu sắc của ngài về bí quyết hạnh phúc, về việc khám phá bản ngã đích thực của mỗi người - tất cả đã tạo nên một tác động đầy phấn khích cho bất cứ ai đã từng nghe ngài. Ngài đến cho những tâm hồn được giải thoát, cho người vô cảm biết yêu thương, đem ý nghĩa cho tất cả những gì làm nên một nẻo đường thiêng liêng trên đó bao người đang tiến bước. [...File kèm ▶](#)

SADHANA - MỘT NẸO ĐƯỜNG DẪN TỚI THIÊN CHÚA - Linh Thao Kitô Giáo Theo Lối Đông Phương

Nguyên bản tiếng Anh chúng ta đang có là Sadhana toàn tập, không rút gọn, như tác giả đã lưu ý (complete and unabridged). Vì thế, bạn sẽ có một bản dịch đầy đủ. Ước mong sao, chúng ta cùng khám phá những chiều kích mới mẻ của kho tàng hiểu biết và tinh thần bên trong chính mình, qua việc ý thức đem *toàn thể* con người - thân xác, linh hồn, con tim, lý trí, ký ức và tưởng tượng - đi vào cầu nguyện, đi vào chiêm ngắm Đấng đang ngự ở đó. [...File kèm ▶](#)

HUẾ CỎ VẾT TÍCH ĐẠO VÀ ĐỜI

“**Vestiges Religieux et Profanes du Vieux Hué**” của Cố Ngôn (J. B. Roux) được chuyển dịch như một đóng góp nhỏ nhân dịp Kỷ Niệm 15 Năm Đức Thánh Cha Gioan-Phaolô II tôn phong 117 Hiển Thánh Tử

Đạo Việt Nam (1988-2003) với tựa đề “Vết Tích Chứng Nhân Đức Tin Của Huế Cổ”. Nay, nhân Kỷ Niệm 20 Năm Tôn Phong Các Thánh Tử Đạo Việt Nam (1988-2008), một lần nữa tập sách được tái bản với đề tựa mới, “Vết Máu Trên Huế Cổ”.

[...File kèm](#) ➡

VỀ MỤC LỤC

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN TÌNH CẢM VÀ TÍNH DỤC CỦA LINH MỤC - Thường Huấn Linh Mục Trẻ Huế (Ngày 3/6/2014)

Kính mời viếng thăm www.cvlctt.net (chỉ vì lòng Chúa thương tôi)

tiếp theo kỳ trước

C. KHỦNG HOẢNG LẠM DỤNG TÌNH DỤC VÀ CÁC BIỆN PHÁP CỦA GIÁO HỘI VÀ THẾ GIỚI

1. Về phương diện bản thân

Xét về mặt thể lý, mọi tế bào trong cơ thể cứ từng 7 năm một lần đều được thay thế để tăng trưởng. Vấn đề sinh lý và tính dục cũng thế với các tuyến nội tiết và các loại hooc-môn đặc trưng qua từng giai đoạn của tuổi đời “*không ai dạy cho khi mà khi vẫn biết leo cây*”. Và ngày nay trẻ trưởng thành sinh học sớm hơn, lại có những cách giáo dục giới tính vội vàng không thích hợp, khiến có những cơn sóng ngầm nguy hiểm kích thích nạn lạm dụng tính dục trẻ vị thành niên. Chúng ta cũng cần hiểu biết những xúc cảm bản thân hơn để sống giới tính của mình với tâm hồn bình an thanh thản trong đời tu, thoát khỏi những áp lực căng thẳng của cảm dố và ham muốn gây nên mặc cảm sợ hãi về sự yếu đuối con người của mình, đôi khi tự đặt vấn đề không biết liệu có tu bền đỗ được không?

Chúng ta đi tu nhưng vẫn không thôi là con người có những ham muốn sinh lý tính dục tự nhiên. Nguyên khởi cảm nhận những ham muốn tự nhiên ấy không tội lỗi gì hết, hãy hiểu biết điều đó để tâm hồn bằng an thanh thoát, vì đây là sự phát huy chức năng của các cơ quan thể xác mà Chúa đã an bài để tiếp tục thực hiện công trình sáng tạo. Chỉ thứ phát dừng lại ở những ham muốn đó và tìm cách thỏa mãn trái qui trình bậc sống mới là tội. Để vận dụng tốt các qui trình tự nhiên ấy, chúng ta cần cẩn thận trong những giao tiếp gần gũi thân mật với người khác giới. Cần phải triệt để lưu ý và thực hiện năm yếu tố cần giữ gìn trong các mối tương quan khác phái: - nơi chốn gặp gỡ, - thời gian và thời lượng, - khoảng cách thể lý và tâm lý, - sự có mặt của những người thứ ba – và sống ý thức sự hiện diện khuất ẩn nhưng rất thật của Chúa.

Ai ai cũng đều biết rõ rằng mọi thân xác đều có tính dục và mọi tương quan đều có tính cách phái tính. Có những hoàn cảnh khiến các hấp dẫn và khao khát tự nhiên về tình cảm và tính dục bộc lộ mãnh liệt hơn. Cần lưu ý dữ kiện tâm sinh lý này là **sự hấp dẫn tính dục**. Có sức hấp dẫn tính dục [như Giuse Ai cập với vợ ông quan] hay bị hấp dẫn tính dục [như vua Đavít với vợ của Uria] đều là nguy hiểm: dù là đối với người độc thân hay có gia đình, người thường hay người tu, coi chừng kéo cả gan tấn công hoặc bị tấn công mà vấp ngã. Trong lãnh vực này không ai được phép cho rằng mình mạnh cả. Thánh Phaolô thú nhận: “*Có ai trong anh em yếu đuối mà tôi không cảm thấy yếu đuối; có ai trong anh em sa ngã mà tôi không cảm thấy như thiêu như đốt*”¹ và Ngài nhắc nhở “*ai tưởng rằng mình đang đứng vững hãy coi chừng kéo*

¹ 2 Cr 11, 29.

ngã”². Hãy xem câu chuyện Samson-Dalila trong sách Thủ Lãnh và lấy đó mà răn mình. Gương vua Salomon vào cuối đời cũng là một bài học nhắc nhở quý báu³. Chúa Kitô dạy phải dùng đến hợp lực của sức Chúa và sức con người chúng ta: “*Các con hãy tỉnh thức và cầu nguyện luôn để khỏi sa chước cám dỗ, vì tinh thần thì nhẹ nhàng chóng vánh nhưng xác thịt thì nặng nề yếu đuối*”⁴. ĐHY Carlo Maria Martini nói: “*Mọi người, tín hữu, Giám mục, linh mục phải xác tín rằng không ai chắc chắn bền đỗ được; mối nguy lớn nhất là tưởng rằng mình đã đạt đến một mức ổn định đến nỗi không cần thận trọng nữa*”⁵.

Và khi nhớ yếu đuối mà sa ngã, hãy khiêm tốn cầu xin ơn mau mắn chỗi dậy, sám hối dứt khoát lật sang trang đời mới, dứt đuôi nòng nọc, đứng hẳn về phía Chúa và Giáo Hội⁶. Nói nguyên tắc là vậy, nhưng không dễ đâu, bản thân mình đã rồi mà còn phía kia nữa, “cây muốn lặng mà gió không ngừng”. Do vậy cần phải có thời gian và ơn Chúa, cùng với sự quyết tâm bản thân cao và sự giúp đỡ của người khác. Thế gian không chỉ ghi nhận mọi sơ hở, mà còn gài bẫy để mặc cả, đặt điều kiện ép buộc có lợi cho họ, bất chấp thiệt hại của Giáo Hội, của các linh hồn và của chính bản thân linh mục. Nếu chẳng may vấp phải, hãy khiêm tốn thành thật trình bày với Bề trên Giáo Hội, các ngài sẽ có cách giúp đỡ giải quyết, càng muốn che đậy càng bị kẹt vì phải chấp nhận hết điều kiện nọ đến điều kiện kia, luôn sống trong bất an và sợ hãi (x. câu chuyện xảy ra tại Ba Lan). nỗ lực sống trong sáng và triệt để những đòi hỏi của đời tu, thông cảm nâng đỡ anh em và khiêm tốn cầu xin, vì nếu Chúa không thương che chở thì có khi mình đã sa ngã nặng nề hơn. Ngoài ra, nhớ thực hiện năm phương thế sống lành mạnh các mối tương quan vừa nhắc: Nơi chốn gặp gỡ - Thời gian và thời lượng - Khoảng cách thể lý và tâm lý - Sự có mặt của những người thứ ba - Sống ý thức sự hiện diện khuất ẩn nhưng rất thực của Chúa.

Trong lãnh vực này, chúng ta đừng quên có ba thứ tội tối kỵ đối với linh mục kèm theo vạ tiền kết dành riêng cho Tòa Thánh: Lỗi án tòa giải tội, khuyến dâm trong tòa và giải tội cho đồng phạm. Chúng ta hãy biết điều đó để tránh khỏi cái vạ rắc rối kia, ai có lỡ mà sa ngã thì đừng giải tội cho người đồng phạm, dù có sợ bị lộ phải xấu hổ, hầu khỏi nguy cơ tội chồng chất thêm tội phạm thánh, sống bất an suốt đời, và khi chết biết đi đâu !?

Còn tiếp

VỀ MỤC LỤC

TỬ BIỆT

Câu Chuyện Thầy Lang

Bác sĩ Nguyễn Ý-ĐỨC

Cổ nhân ta vẫn thường nói tới chu kỳ kín của đời người “*Sinh, Lão, Bệnh, Tử*”.

Vâng: có sinh thì có tử, nhưng “*sinh thì hữu kỳ, tử thì vô hạn*”. Nặng bụng cưu mang chín tháng mười ngày là biết rằng con sẽ “nhập thế cuộc”, chào đời. Còn mặc áo mới vĩnh viễn ra đi thì chẳng biết khi nào, ra sao.

2 2 Cr 11,29; 1 Cr 10,12.

3 x. Tl 16,4-6.16-21; Hc 47,13-20.

4 Mc 14,38.

5 ĐHY Carlo Maria Martini, Phaolô đối diện với chính mình, trích trong Alleluiah số 109.

6 x. Rm 13,11-14.

Sinh ly, tử biệt. Vào đời là tạm thời chia ly với cơ thể người mẹ. Rời khỏi cuộc đời là tạm biệt với nhân gian. Hẹn lại cùng nhau gặp ở “cõi thật xa”: Niết Bàn, Thiên Đàng, Aara, Elysium, Soma, Jahannan...Hoặc Địa Ngục để mặt đối mặt với Diêm Vương, luận tội kẻ công.

Với thân xác, bệnh tật thì học giả Ngô Tất Tố đã thoát dịch bốn câu thơ của vua Trần-Thái-Tôn như sau:

“Cũng bởi có thân mà có bệnh

Ví bằng không xác quyết không đau.

Phép tiên chớ vội khoe không chết,

Thuốc thánh còn chưa chắc sống lâu”.

Chưa chắc sống lâu thì có ngày phải biệt tử.

Mà Voltaire đã nói *“Lúc ta chào đời là đã một bước đi về cõi chết”*. Đúng chẳng là con người bắt đầu chết ngay từ lúc sinh ra và trong chu kỳ kín, cái **kết cuộc** nối liền với **khởi điểm**.

Guillaume Amerye (Abbé de Chaulieu) thì rõ ràng hơn *“Cái chết chỉ là sự kết thúc cuộc đời; Nỗi thống khổ, niềm sung sướng không cùng mang theo”*-.La mort est seulement le terme de la vie; De peine ni de biens elle n'est point suivie”.

Với Napoleon Đại Đế *“Chết là giấc ngủ không mơ”* và Shakespeare: *“Kẻ nào chết rồi là sạch nợ”*.

Nói vậy thì chết cũng đơn giản như sanh, đôi khi ồn ào, lộn xộn hơn.

Có người đã ví sự chết của cơ thể như sự tắt của một nhà máy với những động cơ, giây điện. Nhà máy không im lặng ngưng hoạt động khi ta ngắt nút kiểm soát tắt mở mà mọi bộ phận còn cốt kết rên rĩ kêu trong khi chậm lại rồi ngưng.

Ngoại trừ bất thần chết vì tai nạn, thương tích hoặc cơn đột quỵ suy tim, cơ thể cũng cốt kết, rên xiết trước khi sự sống hoàn toàn ngưng. Vì thế Dylan Thomas có nhận xét rằng *“Chúng ta không nhẹ nhàng đi vào tử biệt mà thịnh nộ, nổi khùng trước sự tắt lịm của ánh sáng”*.

Nhưng có người tin rằng ở nội tâm thì lại bình an. Tuy ồn ào nhưng sự chết luôn luôn xác thực. Nhiều người đã tìm được bình an và chân giá trị trong sự xác thực này.

Tư Mã Thiên có ghi: *“Nhân cố hữu nhất tử: Tử hoặc trọng ư Thái Sơn, hoặc khinh ư hồng mao”*. Do đó mới có người khi đối diện với tử thần thì sợ hãi, phủ nhận, cô lập, giận dữ rồi nản nỷ điều đình để rồi cuối cùng cũng phải chấp nhận. Vì số trời đã định.

Y giới thường được huấn luyện để cứu chữa bệnh nhân và kéo dài sự sống trong đó họ đạt được phần thưởng về tinh thần cũng như tài chánh. Nhưng khi không ngăn chặn được sự chết thì họ hết hứng thú và thường chuyển sang đối tượng khác. Và người bệnh đôi khi bị quên lãng, đơn độc ra đi trong tình cảm gia đình, tôn giáo.

Mà ra đi thì xác còn đó, hồn đi đâu, chẳng ai hay. Cho nên Shakespeare đã ví *“Chết chỉ là một cuộc du lịch nhưng chẳng ai quay trở lại”*. Để nói cho nhau biết chết ra sao, như thế nào, và bên kia vui hay buồn, thái bình hay binh đao, độc tài hoặc dân chủ... Chẳng ai “báo cáo” nên người tiễn đưa phải suy luận, tìm hiểu về người ra đi. Đi như thế nào, lúc nào, ra sao.

Từ nhiều thế kỷ, **chết** được hiểu như là khi con người mất hết các chức năng sống: tim ngừng đập vĩnh viễn, hơi thở không còn. Nhưng khi nào thì mạng sống đó được coi như là không còn sống. Đó là điều mà giới y, luật gia, triết nhân, các vị học giả, thường dân, người làm chính trị đã và đang ồn ào, hăng say thảo luận, góp ý.

Vì tạm thời tim ngừng đập, hơi thở gián đoạn khoảng 6 phút mà các bộ phận sinh tử chưa bị tổn thương, con người tưởng như đã mất phần thì y học hiện đại đã phục hồi được các chức năng và cứu sống nhiều người.

Vì vậy tiêu chuẩn **não-tử** brain death được thêm vào.

Não là trung tâm của hệ thần kinh.

Cuống não kiểm soát các chức năng duy trì sinh lực của các cơ quan, bộ phận.

Não điều hòa ý nghĩ, trí nhớ, tình cảm con người.

Năm 1968, Đại Học Y Khoa Harvard đề nghị bốn tiêu chuẩn cho não tử:

- a- Không đáp ứng với cảm giác sờ mó, âm thanh và các kích thích ngoại vi;
- b- Không còn cử động và không còn hơi thở tự phát (spontaneous breathing);
- c- Không có phản xạ.

Phản xạ (reflex) là một sinh hoạt tự động hay không chủ ý do một vòng thần kinh tương đối đơn giản gây ra mà không nhất thiết liên quan tới ý thức. Chẳng hạn khi dùng kim chích nhẹ vào tay một người, thì kim đau sẽ gây ra cử động phản xạ tự vệ tức thì để rút ngón tay lại trước khi não có thời gian gửi cảm giác đau tới các cơ quan liên hệ

- d- Không còn ký hiệu não điện đồ hoặc bất cứ hoạt động điện năng nào từ tế bào não.

Từ năm 1929, bác sĩ thần kinh tâm trí người Đức Hans Berger đã khám phá ra là não bộ có những luồng điện phát ra trong khi não hoạt động. Nhưng khi đó không ai tin. Phải đợi tới khi nhà bác học người Anh Edgar Adrian cụ thể chứng minh được sinh hoạt điện năng này của não thì mọi người mới chấp nhận và Edgar được Nobel Prize vào năm 1932 cùng với Sir Charles Sherrington nhờ kết quả việc nghiên cứu này.

Ngày nay nhiều máy móc tối tân đã ghi nhận được các sinh hoạt điện năng của não bộ với các sóng alpha, beta, delta, theta. Rồi lại còn MRI, PET scan ghi lại các tín hiệu cũng như thay đổi hóa chất của não khi nghỉ cũng như khi làm việc.

Trong tương lai gần đây, chắc là các ý nghĩ thầm kín của ta cũng sẽ được máy móc tìm ra, đọc được.

Tiêu chuẩn não-tử của đại Học Harvard cũng không được mọi giới công nhận là một thử nghiệm để kết luận sự chết. Mỗi quốc gia có những tiêu chuẩn khác nhau.

Từ năm 1981, Hoa Kỳ định nghĩa chết như sự ngưng không đổi ngược của toàn bộ não kể cả phần cuống là nơi điều hòa hô hấp, tuần hoàn và các chức năng khác. Và về pháp lý, các điều kiện trên phải kéo dài sau 12 giờ.

Khi còn ở trong tình trạng thực vật (vegetative state) thì cuống não còn hoạt động và tiếp tục giúp hoàn thành sự hô hấp, tuần hoàn và vài nhiệm vụ khác; nhưng phần não trên điều hòa sự suy tư, thu nhận cảm xúc không còn nữa.

Khi rơi vào tình trạng Permanent vegetative state là tình trạng không có ý thức vĩnh viễn, không đổi ngược trong đó không có cử động tự ý hoặc bất cứ khả năng nhận biết nào; không còn khả năng chủ ý truyền đạt hoặc tương tác với ngoại cảnh. Người bệnh đôi khi rơi vào tình trạng **nhìn theo mà không còn biết gì** (coma vision.)

Cho nên rơi vào Não Tử thì ít khi thoát lưỡi hái Tử Thần dù có cấp cứu tiến bộ tinh vi; tình trạng thực vật vegetative lại vẫn còn nhờ sự toàn vẹn của cuống não để điều khiển một số chức năng của cơ thể cho nên có thể kéo dài sự sống vật vờ cả nhiều năm...

Tử biệt

...Maria được Chúa và Đức Mẹ ban cho tuổi thọ 94, kéo dài sự sống được 10 năm sau khi người chồng thân yêu của bà bình an vĩnh viễn ra đi trong một cơn stroke vào ban đêm. Từ đó bà ở với con này con kia mỗi nơi một vài tháng, nửa năm để bớt đơn côi.

Bà tương đối vẫn mạnh khỏe ngoài vài bệnh thông thường của tuổi già, rất siêng năng làm hạt mân côi và luôn luôn liên lạc, khích lệ con cháu trong sự nghiệp, bổn phận đối với gia đình và xã hội.

Mấy tháng gần đây, bà cảm thấy trong người như không được khỏe cho lắm và bà được đưa vào điều trị tại bệnh viện hơn một tuần rồi xuất viện, về nghỉ ngơi theo dõi bệnh tình ở Skill Nursing Facility do các nữ tu dòng Franciscan tổ chức có nhân viên tận tình chăm sóc. Bà enjoy nếp sống ở đây, tham gia tất cả các sinh hoạt, vui vẻ với mọi người. Bà luôn luôn điện thoại cho con cháu xa gần, khoe là bà cảm thấy hạnh phúc sung sướng lắm...

Rồi một đêm, người nhà được thông báo là bà cảm thấy trong người mệt mỏi, ngực hơi đau, khó thở, đầu hơi choáng váng và được đưa vào phòng cấp cứu. Bà yếu dần, nằm mấy ngày, rồi nhẹ nhàng ra đi trước sự chứng kiến của các con. Bà đã được gọi về nước Chúa, sau khi đã được chịu các phép bí tích của giáo hội...

Trong khi đó, sự ra đi của Lão Tam, một người thân quen trong gia đình, lại có tính cách kinh điển hơn.

Lão được Trời ban cho tuổi thọ gần bát tuần. Ông tương đối vẫn mạnh khỏe, không bệnh kinh niên, không phải dùng thuốc gì, ngay cả Tam Tinh Hải Cầu hoặc nhân sâm, cao hổ cốt..

Nhưng từ nửa năm nay, Lão thấy sức khỏe mỗi ngày mỗi giảm. Lão không còn sinh lực như mấy năm trước, ít quan tâm tới mọi sự chung quanh, đôi khi muốn xa lánh mọi người. Khẩu vị giảm, nhai nuốt khó khăn và ông thấy thực phẩm là không cần thiết. Ông rất sợ khi người thân ép uống súp, ăn thịt, chỉ sợ bị nghẹn, ói. Có những ngày ông ngủ li bì, như để tiết kiệm sinh lực cho những chức năng quan trọng.

Ông bồn chồn trong lòng, nằm ngồi không yên như nhớ như quên điều gì muốn làm muốn thôi, muốn nhắc nhở vợ con. Rồi thở dài, ngán ngẫm. Vào đêm khuya vắng, ông dường như thấy cha mẹ ông xuất hiện đâu đây, ân cần nói chuyện với ông.

Có lúc ông lên kinh, chân tay co giật, hàm cứng lại. Giá có ai bóp tay bóp chân cho mình lúc này nhỉ!.

Ông thấy nhịp tim chậm dần, nhẹ hơn. Hơi thở đôi khi như hụt và nông. Tuần hoàn kém, thân ông giá lạnh vì thiếu máu. Da ông xanh nhợt. Não thiếu oxy nên ông hay choáng váng mày mặt, kèm theo những cơn nhức đầu kéo dài khó chịu. Ngưng ngưng hơn là nhiều lần ông không kèm hãm được đại tiểu tiện, bài tiết trên giường. Người toát ra mùi hôi; nước miếng hoen khóe mép, đóng cặn.

Xương thịt, nội tạng ông đôi khi đau nhức, nhưng không kéo dài lâu. Ông nhớ có người nói, cận tử thì cơ thể tiết ra vài hóa chất giúp giảm sự đau, sự quằn quại khi mô bào, bộ phận bước vào giai đoạn đau đớn của sự chết (agony phase of death). Các bộ phận trong hình hài ông ngưng dần, bộ phận nọ tiếp nối bộ phận kia như những quân bài domino đè lên nhau mà ngã xuống.

Ông mỉm cười chờ đợi. Một ngày đẹp trời nào đó, mắt ông sẽ mờ dần, đồng tử mở rộng nhưng bất động, để đón nhận thêm nhiều ánh sáng. Không gian tối dần, như Victor Hugo than phiền “Tôi chỉ thấy bóng tối” hoặc Emily Dickinson “...sương mù đang bao phủ quanh tôi”. Bắt chước Goeth, ông kêu lên “Light! more light!”, cho tôi thêm ánh sáng !. Để lần cuối nhìn thấy cuộc đời. Rồi ông lịm dần, lịm dần.

Chỉ trong vài giờ, cơ thịt ông co cứng, giá lạnh, xanh lợt. Rồi vài chục giờ sau, cơ thể ông mềm, mô bào tự hủy hoại vì hóa chất tiết ra, rồi thoái rữa vì đám vi khuẩn trong ruột già ruột non đua nhau lan tràn phá phách đó đây.

Rồi thân xác này sẽ được chôn cất dưới lòng đất sâu. Cát bụi lại về cát bụi...

Ông nhớ là cách đây vài tháng, khi linh cảm rằng sẽ đi xa, ông đã làm di chúc. Xin đừng móc dây móc máy vào người tôi khi tôi hấp hối. Cho phép tôi ra đi lành lặn như khi tôi tới. Trên giấy tờ hộ tịch sẽ được ghi tôi chết vì natural cause, rất tự nhiên, điều mà nhiều người mong ước. Và xin cảm ơn mọi người đã chăm sóc tôi, đã lưu tâm tới “**những nhu cầu cận tử**” nhu cầu của người trên ngưỡng cửa tử vong”.

Lão Tam sẵn sàng ra đi.

Như Thomas Edison reo lên Bên kia thế giới sao mà đẹp “*It is beautifull over there*”!

Và bình thản đợi chờ như nhà văn lão thành Mặc Thu viết nhân chuyện “tiễn đưa” nhà văn Mai Thảo.

“Sân ga một đám đứng chờ tàu,

Toàn bạn già xưa biết mặt nhau.

Tàu chạt, có người lên được trước;

Chậm chân, kẻ đợi chuyến tàu sau.

Một đi là chẳng quay đầu lại,

Áo trắng trên người đủ kín thân.

Ra đi giống thuở ai vừa đến,

Tàu suốt trăm năm chỉ một lần.

Sân ga thấp thoáng bóng người già,
Họ sẵn sàng về cõi thật xa.
Hình như trong đám trông chờ ấy,
Có bạn thân tình, có cả ta”.

Vâng. Có cả ta.

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức

www.bsnguyenyduc.com

Tuyển tập Videos Sống Vui Sống Khỏe

Vài hàng giới thiệu : Xin trân trọng giới thiệu tuyển tập Videos "Sống Vui Sống Khỏe" của BS Nguyễn Ý Đức. Tuyển tập này là những bài nói chuyện hữu ích về y tế, dinh dưỡng và sức khỏe của BS Nguyễn Ý Đức trên các đài truyền hình được đưa lên Internet. Cùng với bộ sách "[Câu Chuyện Thầy Lang](#)" và những ấn phẩm đã được xuất bản, những bài viết trên Internet, tuyển tập Videos "Sống Vui Sống Khỏe" này sẽ cung cấp nhiều thông tin hữu ích, đóng góp vào việc cải thiện vấn đề sức khỏe cho cộng đồng người Việt Nam khắp nơi.

<http://www.youtube.com/user/DrNguyenYDuc/videos>

VỀ MỤC LỤC

VỪA

VỪA THÌ ĐỨNG

Sách "Cổ học Tinh hoa" kể lại rằng: Ngày kia, Đức Khổng Tử vào xem miếu Hoàn Công nước Lỗ, thấy có một cái lọ đứng nghiêng. Ngài bèn hỏi người coi miếu. Người ấy nói rằng:

- Đó là một vật quý, nhà vua thường để bên chỗ ngồi chơi, hầu làm gương.

Đức Khổng Tử nói:

- Ta nghe nhà vua có một vật quý để làm gương. Vật đó bỏ không thì đứng nghiêng, đổ nước vừa vắn thì đứng ngay, mà đầy quá thì lại đổ, có lẽ là vật này chăng?

Ngài bèn sai học trò đổ nước vào. Quả nhiên, đổ nước vừa, thì lọ đứng ngay, nước đổ đầy thì lọ đổ; bỏ không, thì lọ đứng nghiêng. Ngài chép miệng than rằng:

- Hỡi ôi! Ở đời chẳng cái gì đầy mà không đổ!

Thầy Tăng Tử hỏi:

- Có cách gì giữ cho đầy mà chẳng đổ không?

Ngài nói:

- Thông minh thánh trí nên giữ bằng cách ngu độn; công lao to hơn thiên hạ nên giữ bằng cách khiêm cung; sức khoẻ hơn đời nên giữ bằng tính nhút nhát; giàu có bốn bề nên giữ bằng thói nhún nhường. Đó là cách đồ bỏ đi để giữ cho khỏi quá đầy mà đổ.

Mặt trời đứng bóng rồi lại xế, mặt trăng tròn rồi lại khuyết, nhân sự cũng vậy, thăng rồi trầm, thịnh rồi suy, đó là luật tự nhiên khó mà tránh khỏi. Tuy vậy, cứ theo lời dạy của Khổng Tử, thì cũng có cách giữ được lâu dài mà không suy đổ. Cách ấy là “hữu nhược vô, thực nhược hư”, nghĩa là có mà như không, đầy đặc mà như trống rỗng.

Vừa thì đứng. Quả là thâm thúy lắm vậy thay.

VỪA THÌ ĐỦ

Câu chuyện trên làm cho gã nhớ tới cái lý thuyết trung dung của Khổng Tử. Thực vậy, ngày xưa các cậu học trò cấp sách đến trường với mơ ước trở thành cụ đồ nho, thường phải học thuộc lòng Tứ Thư và Ngũ Kinh, là những cuốn sách nòng cốt của Nho giáo. Chẳng hạn như vừa mới nhập môn, các cậu đã phải ê a:

- Nhân chi sơ, tính bản thiện.

Trước hết, Ngũ Kinh là bộ sách do một số soạn giả Trung Quốc thời cổ đại, được Khổng Tử sưu tầm và sắp xếp lại thành 5 cuốn:

- Kinh Thi gồm những bài ca dao ở thôn quê và những bài hát ở chốn triều đình.

- Kinh Thư gồm những phép tắc, kế sách, những lời khuyên răn và dạy bảo từ đời Nghiêu Thuấn đến thời Đông Chu.

- Kinh Dịch, sách lý số đưa ra lời giải thích trời đất và muôn vật, có từ trước đời Chu đến đời Hán và được ghi lại thành sách.

- Kinh Lễ gồm các lễ nghi trong gia đình, thôn xóm và triều đình.

- Kinh Xuân Thu, sách sử ký nước Lỗ, được Khổng Tử san định lại theo kiểu biên niên.

Tiếp đến là Tứ Thư với bốn cuốn:

- Đại Học dạy cái đạo của người quân tử.

- Trung Dung gồm những lời dạy bảo của Khổng Tử về cái đạo ăn ở cho đúng mực.

- Luận Ngữ ghi lại những lời Khổng Tử nói với học trò và người đương thời về nhiều vấn đề triết lý, chính trị, luận lý và học thuật.

- Mạnh Tử, sách do Mạnh Tử viết, bàn về cái thiện của con người cùng với chủ trương “dân vi quý”, lấy dân làm gốc.

Tứ Thư và Ngũ Kinh kết hợp với nhau thành một bộ sách căn bản về kinh điển và văn chương của Nho giáo.

Như trên, ta thấy Trung Dung là một trong Tứ Thư. Sách chứa đựng những lời dạy bảo của Khổng Tử do học trò truyền lại, rồi cháu ngài là Tử Tư chép lại thành sách gồm 33 chương. Theo Khổng Tử: Trung hào là tính tự nhiên của trời đất, trung dung là đức hạnh của con người. Trung là ở giữa, không lệch về bên này, cũng không nghiêng về bên kia. Còn dung là bình thường. Sống theo đạo trung phải là điều rất bình thường trong cuộc đời của con người. Đạo trung dung thì ai cũng có được, thế mà không mấy người chịu theo. Chẳng khác gì ai cũng ăn, cũng uống, nhưng rất ít người nhận ra mùi vị của đồ ăn thức uống. Chỉ những bậc thánh nhân mới theo được mà thôi.

Đối với Khổng Tử, trung dung là một cái đạo, một con đường, một triết lý sống của con người. Quan điểm này không khác với quan điểm phương Tây là mấy, bởi vì nếu gã không làm, thì các nhà đạo đức vốn thường bảo: *Virtus in medio stat*. Nhân đức thường đứng ở giữa.

Những điều vừa trình bày ở trên xem ra có vẻ nặng mùi lý thuyết. Người bình dân Việt Nam đã đưa cái lý thuyết này vào cuộc sống và đã đúc kết thành những kinh nghiệm cụ thể.

Cha ông chúng ta cũng đã thường nói: Thái quá bất cập. Phàm những cái gì quá mức, cũng đều bất ổn, nhất là trong mối liên hệ với người khác:

- Già néo thì đứt dây.

- Bên thẳng thì bên phải chùng,

Hai bên đều thẳng, thì cùng đứt dây.

Và như vậy, gã nghiệm ra rằng vừa thì đủ. Giống như một ông bác sĩ chữa trị cho con bệnh. Liều thuốc ông đưa bệnh nhân uống phải vừa đủ. Bởi vì nếu ít quá, bệnh nhân sẽ không khỏi, còn nếu nhiều quá, vượt quá liều lượng cần thiết, bệnh nhân có thể bị ngộ độc và dẫn tới tử vong. Hay như một câu tục ngữ cũng đã bảo: Tham thực cực thân. Ăn nhiều quá thì chỉ chuốc lấy những cực khổ vào thân mà thôi.

VỪA THÌ PHẢI

Mới bước vào cuộc sống hôn nhân, gã nhận thấy nhiều chị vợ bỗng quay phắt 180 độ, thay đổi cái rụp, khiến cho anh chồng bị chói với và hụt hẫng, như lời tâm sự trong “Thư gửi vợ” sau đây:

Nhớ lúc trước em dịu dàng, xinh xắn

Có bao giờ cay đắng với anh đâu.

Giờ cưới xong, sao em cứ “mặt ngầu”?

Làm ông xã của em rầu muốn chết.

Hồi xưa ấy, nàng luôn vui như tết

Dẫu gian nan, thắm mệt vẫn mỉm cười.

Chỉ nhìn thôi, anh hạnh phúc cả người

Anh vẫn ước “tám mươi năm chạy tốt”!

Em bây giờ mới sang ba mươi mốt

Nhưng âu sầu, ủ dột quá đi thôi.

Bao nhiêu phen anh đã góp ý rồi

Nàng sửa đổi có...hai ngày, như cũ!

Em càng ngày càng giống như bà chủ

Cứ la anh đủ thứ chuyện trên đời.

Và có nhiều lý luận rất “trời ơi”

Anh nghĩ đến mà rưng rờ, bãi hoải.

Anh chỉ muốn vợ anh xinh tươi mãi

Như cái hồi ta mới phải lòng nhau.

Được như vậy thời hạnh phúc dạt dào

Lòng vui sướng hồng lờn nào tả xiết!

Nguyễn Huỳnh An Thơ

TP. HCM

Anh chồng bỗng thấy mình bị hất ra bên rìa mái ấm, không còn là chủ gia đình nữa vì mọi quyền hành đã chui tọt vào tay chị vợ:

Có câu: “nhất vợ, nhì trời”

Ngẫm ra từng chữ, từng lời chẳng sai.

Trong nhà em thật là oai

Một lời em phán bằng hai lệnh trời.

Em giận, năn nỉ hết hơi

Phân bua cho lắm, rốt rồi...anh thua.

Ông trời mưa nắng hai mùa

Còn em mưa-nắng-nắng-mưa...bất thường.

Em “chăm” quản lý tiền lương

Hoá đơn: điện nước, em nhường cho anh.

Thương em vất vả điều hành

Thủ thành, thủ quỹ, lại giành...thủ kho.

Biết điều anh phải ráng lo

Bằng không em chẳng cho chung một mừng.

Lệnh em nếu hồng phục tùng

Thế nào cũng có “bão bùng” nổi lên.

Chuyện nhà toàn việc không tên

Thương em, anh nghĩ chẳng nên nề hà.

Vợ ơi, vợ hỡi, vợ à!

Quyền uy như thế, đúng là nhất...em.

Lê Anh Vũ

Trong sự nghiệp “nuôi chồng khỏe, dạy chồng ngoan”, nhiều chị vợ cũng muốn áp dụng một thứ kỷ luật sắt, đưa ra những luật lệ, giống như 9 điều dưới đây được soạn ra nhằm bảo đảm sự “công bằng” giữa vợ và chồng:

1- Luật trong nước: Nhất vợ, nhì chồng.

2- Luật ngân sách: Chồng không thể là người giữ chìa khoá kho bạc, ngay cả khi vợ vắng nhà vài ngày.

3- Luật lao động: Chồng là người cho con bú, rửa chén và giặt đồ.

4- Luật thương mại: Mọi sự mua bán đều phải trình vợ duyệt.

5- Luật doanh nghiệp: Tất cả những hợp đồng đã ký kết với vợ phải triệt để thi hành.

6- Luật kinh tế: Nhà thiếu gạo, nhưng vợ không thể không có thêm một bộ quần áo mới trong ba tháng.

7- Luật gia đình: Nghiêm cấm mọi hành vi đánh lại vợ.

8- Luật bản quyền: Tác giả của cái bầu là chồng, còn xuất bản hay không là quyền của vợ.

9- Luật cung cầu: Chồng lúc nào cũng phải bảo đảm “cung” theo yêu “cầu” của vợ.

Khi nào có bổ sung, thì vợ sẽ thông báo sau, vì vợ là người làm luật.(Thanh Ly st)

Cũng trong sự nghiệp “nuôi chồng khỏe, dạy chồng ngoan”, nhiều chị vợ muốn chồng mình phải tốt ngay, phải giỏi ngay, mà quên mất cái kinh nghiệm quý giá, đó là “dục tốc bất đạt”, vội quá thì không đạt được như lòng mong ước.

Uốn cây thì phải từ từ. Nóng vội sẽ làm cho cây bị gãy. Sửa lại một sai lỗi của anh chồng không phải là chuyện dễ, nhiều khi gắt quá sẽ tạo nên tác dụng ngược, khiến anh chồng càng

chìm sâu vào những sai lỗi của mình. Gã xin đưa ra một vài thí dụ điển hình được Tô Diệu Hiền đề cập đến trong một bài viết trên báo Phụ Nữ Thứ Tư.

Để chữa trị bệnh lười mẫn tính của chồng, chị vợ thường kết án nào là chồng ích kỷ, vô dụng, thiếu trách nhiệm. Khi đứa con có biểu hiện lười học, chị lại phán: Giống như bố mày. Nói trong nhà chưa đủ, chị còn mắng vốn nhà chồng để kiếm thêm đồng minh. Nói riết chẳng ăn thua, chị bèn nêu “gương điển hình” của ông hàng xóm, để chồng có hướng phấn đấu. Không ngờ, anh chồng không noi theo, mà lại còn sẵn sàng gây hấn với ông hàng xóm mỗi khi có dịp chạm mặt. Cuối cùng, chị đành phải thú nhận sự thất bại của mình:

- Thực ra, trước kia anh ấy cũng không đến nổi chây lười như thế, chỉ vì tôi quá nôn nóng và không biết khuyến khích chồng. Mỗi khi anh phụ việc, tôi không khen vì cho rằng đó là trách nhiệm của anh. Tâm lý của bà vợ nào cũng muốn chồng phải giỏi ngay và giỏi hơn nữa, chứ không dừng lại ở đó, nhưng bản tính con người đã có từ bé, không thể thay đổi ngay trong một sớm một chiều.

Anh chồng khác có tật hay nhậu với bạn bè. Để “sì tốp” cái tính ham vui của chồng, chị vợ thường điện thoại nhắc chừng chồng mua đồ, rước con...Sau một thời gian được vợ “bảo ban”, anh chồng có tiến bộ, nhưng cũng chỉ cố gắng làm xong nhiệm vụ vợ giao, rồi lại đi nhậu tiếp.

Được thể, chị vợ dần thêm bước nữa, thường xuyên “giáo dục tư tưởng” cho chồng, nhưng có lần anh chồng đã phản ứng mạnh:

- Già mồm, biết rồi mà cứ lải nhải hoài.

Chị cự nự:

- Biết kiểu gì mà không thấy sửa đổi, vẫn chừng nào tật nấy. Nếu anh không tự giác bỏ nhậu, thì tôi sẽ ra tay, anh đừng có trách.

Chị vợ bắt đầu làm mặt ngầu, không nể nang với bạn nhậu của chồng. Không ngờ, anh chồng cho rằng vợ làm vậy là mất mặt, nên bỏ đi nhậu suốt đêm. Trước nay, chưa bao giờ anh làm thế.

Khi anh chồng có thói tật hoặc những lỗi lầm, thì đương nhiên chị vợ trở thành “bác sĩ gia đình”. Điều quan trọng là phải sáng suốt để quyết định liều lượng và thời gian điều trị cho đúng. Bởi vì nói nhiều thì chạm tự ái, họ sẽ không tiếp nhận. Còn nói ít hay không nói, họ sẽ không biết cần thay đổi chỗ nào và thiếu động lực để sửa chữa. Vì thế, chỉ có “vừa” là phải. Nhưng thế nào là vừa phải?

Theo các chuyên viên tâm lý, để được “đúng liều” thì phải tùy theo từng hoàn cảnh của gia đình và cá tính của mỗi người. Với người này là quá, nhưng với người khác có khi lại chưa đủ. Muốn được như vậy, chị vợ cần phải bình tĩnh, nghĩ rồi mới hành động, mới góp ý. Cố gắng nói ít, không nói vòng vo, việc nọ xọ việc kia, Mỗi lần chỉ nên đề cập đến một sự việc. Cách nói không phê phán, không ra lệnh, nhưng mang tính tin tưởng, theo tinh thần “đóng cửa bảo nhau”.

Ngoài ra, cũng cần cho chồng một thời gian thay đổi, ta phải kiên nhẫn chờ đợi. Và khi anh chồng thay đổi và có tiến bộ, chị vợ phải có thái độ ghi nhận những cố gắng của chồng, cho dù sự tiến bộ có đi theo vận tốc của cụ rùa. Dồn ép quá, sẽ khiến anh chồng chán ngán rồi bỏ cuộc.

Mưa dầm thấm đất. Lạt mềm cột chắc. Xem ra cũng có lý quá đi chứ!

VỀ MỤC LỤC

Giáo sĩ: xuất phát từ giáo dân, hiện diện vì giáo dân và cậy dựa vào giáo dân

- Mọi liên lạc: Ghi danh, thay đổi địa chỉ, đóng góp ý kiến, bài vở..., xin gởi về địa chỉ

giasivietnam@gmail.com

- Những nội dung sẽ được đề cao và chú ý bao gồm:

Trao đổi, chia sẻ những kinh nghiệm thực tế trong việc mục vụ của Giáo sĩ; Những tài liệu của Giáo hội hoặc của các Tác giả nhằm mục đích Thăng tiến đời sống Giáo sĩ; Cổ vũ ơn gọi Linh mục; Người Giáo dân tham gia công việc “Trợ lực Giáo sĩ” bằng đời sống cầu nguyện và cộng tác trong mọi lãnh vực; Mỗi Giáo dân phải là những “Linh mục” không có chức Thánh; Đối thoại trong tinh thần Bác ái giữa Giáo dân và Giáo sĩ... (Truyền giáo hay xây pháo đài?)

- Quy vị cũng có thể tham khảo những số báo đã phát hành tại

www.conggiaovietnam.net

Rất mong được sự cộng tác, hưởng ứng của tất cả Quý vị

Xin chân thành cảm ơn tất cả anh chị em đã sẵn lòng cộng tác với chúng tôi bằng nhiều cách thể khác nhau.

TM. Đặc San Giáo Sĩ Việt Nam

Lm. Luca Phạm Quốc Sử USA